

HỘ KINH DOANH THƯƠNG THỊ MINH THÙY



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI
TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**“GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN
LIỆU GỖ PHÔI (KHÔNG SƠN SẢN PHẨM)”**

**Địa chỉ: Thửa đất số 35 – tờ bản đồ số 12 – KP 2 - phường
Vĩnh Tân – thị xã Tân Uyên – tỉnh Bình Dương.**

Tân Uyên, tháng 08 năm 2022

HỘ KINH DOANH THƯỢNG THỊ MINH THÙY

----- 80 ✧ 03 -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**“GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN
LIỆU GỖ PHÔI (KHÔNG SƠN SẢN PHẨM)”**

**Địa chỉ: Thửa đất số 35 – tờ bản đồ số 12 – KP 2 - phường
Vĩnh Tân – thị xã Tân Uyên – tỉnh Bình Dương.**

Chủ đầu tư

**HỘ KINH DOANH
THƯỢNG THỊ MINH THÙY**



THƯỢNG THỊ MINH THÙY

Đơn vị tư vấn

CÔNG TY TNHH TM & DV

HƯƠNG XANH



Dặng Thanh Hải

Tân Uyên, tháng 08 năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH.....	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	vii
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1. Tên chủ dự án đầu tư	1
Tên dự án đầu tư	1
2.1. Địa điểm kinh doanh.....	1
2.2. Quy mô của dự án đầu tư.....	3
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	4
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	4
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	4
3.2.1. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	4
3.2.2. Mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	9
3.3. Sản phẩm của dự án	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	9
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng tại dự án.....	9
4.2. Máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án	15
4.3. Nhu cầu sử dụng điện của dự án	21
4.4. Nhu cầu sử dụng nước của dự án.....	21
4.5. Nhiên liệu khác	22
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án.....	22
5.1. Tiến độ thực hiện dự án	22
5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	23
5.2.1. Giai đoạn xây dựng.....	23
5.2.2. Giai đoạn hoạt động.....	23
5.4. Nhu cầu lao động	24
5.5. Hạng mục công trình của dự án	24
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	26
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	26
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	26
CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ ...	28
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	28

1.1. Hệ sinh thái trên cạn.....	28
1.2. Hệ sinh thái dưới nước.....	28
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	28
2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải	28
2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải	29
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án.....	30
3.1. Hiện trạng môi trường không khí và vi khí hậu.....	31
3.2. Hiện trạng môi trường đất.....	32
CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	34
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.....	34
1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải	34
1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.....	34
1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	35
1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.....	36
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	36
2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	36
2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	45
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn	49
2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.....	54
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	54
2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả thải nước thải vào công trình thủy lợi.....	57
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	57
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	59
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	61
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	61
1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	61
1.2. Lưu lượng xả thải.....	61
1.3. Dòng nước thải	61
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	61
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận	61
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	62
2.1. Nguồn phát sinh khí thải.....	62

2.2. Lưu lượng xả khí thải.....	62
2.3. Dòng khí thải	62
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	63
2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải và nguồn tiếp nhận	63
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.....	63
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn.....	64
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn	64
3.3. Giá trị giới đối với tiếng ồn, độ rung:	64
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	65
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	65
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	65
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	65
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....	66
2.1. Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.....	66
2.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành chính thức	67
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	68
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	69

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí dự án và các đối tượng xung quanh	2
Hình 1.3. Sơ đồ bố trí sản xuất	3
Hình 1.5. Quy trình gia công đồ gỗ gia dụng của dự án.....	4
Hình 1. 2. Một số hình ảnh công đoạn cưa, cắt gỗ	7
Hình 1. 3. Một số hình ảnh công đoạn bào, khoan	7
Hình 1. 4. Một số hình ảnh công đoạn chà nhám	8
Hình 1. 5. Minh họa công đoạn lắp ráp	8
Hình 1. 6. Minh họa công đoạn kiểm tra, đóng gói sản phẩm.....	8
Hình 1. 7. Một số thành phẩm minh họa	9
Hình 1.12. Sơ đồ quản lý và thực hiện trong giai đoạn xây dựng	23
Hình 1.13. Sơ đồ quản lý và thực hiện của dự án.....	23
Hình 3.1. Sơ đồ vị trí lấy mẫu tại dự án.....	30
Hình 4.1. Sơ đồ quản lý nước thải của dự án.....	37
Hình 4.2. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	37
Hình 4.3. Quy trình công nghệ HTXLNT công suất 5 m ³ /ngày.....	39
Hình 4.4. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi thô	45
Hình 4.5. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của Cyclone	46
Hình 4.6. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi mịn.....	47
Hình 4.7. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của thiết bị lọc bụi túi vải	48
Hình 5.1. Vị trí xả nước thải.....	62
Hình 5.2. Vị trí xả khí thải.....	63

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Tọa độ vị trí khu vực dự án (Tọa độ VN 2000)	1
Hình 1. 1. Vị trí dự án (ảnh chụp từ Google map).....	2
Bảng 1.2. Công suất của dự án	4
Bảng 1.3. Sản phẩm của dự án.....	9
Bảng 1.4. Nguyên liệu sử dụng của dự án	10
Bảng 1.5. Định mức sử dụng nguyên vật liệu trong gia công đồ gỗ của dự án.....	14
Bảng 1.6. Bảng cân bằng vật chất gia công đồ gỗ của dự án	15
Bảng 1.7. Danh sách thiết bị, máy móc	16
Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước.....	21
Bảng 1.9. Nhu cầu nhiên liệu của dự án	22
Bảng 1.10. Tiến độ thực hiện dự án.....	22
Bảng 1.11. Các hạng mục công trình của dự án	24
Bảng 3.1. Vị trí lấy mẫu môi trường.....	30
Bảng 3.2. Điều kiện vi khí hậu của khu vực dự án.....	31
Bảng 3.3. Chất lượng không khí khu vực dự án.....	31
Bảng 3.4. Kết quả phân tích mẫu đất của khu vực dự án	32
Bảng 4.1. Hạng mục công trình HTXLNT	41
Bảng 4.2. Thông số kỹ thuật của thiết bị	42
Thông số kỹ thuật của hệ thống cyclone thu bụi như sau:.....	46
Bảng 4.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống cyclone	46
Thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi túi vải di động như sau:	48
Bảng 4.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi túi vải di động	48
Bảng 4.6. Khối lượng thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng	50
Bảng 4.7. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý	50
Bảng 4.8. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại	50
Bảng 4.9. Khối lượng bao bì thải dính thành phần nguy hại.....	51
Bảng 4.9. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	57
Bảng 4.10. Tổ chức quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.....	58
Bảng 4.11. Đánh giá độ tin cậy của các kết quả đánh giá	59
Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	61
Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	63
Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	65
Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải.....	65

Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình	66
Bảng 6.4. Kinh phí quan trắc môi trường	68

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên & Môi trường
BYT	Bộ y tế
BVMT	Bảo vệ môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại
ND – CP	Nghị định – Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	Ủy ban nhân dân
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
BOD ₅	Nhu cầu oxy hóa sinh hóa đo ở 20 ⁰ C – đo trong 5 ngày
COD	Nhu cầu oxy hóa
DO	Oxy hòa tan
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên hộ kinh doanh: THƯỢNG THỊ MINH THÙY
- Địa điểm kinh doanh: Thửa đất số 35 – tờ bản đồ số 12 – KP 2 - phường Vĩnh Tân – thị xã Tân Uyên – tỉnh Bình Dương
- Người đại diện pháp luật: (Bà) Thượng Thị Minh Thùy
Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 46E8029613, đăng ký lần đầu ngày 23/05/2022 do UBND thị xã Tân Uyên cấp.
Mã số thuế: 8045152582
Số điện thoại: 0983.117.399

Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 46E8027864, đăng ký lần đầu ngày 04/06/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 23/06/2022 do UBND thị xã Tân Uyên cấp.

Tên dự án đầu tư

**“GIA CÔNG ĐÓ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHÔI
(KHÔNG SƠN SẢN PHẨM)”**

2.1. Địa điểm kinh doanh

- Thửa đất số 35 – tờ bản đồ số 12 – KP 2 - phường Vĩnh Tân – thị xã Tân Uyên – tỉnh Bình Dương.

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất:

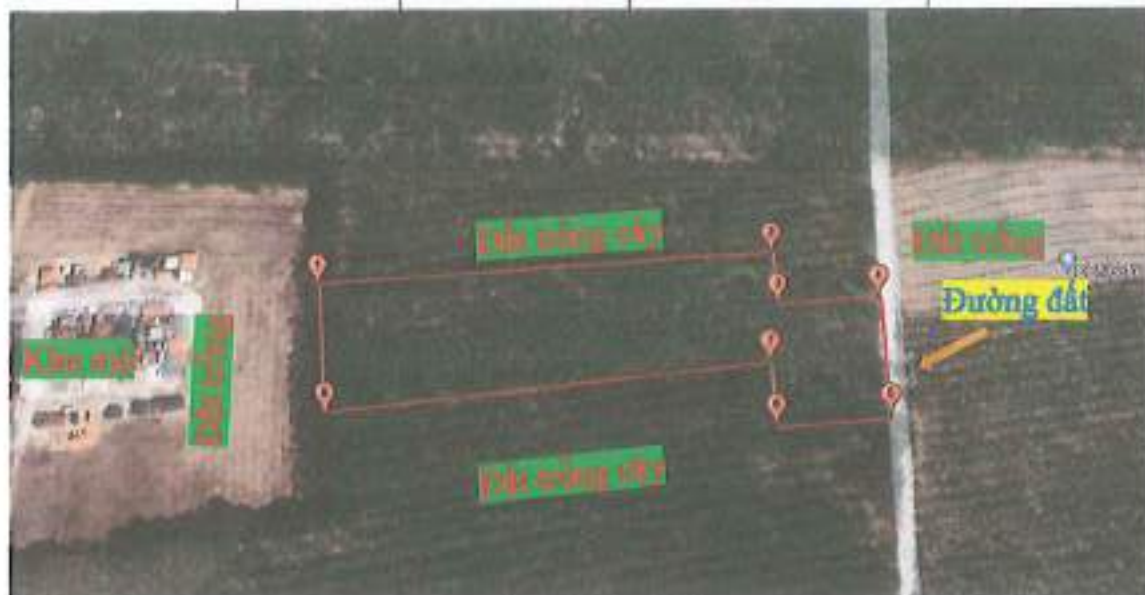
Thửa đất số 35 – tờ bản đồ số 12 – KP 2 - phường Vĩnh Tân – thị xã Tân Uyên – tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của bà Thượng Thị Minh Thùy được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 612924 số vào sổ cấp GCN CS 08060 ngày 14/09/2016.

Bà Thượng Thị Minh Thùy đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường – UBND thị xã Tân Uyên thẩm định nhu cầu sử dụng đất đồng thời thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất tại phường Vĩnh Tân để thực hiện dự án “Gia công đồ gỗ gia dụng từ nguyên liệu gỗ phôi (không sơn sản phẩm)” với diện tích đầu tư khoảng 8.843,3 m² theo công văn số 660/PTNMT- ĐĐ cấp ngày 17/05/2022.

Bà Thượng Thị Minh Thùy đã được UBND thị xã Tân Uyên ban hành Quyết định về việc cho phép được chuyển mục đích sử dụng đất số 3775/QĐ-UBND ngày 29/6/2022.

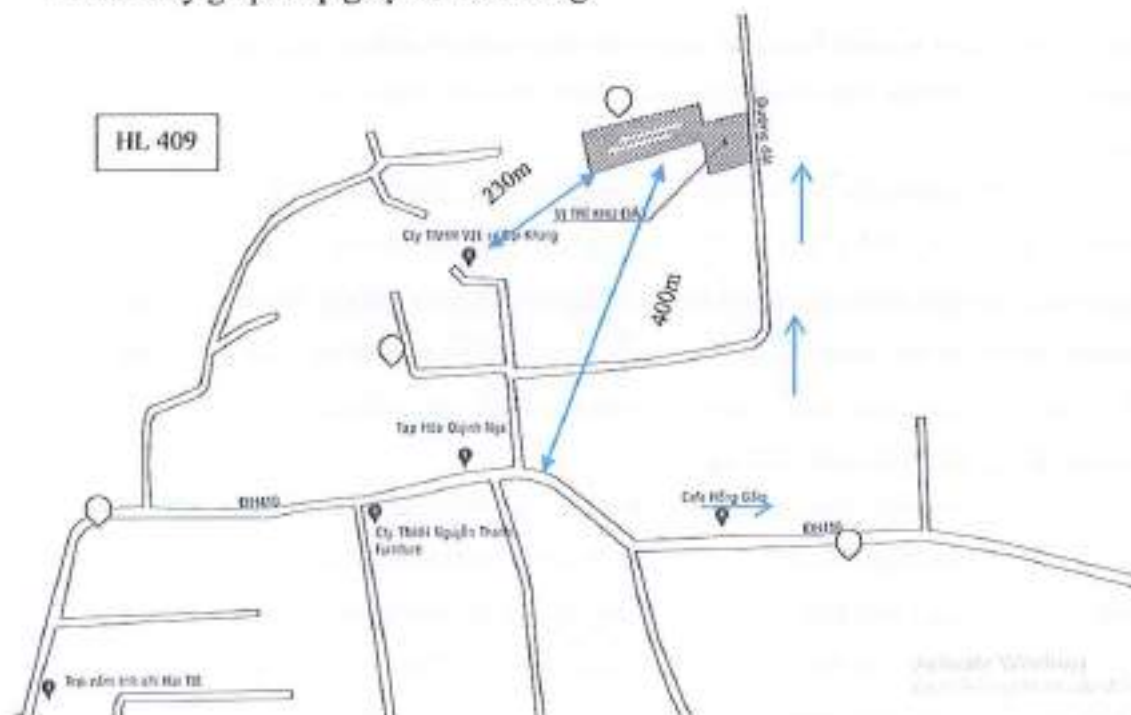
Bảng 1. 1. Tọa độ vị trí khu vực dự án (Tọa độ VN 2000)

Vị trí tiếp giáp	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
1	1231537.58	688988.26
2	1231570.68	689150.60
3	1231550.98	689154.72
4	1231558.31	689190.46



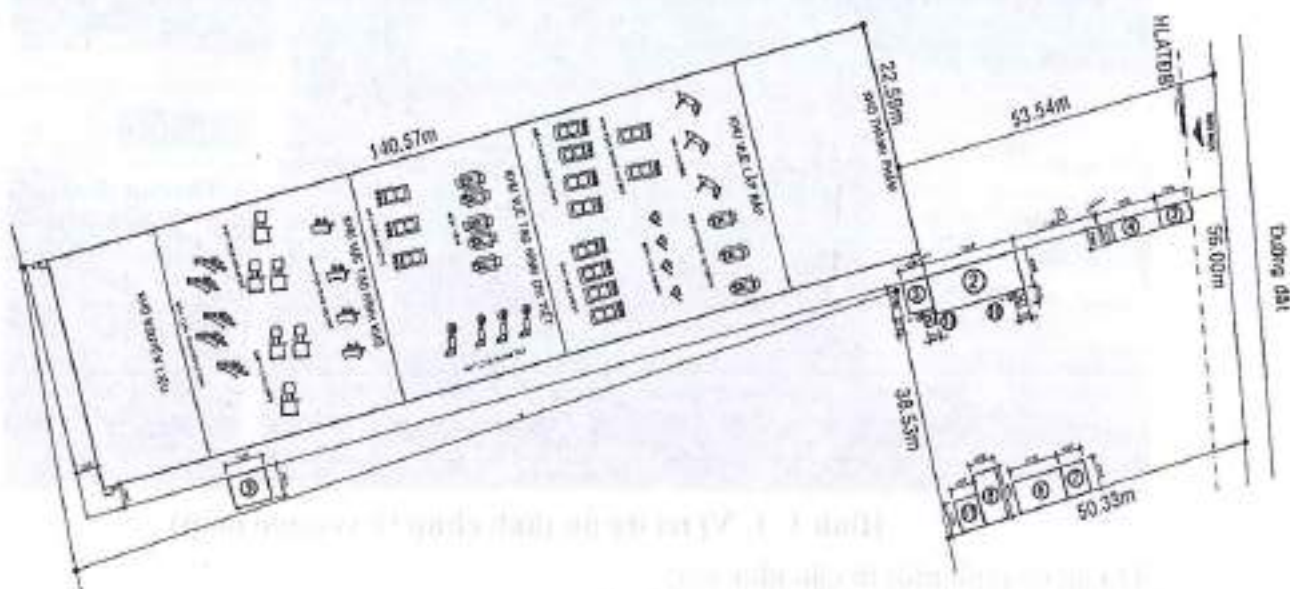
Dự án có ranh giới từ cận như sau:

- Phía Bắc giáp: tiếp giáp đất trồng cây
- Phía Đông giáp: tiếp giáp với đường đất và đất trồng
- Phía Nam giáp: tiếp giáp với đất trồng cây
- Phía Tây giáp: tiếp giáp với đất trồng



❖ Vị trí xây dựng Dự án có khoảng cách với các đối tượng xung quanh sau:

- Xung quanh dự án chủ yếu là đất trồng cây và đất trống
- Cách Công ty TNHH MTV Sản xuất Mộc Bảo Trân khoảng 100m
- Cách Công ty TNHH Vật tư Đại Khang khoảng 230m
- Cách Công ty TNHH MTV Lê Tùng Dương khoảng 340m
- Cách đường ĐH410 khoảng 400m
- Cách UBND phường Vĩnh Tân khoảng 3,5km



Hình 1.3. Sơ đồ bố trí sản xuất

2.2. Quy mô của dự án đầu tư:

- Ngành nghề đầu tư của dự án là “Gia công đồ gỗ gia dụng từ nguyên liệu gỗ phối (không sơn sản phẩm)”; Căn cứ theo Phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Ngành nghề đầu tư của dự án với tổng vốn đầu tư là 10.000.000.000 đồng: Căn cứ điểm b, khoản 5, Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường thì dự án thuộc nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định nên dự án thuộc danh mục các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

- Tổng diện tích khu đất khoảng 9.123,3 m²: Căn cứ điểm b, Khoản 1, Điều 25 và Phụ lục III, IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án thuộc quy mô trung bình.

Do đó, dự án của Hộ kinh doanh Thượng Thị Minh Thùy thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND thị xã.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Bảng 1.2. Công suất của dự án

STT	Sản phẩm	Khối lượng trung bình m ³ /sản phẩm	Số lượng sản phẩm/năm	Tổng khối lượng m ³ /năm
	Bàn	0,092	3.000	276
	Ghế	0,024	4.200	100,8
	Giường	0,169	5.700	963,3
	Tủ	0,164	4.700	770,8
TỔNG			17.600	2.110,9

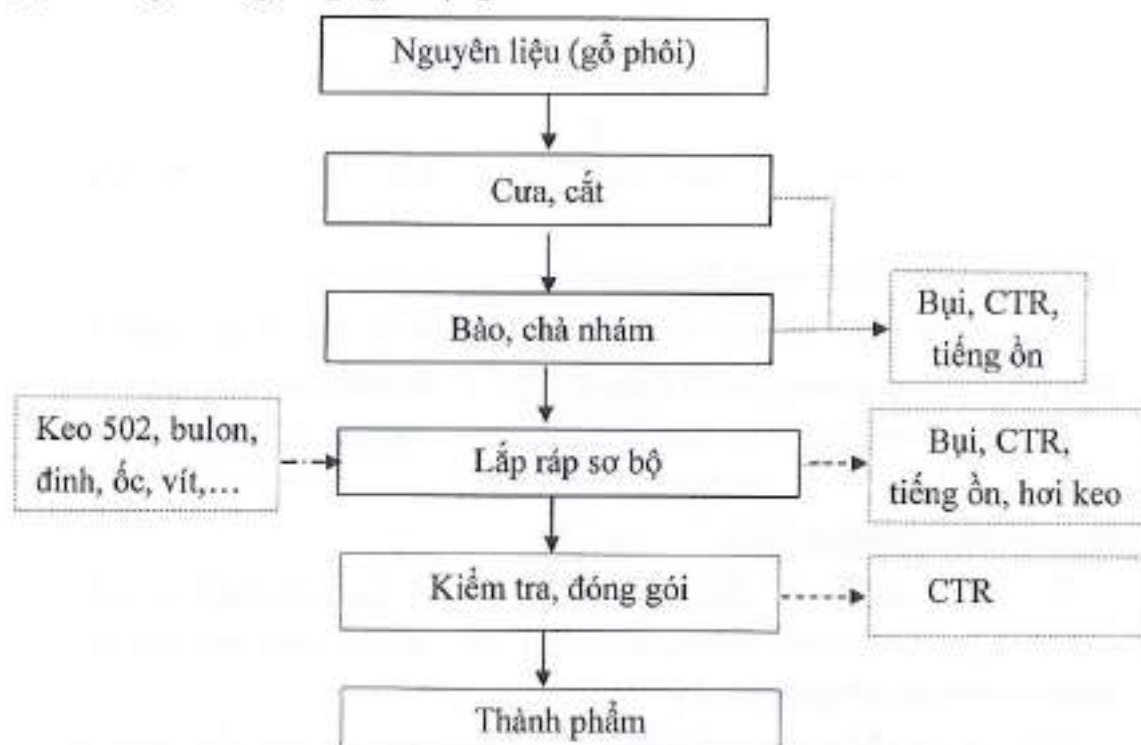
(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Ghi chú: Đối với các sản phẩm đồ gỗ gia dụng của dự án, nguyên liệu đầu vào được dùng là gỗ phôi với tỷ trọng trung bình của gỗ phôi là 0,65 tấn/m³. Như vậy, khối lượng sản phẩm đồ gỗ gia dụng tại dự án có công suất khoảng $2.110,9 \times 0,65 = 1.372,09$ tấn/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

3.2.1. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

❖ Quy trình gia công đồ gỗ gia dụng



Hình 1.5. Quy trình gia công đồ gỗ gia dụng của dự án

Thuyết minh quy trình:

Các sản phẩm tại dự án là đồ gỗ gia dụng (không có công đoạn sơn), các sản phẩm này chủ yếu được nhận gia công cho các đơn vị khách hàng là các cơ sở, công ty sản xuất khác.

Vì vậy, các sản phẩm tại dự án chỉ được tiến hành lắp ráp tạo hình, không thực hiện công đoạn sơn tại dự án.

Nguyên liệu: Nguyên liệu đầu vào của dự án là gỗ phôi (gỗ đã qua sơ chế, sấy) được nhập về từ các nhà máy chế biến gỗ.

Cưa, cắt: Sau công đoạn chuẩn bị nguyên liệu, gỗ sẽ được đưa đến công đoạn cưa, trên máy cưa cắt, máy tiện. Các mẫu sản phẩm được nhà máy thiết kế hoặc khách hàng cung cấp, gỗ nguyên liệu sẽ được cưa cắt theo kích thước định sẵn. Để tạo thành một chi tiết theo yêu cầu, công đoạn cưa cắt cần khoảng 8 phút. Tại công đoạn cưa cắt, dự án sử dụng khoảng 10 máy cưa và 5 máy tiện. Nhu cầu sử dụng lao động tại công đoạn này khoảng 20 người.

Bào, khoan: Tiếp theo các chi tiết thô sẽ được gia công chi tiết trên máy bào để tạo độ chuẩn, độ láng và hoa văn cho sản phẩm và khoan các mộng lắp ghép. Mỗi chi tiết cần khoảng 10 phút để bào hoàn thiện và khoan. Công đoạn này dự án sử dụng 7 máy bào và 6 máy khoan. Lao động sử dụng trong công đoạn này là 20 người (2 người sử dụng cho máy bào và 1 người cho máy khoan).

Chà nhám: Để tăng tính thẩm mỹ, sản phẩm được làm láng trên máy chà nhám, rồi chuyển sang công đoạn lắp ráp. Mỗi chi tiết cần khoảng 5 phút để làm láng. Công đoạn chà nhám sử dụng máy chà nhám hoặc chà nhám bằng tay. Lao động sử dụng tại công đoạn chà nhám cần khoảng 10 công nhân.

Lắp ráp: công đoạn lắp ráp, các chi tiết của sản phẩm được lắp ráp lại với nhau định hình nên sản phẩm. Trong quá trình lắp ráp các chi tiết được cố định bằng đinh vít giữ các lỗ khoan đã khoan sẵn và sử dụng máy bắn đinh vít để cố định các chi tiết, keo 502 để dán các chi tiết nhỏ. Dự án sử dụng 13 máy bắn đinh tại khu vực lắp ráp, số lao động cần sử dụng trong công đoạn này là 13 người.

Đối với sản phẩm giường: sẽ cần khoảng 18 chi tiết nhỏ để tạo thành 4 bộ phận gồm: Đầu giường, đuôi giường, 2 bên hông giường. 1 công nhân cần khoảng 25 phút/bộ phận.

Đối với sản phẩm tủ: tùy theo kiểu cách sẽ có khoảng 12 chi tiết được lắp ráp để tạo thành 6 bộ phận. Gồm 2 bên hông tủ, mặt trước, mặt sau, mặt trên, mặt dưới. 1 công nhân cần khoảng 25 phút/bộ phận.

Đối với sản phẩm ghế: ghế có lưng tựa và có tay nắm, khoảng 8 chi tiết để tạo thành 1 sản phẩm ghế hoàn chỉnh. Gồm các bộ phận: lưng tựa, tay nắm, mặt ghế, chân ghế. 1 công nhân cần khoảng 25 phút/bộ phận.

Đối với sản phẩm bàn: sản phẩm bàn có khoảng 6 chi tiết, gồm chân bàn, mặt bàn. 1 công nhân cần khoảng 25 phút để lắp ráp.

Tùy theo nhu cầu của đơn hàng, tiến hành lắp ráp thêm các chi tiết ngũ kim, các tấm trang trí và các chi tiết tạo nên sản phẩm hoàn thiện.

Kiểm tra, đóng gói:

- Các chi tiết nhỏ sau khi lắp ráp sẽ được công nhân kiểm tra về chất lượng, quy cách. Các chi tiết đạt yêu cầu sẽ chuyển sang công đoạn đóng gói. Công đoạn kiểm tra sản phẩm cần khoảng 10 phút/bộ phận. Công đoạn kiểm tra không sử dụng máy móc. Công nhân sử dụng là 5 người.

- Các bộ phận sau khi được kiểm tra sẽ được công nhân vận chuyển đến khu vực đóng gói. Công đoạn đóng gói cần khoảng 12 phút để hoàn thiện 1 sản phẩm. Công đoạn đóng gói sử dụng máy đóng đai thùng carton. Lao động sử dụng trong công đoạn đóng gói là 2 người.

Thành phẩm: sản phẩm sau khi đóng gói sẽ được lưu kho và chờ chuyển giao lại cho cơ sở, công ty khách hàng để tiếp tục thực hiện các công đoạn sơn, trang trí để tạo thành sản phẩm hoàn thiện.

Bảng 1. 1. Thời gian thực hiện sản xuất các sản phẩm gỗ

STT	Tên chi tiết/công đoạn	Thời gian thực hiện chi tiết (phút)	Thời gian tạo thành thành phẩm (phút)		
			Chi tiết/bộ phận	Phút	Giờ
				727	12,1
Giường	Cưa, cắt	8	25	200	
	Bào	10	25	250	
	Chà nhám	5	25	125	
	Lắp ráp	25	4	100	
	Kiểm tra	10	4	40	
	Đóng gói	12	1	12	
				636	10,6
Tủ	Cưa, cắt	8	18	144	
	Bào,khoan	10	18	180	
	Chà nhám	5	18	90	
	Lắp ráp	25	6	150	
	Kiểm tra	10	6	60	
	Đóng gói	12	1	12	
				266	4,4
Bàn	Cưa, cắt	8	8	64	
	Bào	10	8	80	

	Đóng gói	12	1	12	
				266	4,4
Bàn	Cưa, cắt	8	8	64	
	Bào	10	8	80	
	Chà nhám	5	8	40	
	Lắp ráp	25	2	50	
	Kiểm tra	10	2	20	
	Đóng gói	12	1	12	
				382	6,4
Ghế	Cưa, cắt	8	10	80	
	Bào	5	10	50	
	Chà nhám	10	10	100	
	Lắp ráp	25	4	100	
	Kiểm tra	10	4	40	
	Đóng gói	12	1	12	



Hình 1. 2. Một số hình ảnh công đoạn cưa, cắt gỗ



Hình 1. 3. Một số hình ảnh công đoạn bào, khoan



Hình 1. 4. Một số hình ảnh công đoạn chà nhám



Hình 1. 5. Minh họa công đoạn lắp ráp



Hình 1. 6. Minh họa công đoạn kiểm tra, đóng gói sản phẩm



Hình 1. 7. Một số thành phẩm minh họa

3.2.2. Mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Các sản phẩm tại dự án chủ yếu là bán thành phẩm (không thực hiện công đoạn sơn sản phẩm), các sản phẩm này chủ yếu được nhận gia công. Vì vậy, các sản phẩm tại dự án chủ yếu thực hiện tạo hình, lắp ráp,

Công nghệ của dự án sử dụng máy móc thiết bị mới, hiện đại nhằm hạn chế các nguồn thải phát sinh cũng như hao hụt nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất.

Nguyên liệu đầu vào của dự án sử dụng nguyên liệu đã qua sơ chế và thân thiện môi trường.

Định hướng của dự án là phát triển bền vững thân thiện môi trường, phát triển đồng hành với bảo vệ môi trường, do đó sẽ chú trọng quan tâm đầu tư công nghệ và dây chuyền sản xuất tiên tiến tạo giá trị cao cho các sản phẩm của dự án.

3.3. Sản phẩm của dự án

Bảng 1.3. Sản phẩm của dự án

STT	Sản phẩm	Khối lượng m^3 /sản phẩm	Khối lượng trung bình m^3 /sản phẩm	Số lượng sản phẩm/năm
1	Bàn	0,087 – 0,105	0,092	3.000
2	Ghế	0,019 – 0,031	0,024	4.200
3	Giường	0,160 – 0,186	0,169	5.700
4	Tủ	0,155 – 0,173	0,164	4.700

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Bảng 1.4. Nguyên liệu sử dụng của dự án

STT	Tên	Đơn vị/năm	Khối lượng	Nguồn cung cấp	Mục đích sử dụng
1	Gỗ phôi	m ³	2.483,4 m ³ ≈ 1.614,22 tấn	Việt Nam	Nguyên liệu sản xuất
2	Keo 502	Tấn	0,32	Việt Nam	Lắp ráp, xử lý lỗi
3	Ngũ kim (tay cầm, đinh, ốc, vít)	Tấn	2,38	Việt Nam	Lắp ráp
4	Giấy nhám các loại với độ mịn P40, P80,... kích thước mỗi tờ: 230 x 280 mm	Tấn	0,118	Việt Nam	Tăng độ láng cho sản phẩm
Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải					
5	Clorin 75%	Kg	150	Việt Nam	Khử trùng nước thải

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Bảng 1.2. Thành phần tính chất nguyên vật liệu sử dụng tại dự án

Tên nguyên, vật liệu	Mục	Thông tin và đặc tính
Keo 502	Thành phần, công thức hóa học	Đây là loại keo công nghiệp có 4 thành phần hóa học là Methylene Chloride, Ethyl Acetate, Toluene và Cyclohexane
	Nhận diện mối nguy hiểm	Nên đeo găng tay khi sử dụng để gắn kết các bề mặt để tránh tiếp xúc trực tiếp với da, đóng mở nắp cẩn thận trước và sau khi sử dụng. Sau khi sử dụng xong nếu keo 502 còn thừa nên cất cẩn thận trong hộp và đặc biệt lưu ý là để xa tầm tay trẻ em.
	Đặc tính hóa lý	Keo 502 là loại dung môi hữu cơ có khả năng kết dính tốt trên nhiều bề mặt vật liệu khác nhau. Có ưu điểm là khô nhanh trong vòng 3-5 giây sau khi tiếp xúc với vật dán và môi trường
	Thông tin độc tính	Khi sử dụng tạo có mùi hắc khó chịu.
	Biện pháp xử lý	- Nếu bị dính keo 502 vào tay, bạn ngâm chỗ dính keo trong nước xà phòng ấm ngay lập tức.

Tên nguyên, vật liệu	Mục	Thông tin và đặc tính
		Đồng thời nếu có dấm thì cho một chút vào sau đó vừa ngâm vừa kỳ - Dùng Acetone (chất tẩy sơn móng tay), tác dụng của Acetone là làm mềm chất cyanoacrylate có trong keo 502. Đổ trực tiếp 1 lượng Acetone vừa đủ lên chỗ bị dính keo 502 rồi tiến hành tẩy nó - Dùng bơ: thoa đều một lớp bơ lên chỗ keo bị dính. Làm liên tục cho đến khi lớp keo 502 mềm ra và có thể rửa sạch được. - Dùng hỗn hợp Acetone với WD40 (Dầu chống gỉ) Vì Acetone là chất bay hơi rất nhanh có thể kết hợp dùng Acetone với cả WD40. Trộn hỗn hợp này theo tỉ lệ 1:1 rồi bôi lên chỗ bị dính keo 502. - Trong trường hợp nặng hơn dính keo 502 vào da với diện tích rộng hoặc vào mắt thì mau chóng tới bệnh viện gần nhất để bác sĩ lấy keo ra, tránh tình trạng bong giác mạc và những hậu quả về sau
	Quy cách đóng gói	Trọng lượng: 500g/chai nhựa Quy cách đóng gói: 10 chai/thùng giấy.
Clorin 75%:	Thành phần, công thức hóa học	Công thức hóa học: $\text{Ca}(\text{ClO})_2$ Ngoại quan: Dạng bột màu trắng hay ánh xám hoặc dạng hạt (bột trắng đục), mùi sốc Chlorine là hợp chất hóa học gồm Cl_2, NaOCl và $\text{Ca}(\text{OCl})_2$.
	Nhận diện mối nguy hiểm	Lượng dư chlorine thậm chí chỉ với hàm lượng rất nhỏ, nồng độ thấp cũng có thể gây độc hại đến cơ thể như các bệnh ung thư đại tràng & dạ dày. Chlorine có tính ăn mòn cao và độc hại. Vì vậy cần kiểm soát an toàn tuyệt đối trong quá trình lưu trữ và sử dụng + Chlorine khi tác dụng với các hợp chất humic sinh ra các sản phẩm như chlorophenols và trihalomethanes có khả năng gây ung thư. Khi trong

Tên nguyên, vật liệu	Mục	Thông tin và đặc tính
		nước có chứa phenol, nếu sử dụng chlorine để khử trùng nó sẽ tạo ra chlorophenol gây mùi khó chịu. + Hầu hết các nhà máy cấp nước đều sử dụng chlorine để khử trùng và xử lý nước. Nhưng độc tính của clo và sản phẩm phụ của nó rất đáng quan tâm và cần phải kiểm soát chặt chẽ.
	Đặc tính hóa lý	Trong tự nhiên, chúng tồn tại ở 4 dạng khác nhau gồm Cl_2 (100% Clo), Calcium Hypochlorite $Ca(OCl)_2$ (65% Clo), Natri Hypochlorite $NaOCl$ và Clo dioxit ClO_2 . Khí Cl_2 , $NaOCl$, $Ca(OCl)_2$ là các chất có tính oxi hóa cực mạnh, khi hòa tan vào nước tạo ra rất nhiều Axit Hypochlorous ($HOCl$) và các ion Hypochlorite (OCl^-).
	Thông tin độc tính	Lượng dư chlorine thậm chí chỉ với hàm lượng rất nhỏ, nồng độ thấp cũng có thể gây độc hại đến cơ thể như các bệnh ung thư đại tràng & dạ dày. Chlorine có tính ăn mòn cao và độc hại. Tiếp xúc với chlorine còn có thể làm tổn thương hệ tuần hoàn.
	Biện pháp xử lý	– Trang bị đầy đủ các đồ dùng bảo hộ khi làm việc với bất kỳ hóa chất nào, đặc biệt là hóa chất clorin. – Không xúc hóa chất clorin ở nơi có gió lùa. – Nếu bị chất lỏng hoặc hóa chất clorin rơi vào mắt phải rửa ngay dưới vòi nước sạch. – Hít phải hóa chất clorin gây ho, nếu nhiều có thể đau ngực, nhức đầu, nôn. cần đưa ra nơi thoáng khí hoặc đến ngay cơ sở y tế gần nhất để điều trị. – Tiếp xúc với hóa chất clorin lỏng có thể gây bỏng nặng. Hãy rửa vùng da bỏng ngay dưới vòi nước trong 15 phút.

❖ **Cân bằng vật chất tại dự án**

Tham khảo khối lượng nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra và khối lượng chất thải rắn, CTNH phát sinh và tham khảo định mức sản xuất của Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Tổng hợp Hưng Hoàng tại ấp Kiến An, xã An Lập, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương với định mức như sau:

Bảng 1.5. Định mức sử dụng nguyên vật liệu trong gia công đồ gỗ của dự án

Nguyên liệu	Tên sản phẩm	Định mức kg/sản phẩm	Định mức kg nguyên liệu/1 sản phẩm	Chất thải rắn phát sinh (kg)/sản phẩm	Ghi chú
Gỗ phôi	Bàn	59,8	70,353	10,553	Nguyên liệu đầu vào được dùng là gỗ phôi đã qua sơ chế với tỷ trọng trung bình là 0,65 tấn/m ³ . Lượng phế phẩm (gỗ vụn, mùn cưa, dăm bào) chiếm 15% gỗ phôi nguyên liệu đầu vào, sản phẩm chiếm 85% gỗ phôi nguyên liệu đầu vào.
	Ghế	15,6	18,353	2,753	
	Giường	109,9	129,235	19,385	
	Tủ	106,6	125,412	18,812	
Keo 502	Bàn	0,0138	0,0141	0,0003	Đề sản xuất ra 1 m ³ sản phẩm thì cần trung bình 150g keo 502 (chưa tính hao hụt, rơi vãi), ước tính lượng keo hao hụt khoảng 2%
	Ghế	0,0036	0,0037	0,0001	
	Giường	0,0254	0,0259	0,0005	
	Tủ	0,0231	0,0235	0,0005	
Ngũ kim (đinh, ốc vít,...)	Bàn	0,10	0,1010	0,0010	Ước tính lượng ngũ kim hao hụt do lỗi, hư hỏng khoảng 1%
	Ghế	0,05	0,0505	0,0005	
	Giường	0,20	0,2020	0,0020	
	Tủ	0,15	0,1515	0,0015	
Giấy nhám	Bàn	-	0,005	0,005	Giấy nhám được thải bỏ sau khi sử dụng
	Ghế	-	0,002	0,002	
	Giường	-	0,01	0,01	
	Tủ	-	0,008	0,008	

(Nguồn: Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Tổng hợp Hưng Hoàng)

Bảng 1.6. Bảng cân bằng vật chất gia công đồ gỗ của dự án

Nguyên liệu đầu vào (kg/năm)		Sản phẩm đầu ra (kg/năm)	Chất thải phát sinh (kg/năm)
Bàn			
Gỗ phôi	211.058,82	179.741,54	31.658,82
Keo 502	42,39		0,85
Ngũ kim	303,03		3,03
Giấy nhám	15	-	15
Ghế			
Gỗ phôi	77.082,35	65.745,217	11.562,35
Keo 502	15,53		0,31
Ngũ kim	212,12		2,12
Giấy nhám	8,4	-	8,4
Giường			
Gỗ phôi	736.641,18	627.429,692	110.496,18
Keo 502	147,65		2,95
Ngũ kim	1.151,52		11,52
Giấy nhám	57	-	57
Tủ			
Gỗ phôi	589.435,29	501.833,462	88.415,29
Keo 502	110,68		2,21
Ngũ kim	712,12		7,12
Giấy nhám	37,6	-	37,6

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

4.2. Máy móc, thiết bị sử dụng tại dự án

Các loại máy móc sử dụng cho quá trình sản xuất của dự án trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.7. Danh sách thiết bị, máy móc

STT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng (Cái)	Nguồn gốc	Tình trạng	Hình ảnh minh họa
Máy móc, thiết bị sản xuất						
01	Máy bào 2 mặt	- Công suất motor: 22 HP - Kích thước lưỡi dao: 405x3x30mm - Tốc độ quay trục: 4000 vòng/phút - Tốc độ đưa phôi: 8-24 m/phút - Bề rộng bảo tối đa: 405mm - Bề dày bảo: 8 ~ 200mm - Chiều dài bảo nhỏ nhất: 250mm	4	Trung Quốc	Mới 100%	
02	Máy bào gỗ CNC	- Công suất motor: 7.5 HP - Đường ray răng: Độ chính xác cao 1.5M mài răng xéo - Trục chính: 9kw (24000 vòng / phút) - Hút chân không 7.5 kw Tuần hoàn nước - Kích thước ngoại hình máy: 3500*2250*2300	3	Nhật Bản	Mới 100%	
03	Máy cưa lọng	- Công suất motor: 11 HP - Chiều cao cắt 80mm, 45mm - Tới đa Lưỡi rộng 8 mm - Tốc độ lưỡi 900m /phút - Lưỡi dài 1400mm	3	Trung Quốc	Mới 100%	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

04	Máy cưa nghiêng trục	- Motor: 3HP (5HP) - Đường kính lưỡi cưa: 305mm - Đường kính trục: 30mm - Tốc độ trục: 4000 vòng/phút	3	Trung Quốc	Mới 100%	
05	Máy cưa bàn trượt	- Đường kính trục chính: 30mm - Tổng công suất: 3Kw - Tốc độ trục chính: 5500 / 6500 vòng/phút - Kích thước máy: 1030x1100x870mm - Trọng lượng máy: 320Kg	4	Nhật Bản	Mới 100%	
06	Máy khoan tự động	- Công suất motor: 4 HP - Tốc độ trục chính: 3400 rpm (60 Hz) - Kích cỡ mũi khoan: (M8 hoặc M10) x32 mm x 5 lỗ + Áp suất: 6 kg/cm² + Đóng gói kích thước: 3200x1040x1320 mm	3	Trung Quốc	Mới 100%	
07	Máy khoan cầm tay	- Công suất : 600W - Khoan gỗ : 25mm - Tốc độ không tải: 0-2.600 vòng/phút	3	Trung Quốc	Mới 100%	

08	Máy chà nhám thùng	Công suất motor: 15 HP - Motor chính: 20HP, 15HP - Motor cuốn phối: 2HP - Motor nâng bàn: 1/2HP - Tốc độ cuốn phối: 6 – 15 m/phút - Kích thước băng nhám: 635x1905mm (25"x75") - Áp suất làm việc: 5Kg/cm	6	Trung Quốc	100%	
09	Máy chà nhám cầm tay	Công suất đầu vào: 280W, máy có 6 tốc độ, có điều tốc > giúp công việc hoàn thành tốt hơn • Điện áp: 230V • Tần số: 50Hz • Tần số quỹ đạo: 6000-13000opm • Kích thước pad: Ø125mm	4	Trung Quốc	Mới 100%	
10	Máy tiện	- Đường kính làm việc tối đa: Ø380mm - Chiều dài làm việc tối đa: 1450mm - Tốc độ trục: 750 - 2800 vòng/phút - Tổng công suất: 2.2Kw - Motor 4 cực, tốc độ motor: 1420 vòng/phút	5	Nhật Bản	Mới 100%	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

11	Máy bắn ốc vít	- Ốc máy: M4-M8 - Ốc tiêu chuẩn: M5-M16 - Ốc dài hồi cao: M5-M12 - Ren thô (ren dài): 22-125mm (7/8" - 4-7/8") - Lực đập/phút ở mức 1: 0-1300 vòng/phút - Mức 2: 0-2800 vòng/phút - Mức 3: 0-3200 vòng/phút - Tốc độ không tải mức 1: 0-1400 vòng/phút - Mức 2: 0-2300 vòng/phút - Mức 3: 0-2500 vòng/phút - Lực vận tải đa: 160Nm - Kích thước: 147x79x244mm	13	Trung Quốc	Mới 100%	
12	Máy đóng đai thùng carton	- Tốc độ hàn dây đai: 1,5÷3 giây/lần. - Nhiệt độ hàn dây: max= 300°C. - Bề rộng dây đai: 6÷15mm. - Độ dày của dây đai: 0,6÷1mm. - Lực buộc tối đa: 25÷50kg. - Bề rộng nhỏ nhất của vật thể/thùng carton cần quấn là 60mm. - Điện nguồn: 220V, 50/60Hz - Kích thước máy: Dài 900mm- Rộng 570mm- Cao 760mm.	2	Đài Loan	Mới 100%	

BẢO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường

1	Hệ thống Cyclone thu bụi	Chụp hút: 50mm x 50mm Cyclone: hình trụ, vật liệu thép không gỉ. Kích thước: 0,4 m² x 1,82 m Công suất quạt 1,5kw. Lưu lượng: 2.000 m³/h Cột áp: 1.300 -1.000 Pa Ống dẫn Φ90, Φ 114, Φ 160	1	Trung Quốc	100%	
2	Hệ thống lọc bụi túi vải di động	Túi vải: Φ500mm Đầu hút: Φ150mm (4 cái) Công suất quạt: 3HP/2,2KW. Lưu lượng: 3.600 m³/h Cột áp: 2.500 Pa Ống dẫn Φ 150	1	Trung Quốc	100%	

(Nguồn: Hồ kinh doanh Thương Thị Minh Thủy, 2022)

4.3. Nhu cầu sử dụng điện của dự án

Nguồn điện được cung cấp từ mạng lưới điện lực thị xã Tân Uyên, chủ dự án đầu tư trạm biến áp 320 kVA để cung cấp điện, phục vụ cho nhu cầu hoạt động sản xuất của dự án. Lượng điện tiêu thụ khoảng 10.000 KW/tháng.

4.4. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

Nguồn cung cấp

Khu vực dự án chưa có hệ thống cấp nước nên chủ dự án sẽ sử dụng nước từ nguồn giếng khoan trong dự án với công suất 6 m³/ngày.đêm. Nước chủ yếu cấp cho các hoạt động sinh hoạt của công nhân, tưới cây, tưới đường, PCCC,...Do đó, chủ đầu tư cần lập hồ sơ cấp phép khai thác nước dưới đất tại phòng Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định tại Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Khi khu vực dự án có hệ thống cấp nước thủy cục trong quá trình hoạt động, Chủ dự án sẽ đầu nối sử dụng nước cấp thủy cục theo quy định.

Nhu cầu sử dụng nước

Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước sinh hoạt cho 70 công nhân	4,2	Định mức tiêu thụ 60 lít/người.ngày = 0,06 m ³ /người.ngày (TCXDVN 33:2006: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế, Bộ Xây dựng, 3/2006)
2	Nước tưới cây (diện tích 1.810 m ²)	1,2	Định mức sử dụng 2 lít/m ² (TCXDVN 33:2006: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế, Bộ Xây dựng, 3/2006); tưới 3 ngày/lần
Tổng		5,4 m³/ngày	
3	Nước cho bể PCCC (*)	187,5 m ³ /lần	Dự án trang bị bể PCCC có thể tích 250m ³ . Lượng nước chứa trong bể khoảng 187,5 m ³ và được cấp dự phòng cho công tác PCCC.

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Ngoài ra, lượng nước cấp cho PCCC được tính một đám cháy trong vòng 1 giờ liên tục với định mức sử dụng là 15l/s theo QCVN 06:2021/BXD, thời gian trữ nước trong 3h. Vậy lượng nước sử dụng PCCC là 15 x 3 x 3600= 162 m³/đám cháy.

(*) Nước dùng cho bể PCCC không thường xuyên, chỉ cấp khi có sự cố xảy ra. Do vậy báo cáo không tính nước cấp cho PCCC vào nhu cầu sử dụng nước hàng ngày.

Dự án không tổ chức nấu ăn, vì vậy không sử dụng nước cho hoạt động nấu ăn.

4.5. Nhiên liệu khác

Bảng 1.9. Nhu cầu nhiên liệu của dự án

STT	Tên nhiên liệu	Khối lượng (lít/năm)	Nguồn gốc	Mục đích
1	Dầu nhớt	220	Việt Nam	Bôi trơn máy móc

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Cơ sở sử dụng nhớt bôi trơn để bôi trơn máy móc, động cơ. Trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị sẽ xảy ra ma sát giữa các bề mặt của chi tiết làm cho máy móc nóng lên, cản trở chuyển động và gây mài mòn dẫn đến hư hỏng máy móc. Vì vậy, dầu nhớt bôi trơn được sử dụng giúp máy móc vận hành êm ái, hạn chế rung lắc, tiếng ồn và chống han gỉ. Nhu cầu tiêu thụ dầu nhớt bôi trơn khoảng 220 lít/năm.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án

5.1. Tiến độ thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.10. Tiến độ thực hiện dự án

STT	Công việc	Tiến độ thực hiện						
		Năm 2022					Năm 2023	
		T3 - T6	T7 - T9	T10	T11	T12	T1-T3	T4
01	Hồ sơ pháp lý	x						
02	Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường		x					
03	Triển khai xây dựng - Xây dựng xưởng, văn phòng, các công trình phụ. - Xây dựng các công trình xử lý môi trường - Lắp đặt máy móc thiết bị.			x	x	x		
04	Dự án đi vào vận hành thử nghiệm						x	
05	Dự án đi vào vận hành chính thức							x

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Vốn đầu tư dự án

Tổng vốn đầu tư của dự án là: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng). Bao gồm các nguồn vốn:

- + Vốn sở hữu quyền sử dụng đất: 6.000.000.000 đồng
- + Vốn xây dựng cơ bản: 3.000.000.000 đồng
- + Vốn trang bị máy móc thiết bị: 800.000.000 đồng

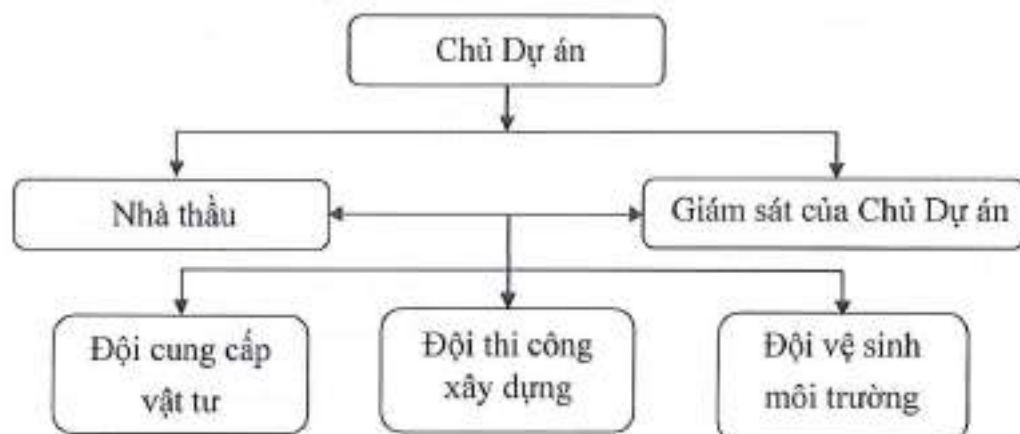
+ Vốn khác bao gồm nguyên nhiên vật liệu, vốn lưu động,...: 200.000.000 đồng

Nguồn vốn đầu tư được lấy từ nguồn vốn của chủ dự án và vốn vay.

5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

5.2.1. Giai đoạn xây dựng

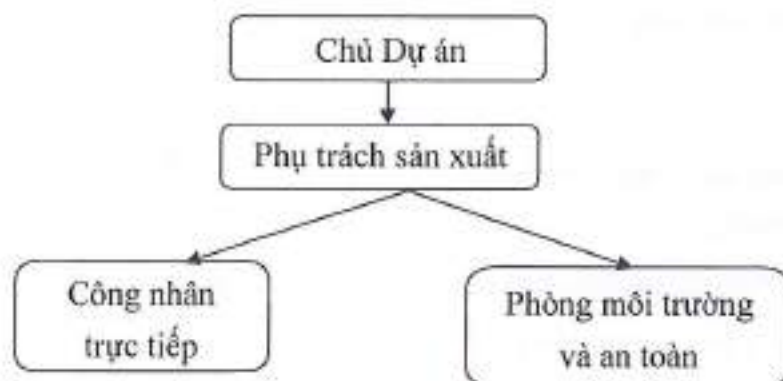
Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án được quản lý bởi Chủ Dự án, các phòng ban. Công nhân lao động do các nhà thầu cung cấp. Sơ đồ quản lý và thực hiện trong giai đoạn xây dựng như sau:



Hình 1.12. Sơ đồ quản lý và thực hiện trong giai đoạn xây dựng

Số lượng công nhân thực hiện cho các giai đoạn xây dựng (san ủi, đào móng và gia cố, xây dựng cơ bản, hoàn thiện công trình) khoảng 30 người. Thực tế các công đoạn trên thực hiện đang xen nhau, thời gian dự kiến hoàn thành là 03 tháng.

5.2.2. Giai đoạn hoạt động



Hình 1.13. Sơ đồ quản lý và thực hiện của dự án

Số lượng công nhân viên khi Dự án đi vào hoạt động ổn định: 70 người.

Thời gian làm việc: 1 ca/ngày tương đương 8h làm việc.

Số ngày sản xuất trong năm: 300 ngày (trừ các ngày Lễ, Tết theo quy định).

Cơ sở không tổ chức nấu ăn, công nhân ra ngoài ăn.

Bộ phận phụ trách môi trường của cơ sở dự kiến sẽ có 1 nhân viên.

Yêu cầu: Trình độ Đại học chính quy, chuyên ngành liên quan đến môi trường, hóa chất, hoặc luật; hiểu về hóa chất, chất thải và các kiến thức chung về môi trường; có kỹ năng sử dụng các phần mềm văn phòng.

Nhiệm vụ: Quản lý môi trường sản xuất và sản phẩm; Quản lý sản xuất sạch hơn cho nhà máy; Giám sát các công trình xử lý môi trường; Giám sát an toàn lao động; được ủy quyền tiếp đoàn kiểm tra môi trường.

5.4. Nhu cầu lao động

Khi dự án đi vào hoạt động, đối với gia công sản xuất đồ gỗ gia dụng có công suất 17.600 sản phẩm/năm ~ 59 sản phẩm/ngày (1 năm làm việc 300 ngày), cần khoảng 66 công nhân phục vụ gia công sản xuất đồ gỗ gia dụng.

Số lượng nhân viên dự kiến tại dự án khoảng 4 nhân viên (trong đó nhân viên quản lý là 3 người, bảo vệ 1 người).

Như vậy, nhu cầu lao động của dự án khoảng 70 người.

5.5. Hạng mục công trình của dự án

Thửa đất số 35 – tờ bản đồ số 12 – KP 2 - phường Vĩnh Tân – thị xã Tân Uyên – tỉnh Bình Dương với tổng diện tích đầu tư 8.843,3 m². Trong đó, diện tích các hạng mục xây dựng được trình bày cụ thể trong bản sau:

Bảng 1.11. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính	4.986	56,38
1	Nhà xưởng	4.896	55,36
2	Nhà văn phòng (có nhà vệ sinh)	90	1,02
II	Các hạng mục công trình phụ trợ	45	0,51
3	Nhà bảo vệ	15	0,17
4	Nhà xe + Bể PCCC	30	0,34
III	Công trình bảo vệ môi trường	172	1,94
5	Nhà vệ sinh	20	0,23
6	Kho chứa chất thải thông thường	40	0,45
7	Kho chứa chất thải nguy hại	20	0,23
8	Hệ thống xử lý nước thải	32	0,36
9	Hệ thống xử lý bụi gỗ	30	0,34
10	Bể tự hoại (xây âm) (2 bể)	10	0,11
11	Hồ sinh học	20	0,23
IV	Cây xanh	1.810	20,47
V	Sân đường nội bộ	1.830	20,70
VI	Diện tích đất sử dụng	8.843,3	100
VII	Hành lang an toàn đường bộ	280	
TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT		9.123,3	

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

* Bể PCCC được xây âm dưới đất và phía trên sẽ là khu vực để xe.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án dành 1.810 m² diện tích đất, chiếm khoảng 20,47 % tổng diện tích của toàn dự án để bố trí cây xanh, thảm cỏ. Như vậy, diện tích cây xanh tại dự án tuân thủ đúng theo quy định của QCVN 01:2008/BXD về tỷ lệ diện tích cây xanh trong dự án ($\geq 20\%$). (Bản vẽ bố trí các hạng mục của Cơ sở thể hiện tại phụ lục của bản báo cáo)

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Vị trí dự án của bà Thương Thị Minh Thùy phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2022 của thị xã Tân Uyên và dự thảo Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Tân Uyên, vị trí dự án thuộc quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Vị trí dự án với các đối tượng xung quanh như sau: Xung quanh dự án chủ yếu là đất trồng cây và đất trống

- Cách Công ty TNHH MTV Sản xuất Mộc Bảo Trần khoảng 100m
- Cách Công ty TNHH Vật tư Đại Khang khoảng 230m
- Cách Công ty TNHH MTV Lê Tùng Dương khoảng 340m
- Cách đường ĐH410 khoảng 400m

❖ Khu dân cư

Hiện tại xung quanh dự án chưa có khu dân cư tập trung, dân cư còn thưa thớt, Cách nhà dân gần nhất cách dự án 500m về phía Nam.

❖ Các đối tượng tự nhiên

Khu vực dự án cách xa sông suối lớn. Từ vị trí dự án cách suối Chòi Ốt khoảng 3 km về phía Tây.

Khu vực dự án không có ao hồ tự nhiên.

❖ Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật xung quanh

Dự án nằm giáp đường đất, từ đường đất đến đường nhựa ĐH 410 là 400 m, cách đường ĐT747 là 1,2km.

Tuyến đường ĐT747 hiện hữu có 6 làn xe, lộ giới 60m, là trục đường chính nối liền địa phương với các vùng lân cận.

Khu vực dự án chưa có hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải

Các đối tượng kinh tế xã hội

❖ Các đối tượng kinh tế xã hội

Gần khu vực dự án cách xa trường học, chợ, trung tâm thương mại, ...

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Hiện trạng thu gom nước thải: Khu vực dự án hiện chưa có hệ thống thoát nước thải.

Nước thải của dự án chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân. Nước thải sau khi được thu gom xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ theo đường ống uPVC D200mm, độ dốc $i = 0,5\%$ dẫn ra hố ga thoát nước thải. Nước thải sau hệ thống xử lý được lắp đặt cống thoát nước thải sau khi xử lý bằng BTCT, đường kính $\phi 300$ mm dẫn về hồ sinh học thể tích $5 \times 4 \times 6 = 120 \text{ m}^3$ được bố trí hồ nằm ở phía Đông Nam trong khuôn viên dự án (bố trí hồ để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải) và có gắn biển báo

"Điểm thoát nước thải của Hộ kinh doanh Hộ kinh doanh Thượng Thị Minh Thùy ". Hệ thống thoát nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Hiện trạng thu gom nước mưa: Khu vực dự án hiện chưa có hệ thống thoát nước mưa. Nước mưa rơi xuống mái của nhà xưởng sẽ được thu gom bằng hệ thống máng thu và cuối các máng có đặt ống nhựa PVC đường kính $\phi 114$ mm dẫn nước xuống hệ thống thoát nước mưa bằng BTCT chạy dọc các nhà xưởng. Hệ thống thoát nước mưa xây dựng bằng các cống BTCT, đường kính $\phi 300$ mm, sau đó nước mưa sẽ được dẫn về hồ sinh học có kích thước $5 \times 4 \times 6$ (m) = 120m^3 được bố trí hồ nằm ở phía Đông Nam trong khuôn viên dự án (bố trí hồ để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước mưa của Hộ kinh doanh Hộ kinh doanh Thượng Thị Minh Thùy ".

- Đối với môi trường không khí: hiện trạng môi trường không khí khu vực thực hiện dự án theo kết quả đo đạc môi trường nền tương đối tốt. Khi dự án đi vào hoạt động, khí thải sẽ được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn xả thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình hoạt động dự án có phát sinh chất thải rắn công nghiệp, rác sinh hoạt, vụn gỗ, bao bì carton,... Hiện tại trên địa bàn thị xã Tân Uyên đã có đơn vị thu gom rác sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại. Cơ sở sẽ phân loại, lưu trữ và ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Xung quanh vị trí dự án chủ yếu là đất trồng cây cao su, hộ dân sinh sống gần nhất cách dự án 500m về phía Nam nên khả năng ảnh hưởng không đáng kể. Tuy nhiên để hạn chế lượng bụi phát tán ra khu vực xung quanh, tại vị trí phát sinh bụi sẽ trang bị các chụp hút để thu gom triệt để lượng khí thải phát sinh tại dự án. Xung quanh nhà xưởng sẽ bố trí hàng lang cây xanh rộng hơn 20m, đồng thời tại vị trí phát sinh bụi, sẽ trang bị các chụp hút để thu gom triệt để lượng khí thải phát sinh tại dự án về HTXL bụi gỗ, hạn chế lượng bụi phát tán ra khu vực xung quanh. Đồng thời lựa chọn phương pháp xử lý hiệu quả, địa điểm đặt hệ thống xử lý bụi gỗ sao cho phù hợp nhằm giảm thiểu tác hại đến môi trường và con người.

CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật****1.1. Hệ sinh thái trên cạn**

Hệ sinh thái trên cạn của khu vực dự án có những đặc trưng sau: chủ yếu đất trồng, một ít cây cỏ dại và một phần nhỏ diện tích hiện đang trồng cao su. Khu vực không có loại cây quý hiếm. Động vật chủ yếu là các loài động vật, côn trùng nhỏ.

1.2. Hệ sinh thái dưới nước

Thủy sinh vật khảo sát thực tế ở khu vực suối Chòi Ốt có quần xã sinh vật đặc trưng cho sự đa dạng sinh học ở các thủy vực sông suối nước ngọt nội địa bao gồm: sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ và sinh vật phân hủy. Thành phần loài và tỷ lệ phân bố nhóm loài thể hiện đặc trưng cơ bản của môi trường nước chảy vùng nội địa sông rạch khu vực khảo sát.

+ Sinh vật sản xuất khu vực khảo sát gồm: rong rêu và các loài thực vật bậc cao sống ven bờ cây cỏ.

+ Sinh vật tiêu thụ: Bao gồm các động vật phù du, các loại cá ăn động vật phù du và các loại cá khác...

+ Sinh vật phân hủy: Bao gồm các loại vi khuẩn và nấm sống dưới đáy bùn.

Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án: xung quanh dự án chủ yếu là đất trồng cây cao su và nhà xưởng, hộ dân sinh sống cách khá xa dự án nên khả năng ảnh hưởng không đáng kể.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án**2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải**

Suối Chòi Ốt: Tuyến suối xuất phát từ vùng cao giáp đường ĐT747 chảy xuống gặp đường ĐT742 tại cầu Trại Cưa sau đó đổ ra suối Cái.

Suối Cái xuất phát từ vùng cao giáp đường ĐT742 đến sông Đồng Nai với tổng chiều dài 30.445 m.

Sông Đồng Nai là trục sông chính của khu vực, sông bắt nguồn từ vùng đồi núi của các tỉnh Đồng Nam Bộ, chảy qua các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, TP. HCM rồi đổ ra biển.

Sông Đồng Nai là trục sông chính của khu vực, sông bắt nguồn từ vùng đồi núi của các tỉnh Đồng Nam Bộ, chảy qua các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, TP. HCM rồi đổ ra biển.

Chế độ thủy văn của dòng nước khu vực dự án:

Đây là vùng đất cao và có địa hình tương đối bằng phẳng. Thủy triều biển Đông thâm nhập theo sông Đồng Nai vào các cửa rạch, tại vùng cửa suối có biên độ giao động từ 2,5 ÷ 3, m, lên xuống mỗi ngày 2 lần với 2 đỉnh triều xấp xỉ nhau và 2 chân chênh nhau khá lớn. Thường thì thời gian giữa 2 chân và 2 đỉnh vào khoảng 12h đến 12h30'. Trong một tháng có 2 lần triều cường và 2 lần triều kém. Trong một năm đỉnh triều cao thường xuất hiện từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau, đỉnh triều thấp thường xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 8.

Thủy triều nhờ có biên độ cao tạo năng lượng lớn, lòng sông Đồng Nai sâu, độ dốc đáy sông bé nên triều truyền rất mạnh từ biển vào sông. Lúc triều lên, độ dốc mực nước theo hướng từ biển vào sông và mực nước cao nhất tại các vị tương ứng với đỉnh triều. Ngược lại khi triều rút, mực nước trên sông lại giảm theo chiều từ biển và mực nước thấp nhất tại các vị trí tương ứng với chân triều. Biên độ mực nước và ảnh hưởng của thủy triều phụ thuộc vào độ lớn của các con triều, vị trí và lưu lượng của các dòng sông, về mùa kiệt lưu lượng của các dòng sông nhỏ nên thủy triều truyền vào rất sâu. Trên sông Đồng Nai ảnh hưởng của triều vào mùa khô lên đến gần Trại An, về mùa mưa lưu lượng của sông lớn và ảnh hưởng của triều cũng giảm dần.

Khi triều truyền từ sông vào các kênh rạch, do khẩu độ của các kênh rạch có kích thước nhỏ nên triều tắt rất nhanh. Tùy khoảng cách của các kênh rạch so với biển hay sông lớn mà sóng triều tắt nhanh hay chậm hơn. Một điểm đáng chú ý là triều trên các sông rạch của dự án chỉ phụ thuộc vào một nguồn triều, tạo thành hai hướng nước chảy xuôi và chảy ngược. Khi mưa lớn gặp triều cường là lúc thường gây ra hiện tượng ngập úng.

Đặc điểm dòng chảy

Dòng chảy biến đổi không đều trong năm và phụ thuộc vào mưa. Các tháng mùa khô mưa ít nên lưu lượng giảm, đặc biệt là các tháng cuối mùa khô (tháng 4) lưu lượng đạt đến trị số nhỏ nhất, ngược lại các tháng mùa mưa lưu lượng được tăng cao và đạt cực đại vào các tháng gần cuối mùa mưa (tháng 9 hoặc tháng 10).

2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân. Toàn bộ nước thải được thu gom về bể tự hoại, Bể tự hoại khu văn phòng: $1,5 \times 2 \times 2 = 6 \text{ m}^3$, Bể tự hoại khu vực xưởng: $2,5 \times 2 \times 2 = 10 \text{ m}^3$. Tổng kích thước 2 bể tự hoại là 16 m^3 . Nước thải sau bể tự hoại sẽ cùng với nước thải từ bồn rửa tiếp tục theo đường ống uPVC D200mm, độ dốc $i=0,5\%$ dẫn về HTXLNT công suất $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý đạt cột A, QCVN40:2011/BTNMT, nước sau HTXL sẽ được đưa về hồ sinh học có kích thước dài x rộng x sâu = $5 \times 4 \times 6 = 120 \text{ m}^3$ trong khuôn viên dự án cho vi sinh vật xử lý tự nhiên và cho bốc hơi nước.

Thành hồ và đáy hồ được xây dựng bê tông hóa và phủ bạt HDPE chống thấm.

Cấu tạo của bạt HDPE:

- Thành phần gồm: 97,5% nhựa nguyên sinh, 2,5% còn lại bao gồm cacbon đen, chất ổn định nhiệt, chất kháng tia UV
- Màu đen
- Bề mặt nhẵn, trơn
- Quy cách bao gói: khổ từ 2 m đến 8 m chiều dài tùy theo độ dày
- Độ dày: 3 mm (3 ly)
- Màng chống thấm có khả năng chống thấm tuyệt đối
- Chịu được ánh sáng mặt trời (tia UV)
- Độ giãn 300% – 700%

- Màng chống thấm HDPE tốt cho sức khỏe không gây hại môi trường
- Hệ thống thoát nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Việc đánh giá chất lượng môi trường rất quan trọng trong việc đánh giá khả năng tiếp nhận chất thải khi Dự án đi vào hoạt động. Cụ thể về vị trí lấy mẫu, điều kiện lấy mẫu, các thông số đo đạc và phân tích được trình bày như sau:

Bảng 3.1. Vị trí lấy mẫu môi trường

STT	Ký hiệu Mẫu	Mô tả vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Điều kiện lấy mẫu
Mẫu không khí xung quanh				
1	KK-01	Khu vực đầu Dự án (Tọa độ: X= 689177.00; Y = 1231529.00)	- Ngày 12/07/2022 - Ngày 13/07/2022 - Ngày 14/07/2022	Trời nắng, gió nhẹ
2	KK-02	Khu vực cuối Dự án (Tọa độ: X = 689009.00; Y = 1231512.00)		
Mẫu chất lượng đất				
3	MD	Mẫu đất tại khu vực Dự án - Lấy ở độ sâu 0,2 - 0,4 m (Tọa độ: X = 689108.00; Y = 1231536.00)	- Ngày 12/07/2022 - Ngày 13/07/2022 - Ngày 14/07/2022	Trời nắng, gió nhẹ

(Nguồn: Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường – REC)



Hình 3.1. Sơ đồ vị trí lấy mẫu tại dự án

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

3.1. Hiện trạng môi trường không khí và vi khí hậu

Để đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh đoàn khảo sát đã tiến hành lấy mẫu tại khu vực xây dựng dự án.

Thời gian lấy mẫu: ngày 12/07/2022, 13/07/2022, 14/07/2022

Vị trí đo đạc và lấy mẫu xem trong bảng dưới đây:

Bảng 3.2. Điều kiện vi khí hậu của khu vực dự án

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí	Điều kiện vi khí hậu khu vực lấy mẫu	
			Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)
Ngày 12/07/2022				
1	KK01	Đầu dự án	60 - 62	34,2
2	KK02	Cuối dự án	52 - 55	32,1
Ngày 13/07/2022				
1	KK01	Đầu dự án	56 - 58	34,5
2	KK02	Cuối dự án	53 - 55	33
Ngày 14/07/2022				
1	KK01	Đầu dự án	54 - 56	34,8
2	KK02	Cuối dự án	55 - 57	31,5
Giới hạn tối đa cho phép trong khu vực công cộng và dân cư QCVN 26:2010/BTNMT			70	-

(Nguồn: Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường - REC)

Bảng 3.3. Chất lượng không khí khu vực dự án

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí	Chỉ tiêu			
			Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
Ngày 12/07/2022						
1	KK01	Đầu dự án	0,175	0,21	0,064	<5
2	KK02	Cuối dự án	0,18	0,15	0,065	<5
Ngày 13/07/2022						
1	KK01	Đầu dự án	0,16	0,15	0,032	<5
2	KK02	Cuối dự án	0,17	0,068	0,065	<5
Ngày 14/07/2022						
1	KK01	Đầu dự án	0,22	0,12	0,08	<5
2	KK02	Cuối dự án	0,13	0,15	0,08	<5
QCVN 05:2013/BTNMT			0,3	0,35	0,2	30

(Nguồn: Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường - REC)

Nhận xét:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Kết quả đo đạc chất lượng môi trường không khí cho thấy khu vực dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm tiếng ồn và môi trường không khí. Tất cả các thông số đo đạc và phân tích đều đạt quy chuẩn QCVN.

3.2. Hiện trạng môi trường đất

Để đánh giá chất lượng môi trường đất khu vực dự án đoàn khảo sát đã tiến hành lấy mẫu tại khu vực xây dựng dự án.

- Thời gian lấy mẫu: ngày 12/07/2022, 13/07/2022, 14/07/2022

- Kết quả phân tích được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.4. Kết quả phân tích mẫu đất của khu vực dự án

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03- MT:2015/BTNMT Đất công nghiệp
<i>Ngày 12/07/2022</i>				
1	As	mg/kg	1,4	25
2	Cd	mg/kg	2,13	10
3	Cu	mg/kg	62,8	300
4	Pb	mg/kg	KPH (MDL=5)	300
5	Zn	mg/kg	56,3	300
6	Cr	mg/kg	KPH (MDL=5)	250
<i>Ngày 13/07/2022</i>				
1	As	mg/kg	1,32	25
2	Cd	mg/kg	0,659	10
3	Cu	mg/kg	55,7	300
4	Pb	mg/kg	KPH (MDL=5)	300
5	Zn	mg/kg	50,2	300
6	Cr	mg/kg	KPH (MDL=5)	250
<i>Ngày 14/07/2022</i>				
1	As	mg/kg	0,785	25
2	Cd	mg/kg	1,92	10
3	Cu	mg/kg	59,3	300
4	Pb	mg/kg	KPH (MDL=5)	300
5	Zn	mg/kg	51,2	300
6	Cr	mg/kg	KPH (MDL=5)	250

(Nguồn: Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường - REC)

Nhận xét:

Kết quả đo đạc chất lượng môi trường đất cho thấy khu vực dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm. Tất cả các thông số đo đạc và phân tích đều đạt quy chuẩn QCVN.

CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án****1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải****1.1.1. Đối với nước thải sinh hoạt**

Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường: Ước tính vào thời điểm tối đa khoảng 30 công nhân, lượng nước thải phát sinh khoảng $1,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải sinh hoạt chứa các chất cặn bã, chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ sinh học dễ phân hủy, vi khuẩn,...

Để đảm bảo nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong quá trình thi công xây dựng không gây tác động xấu đến chất lượng môi trường, chủ dự án sẽ thực hiện một số các biện pháp sau:

Bố trí 2 nhà vệ sinh di động với kích thước mỗi nhà vệ sinh $2980 \times 3100 \times 1900 \text{ mm}$ trong khu vực thi công để xử lý lượng nước thải và phân thải ra từ quá trình sinh hoạt của công nhân tại công trường, sử dụng hầm tự hoại bằng composite, thể tích chứa $1 \text{ m}^3/\text{bể}$. Sau một thời gian sử dụng thì lượng bùn cặn và nước thải được hợp đồng hút bằng thiết bị chuyên dụng và đưa đi xử lý. Chủ dự án sẽ kết hợp với đơn vị thi công tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom tiến hành thu gom định kỳ cho tới khi hoàn thành giai đoạn xây dựng.

Quy định nội quy cho công nhân tại công trường không được phóng uế bừa bãi tại công trường xây dựng Dự án.

1.1.2. Đối với nước thải từ quá trình xây dựng

Trong thời gian thi công xây dựng dự án, nước thải từ quá trình rửa các bánh xe ra vào Dự án, rửa các bồn trộn bê tông sẽ được Chủ đầu tư tập trung vào hố chứa tạm thời ngay cổng ra vào dự án nhằm lắng đất cát, cặn bẩn. Vì tính chất của nước thải này ít ô nhiễm nên Chủ đầu tư sẽ dùng nước này phun tưới ẩm tại công trình nhằm giảm thiểu ô nhiễm bụi.

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại**1.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt**

- Ước tính khoảng $19,5 \text{ kg}/\text{ngày}$, chủ yếu là thức ăn thừa, rác vô cơ vỏ chai, hộp đựng thức ăn,...

Các biện pháp giảm thiểu tác động của chất thải rắn sinh hoạt bao gồm:

- Trang bị các thùng chứa rác có nắp đậy với dung tích 120 lít để thu gom, lưu trữ chất thải sinh hoạt của công nhân. Bố trí khu vực lưu chứa chất thải tạm thời có diện tích 40 m^2 gần khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng của Dự án.

- Nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi trên công trường.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định.

1.2.2. Chất thải rắn xây dựng

Chất thải xây dựng: Ước tính khoảng 65 kg/tháng, bao gồm sắt thép vụn, xi măng, xà bần, nhựa vụn,....

Đối với các loại có thể tái sinh, tái sử dụng như vụn sắt thép, bao bì xi măng,... sẽ được tập trung trong khu vực lưu chứa chất thải tạm thời của công trường có diện tích 40 m² và sẽ được thu gom, tái sử dụng hoặc bán phế liệu.

Các thành phần còn lại được tập trung lại được hợp đồng thu gom, vận chuyển đến bãi rác để xử lý theo đúng quy định. Trong quá trình thi công, tùy thuộc vào lượng chất thải phát sinh hàng ngày, hàng tháng để có các biện pháp thu gom, vận chuyển sớm tránh hiện tượng ứ đọng và chiếm chỗ trên công trường.

1.2.3. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại của Dự án phát sinh khoảng 30 kg/tháng như gồm có dầu nhớt đã qua sử dụng, giẻ lau dính dầu, bóng đèn, thùng chứa dầu nhớt,... được phân loại và thu gom vào các thùng có nắp đậy dung tích 50 lít, đối với nhớt thải thu gom vào thùng phuy 100 lít có nắp đậy và chứa vào khu vực lưu chứa chất thải tạm thời của công trường có diện tích 10 m².

Khu vực lưu chứa độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với chất thải nguy hại, tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bằng vật liệu không cháy, có dán các bảng phân khu vực, trang bị các thùng chứa riêng cho từng loại chất thải.

Dự án lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định đồng thời tiến hành hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định theo hướng dẫn của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Chủ đầu tư sẽ phối hợp cùng đơn vị thi công thực hiện một số các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Xây dựng tường rào chắn kín xung quanh khu vực thi công, để hạn chế bụi phát sinh từ quá trình thi công theo gió phân tán ra khu vực xung quanh.

- Bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong bốc dỡ, lưu chứa nguyên vật liệu xây dựng.
- Tổ chức tưới nước thường xuyên khu vực công ra vào Dự án; phun xịt nước tại khu vực sân bãi tập kết nguyên vật liệu, khu vực thi công nhằm giảm thiểu lượng bụi phát sinh tại khu vực này;
- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng như cát, sỏi, xi măng,... được phủ kín trong quá trình vận chuyển. Yêu cầu các phương tiện giảm tốc độ khi di chuyển trong khu vực thi công, tắt máy trong quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu.
- Không được đốt thành phần chất thải phát sinh từ hoạt động thi công của Dự án.
- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân để hạn chế ảnh hưởng của bụi và khí thải.

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

- Các máy móc, thiết bị thi công có xuất xứ kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.
- Thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu mỡ bôi trơn trong quá trình sử dụng các máy, móc thiết bị tại công trường.
- Bố trí các máy móc thiết bị làm việc ở những khoảng cách hợp lý, tránh tập trung tiếng ồn trong khu vực.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong công trường. Đồng thời, giám sát chặt chẽ và nhắc nhở việc thực hiện các nội quy về an toàn lao động của tất cả công nhân.

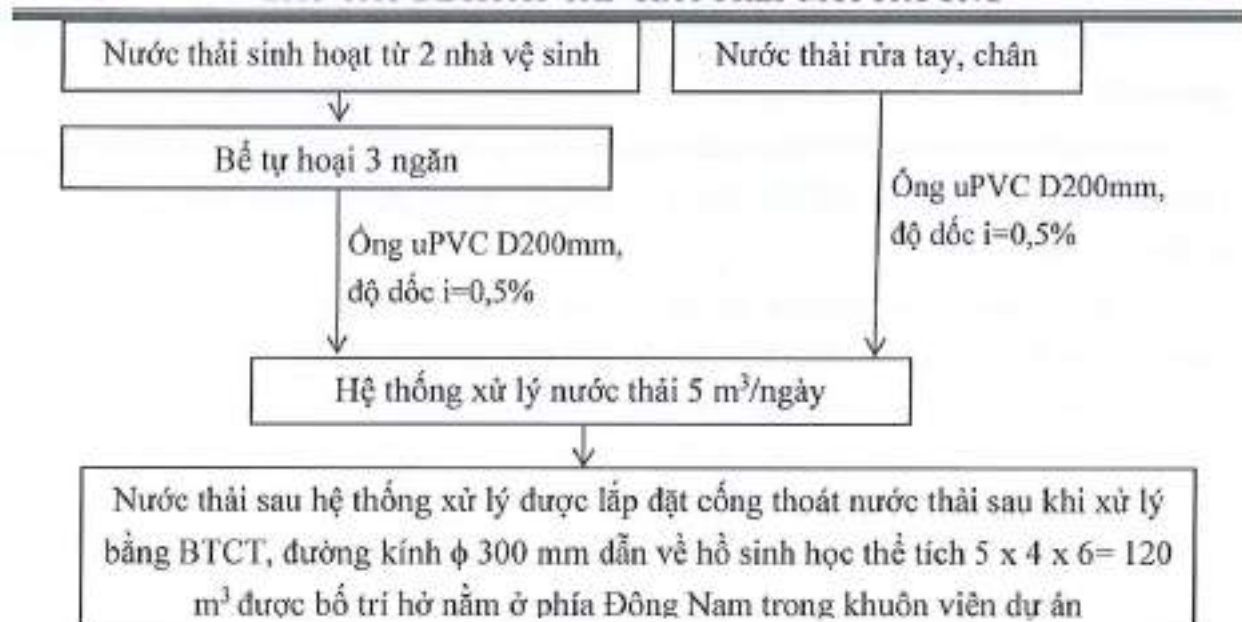
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án là $4,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (quy ước bằng 100% lưu lượng sử dụng).

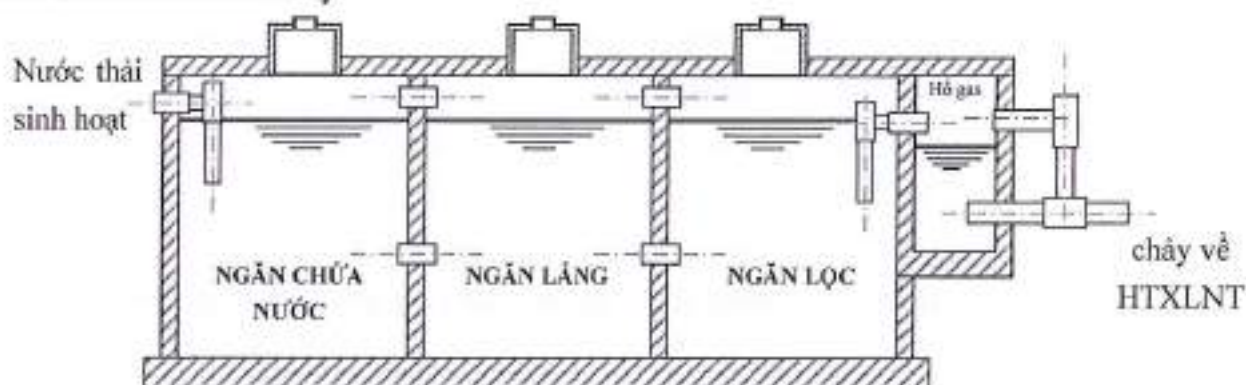
Nước thải từ nhà vệ sinh văn phòng được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn và nước thải rửa tay chân được thu gom bằng đường ống uPVC D200mm, độ dốc $i=0,5\%$ về HTXLNT để xử lý.

BẢO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG



Hình 4.1. Sơ đồ quản lý nước thải của dự án

Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ được xử lý sơ bộ trước khi đi vào hệ thống xử lý nước thải tại dự án cùng với nước thải từ bồn rửa tay, chân. Sơ đồ một kiểu bể tự hoại điển hình được đưa ra trên hình dưới đây:



Hình 4.2. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom triệt để vào bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại đồng thời gồm 3 chức năng: lắng, phân hủy cặn lắng và lọc. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 3 – 6 tháng, định kỳ thuê đơn vị đủ chức năng hút và vận chuyển đi xử lý. Dưới tác dụng của VSV kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần được tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 – 65% cặn lơ lửng SS và 20 – 40% BOD₅. Nước thải sau khi qua xử lý tại bể tự hoại sẽ cùng với các loại nước thải khác như nước vệ sinh chân tay, ... tiếp tục xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT. Nước thải sau hệ thống xử lý được lắp đặt cống thoát nước thải sau khi xử lý bằng BTCT, đường kính $\phi 300 \text{ mm}$ dẫn về hồ sinh học thể tích $5 \times 4 \times 6 = 120 \text{ m}^3$ được bố trí hồ nằm ở phía Đông Nam trong khuôn viên dự án

Tính toán thể tích bể tự hoại:

Thể tích phần nước: $W_n = K \times Q$

K: hệ số lưu lượng, $K = 2,5$

Q: lưu lượng nước thải sinh hoạt trung bình ngày đêm, $Q = 4,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$

$$W_n = 4,2 \times 2,5 = 10,5 \text{ m}^3$$

Thể tích phần bùn:

$$W_b = a \times N \times t \times (100 - P_1) \times 0,7 \times 1,2 : [1000 (100 - P_2)]$$

Trong đó:

a: Tiêu chuẩn cần lắng cho một người, $a = 0,4 - 0,5 \text{ lít/ngày.đêm}$

N: Số công nhân viên của dự án, $N = 70 \text{ người}$

t: Thời gian tích lũy cần trong bể tự hoại, $t = 180 - 365 \text{ ngày}$

0,7: Hệ số tính đến 30 % cần đã phân hủy

1,2: Hệ số tính đến 20 % cần được giữ trong bể tự hoại đã bị nhiễm vi khuẩn cho cần tươi.

P_1 : Độ ẩm của cần tươi, $P_1 = 95 \%$

P_2 : Độ ẩm trung bình của cần trong bể tự hoại, $P_2 = 90 \%$

$$W_b = 0,4 \times 70 \times 300 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 : [1000 \times (100 - 90)]$$

$$W_b \approx 3,528 \text{ m}^3$$

Tổng thể tích các bể tự hoại:

$$W = W_n + W_b = 10,5 + 3,528 = 14,028 \text{ m}^3$$

Nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân. Toàn bộ nước thải được thu gom về bể tự hoại. Dự án bố trí 2 nhà vệ sinh, Bể tự hoại khu văn phòng: $1,5 \times 2 \times 2 = 6 \text{ m}^3$, Bể tự hoại khu vực xưởng: $2,5 \times 2 \times 2 = 10 \text{ m}^3$. Tổng kích thước 2 bể tự hoại là 16 m^3 đảm bảo đúng kỹ thuật, đủ kích thước để có khả năng xử lý tốt lượng nước thải phát sinh khi dự án đi vào hoạt động ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của cán bộ công nhân viên Cơ sở. Đây là công trình vệ sinh kiên cố, sử dụng xuyên suốt trong quá trình hoạt động của dự án.

Nước thải sau bể tự hoại sẽ cùng với nước thải từ bồn rửa tiếp tục theo đường ống uPVC D200mm, độ dốc $i=0,5\%$ dẫn về HTXLNT công suất $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý đạt cột A, QCVN40:2011/BTNMT, nước sau HTXL sẽ được đưa về hồ sinh học có kích thước dài x rộng x sâu = $5 \times 4 \times 6 = 120 \text{ m}^3$ trong khuôn viên dự án cho vi sinh vật xử lý tự nhiên và cho bốc hơi nước.

Để giảm thiểu tác động xấu của nước thải đến môi trường xung quanh, Dự án sẽ xây dựng hệ thống xử lý nước thải quy mô 32 m^3 với công suất thiết kế $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Quy trình xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó cùng với nước rửa tay chân,... của công nhân viên được đưa về HTXL nước thải của cơ sở để xử lý. Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh thu gom về HTXLNT bằng đường ống uPVC D200mm, độ dốc $i = 0,5\%$. Sau khi xử lý đạt cột A, QCVN

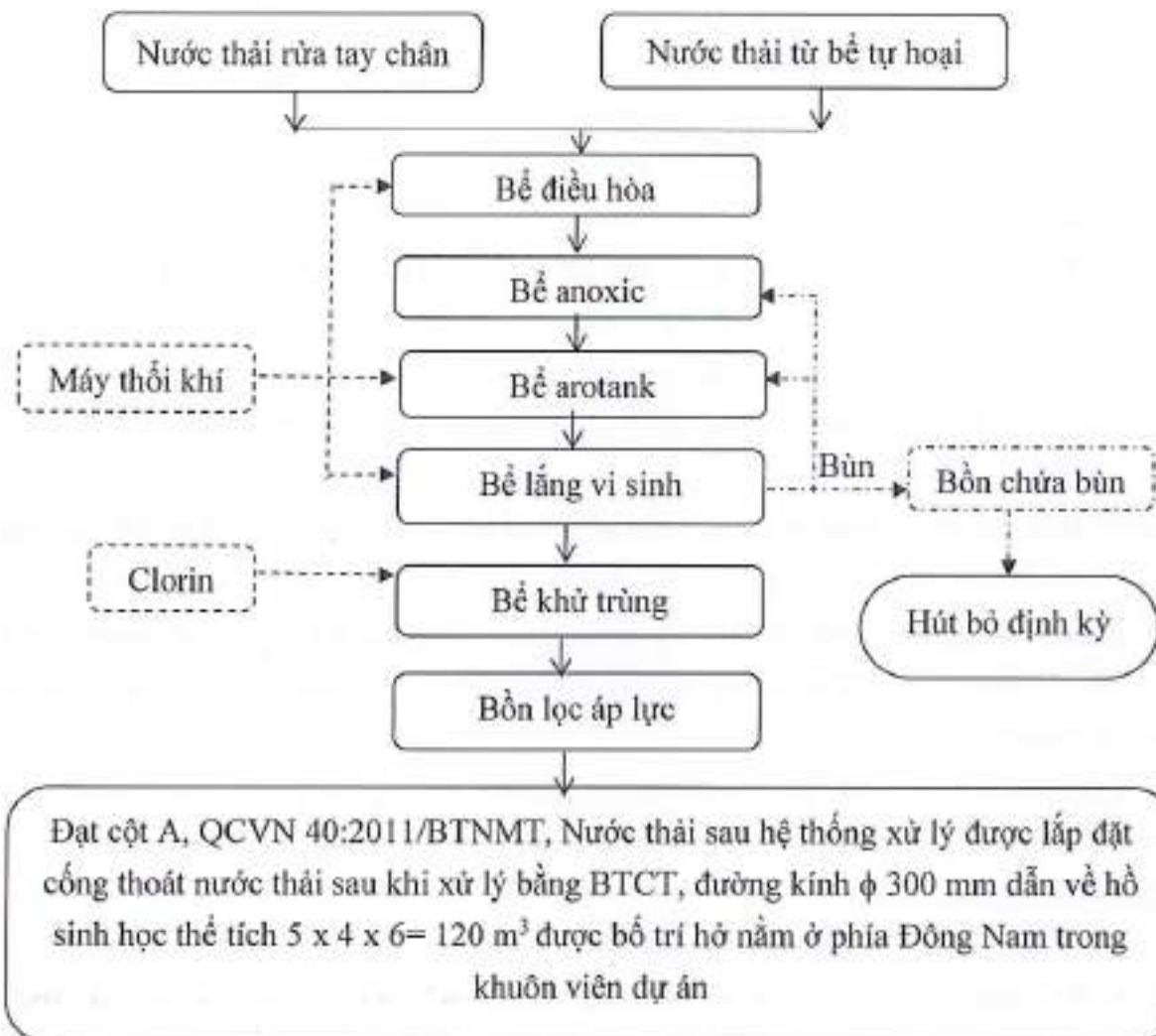
40:2011/BTNMT nước thải sau xử lý sẽ theo đường ống uPVC D200mm được đưa về hồ sinh học có kích thước dài x rộng x sâu = $5 \times 4 \times 6 = 120 \text{ m}^3$ trong khuôn viên dự án cho vi sinh vật xử lý tự nhiên và cho bốc hơi nước.

Thành hồ và đáy hồ được xây dựng bê tông hóa và phủ bạt HDPE chống thấm.

Cấu tạo của bạt HDPE:

- Thành phần gồm: 97,5% nhựa nguyên sinh, 2,5% còn lại bao gồm cacbon đen, chất ổn định nhiệt, chất kháng tia UV
- Màu đen
- Bề mặt nhẵn, trơn
- Quy cách bao gói: khổ từ 2 m đến 8 m chiều dài tùy theo độ dày
- Độ dày: 3 mm (3 ly)
- Màng chống thấm có khả năng chống thấm tuyệt đối
- Chịu được ánh sáng mặt trời (tia UV)
- Độ giãn 300% – 700%
- Màng chống thấm HDPE tốt cho sức khỏe không gây hại môi trường

Hệ thống thoát nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa



Hình 4.3. Quy trình công nghệ HTXLNT công suất 5 m³/ngày

Thuyết minh quy trình

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ cùng với nước rửa tay chân của công nhân viên được đưa về HTXLNT của cơ sở.

Bể điều hòa nước thải

Trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống đĩa khuếch tán khí, không khí được cung cấp bởi các máy thổi khí nhằm khuấy trộn liên tục nước thải, tránh xảy ra hiện tượng phân hủy kỵ khí làm phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Sau đó, nước thải được các bơm lắp đặt chìm bên trong bể điều hòa bơm với lưu lượng ổn định lên thiết bị sinh học thiếu khí anoxic. Chế độ hoạt động của bơm hoàn toàn tự động nhờ các phao mực nước được lắp đặt đồng bộ với bơm. Hai bơm hoạt động luân phiên theo thời gian được cài đặt sẵn.

Các bơm chìm trong ngăn điều hòa nước thải sẽ được thiết lập chế độ vận hành không tự động hoặc tự động theo cơ chế như sau:

▪ **Chế độ AUTO:**

Khi mực nước trong hồ thu ở mức LOW, bơm không hoạt động.

Khi mực nước trong hồ thu ở mức HIGH, bơm sẽ hoạt động.

▪ **Chế độ MANUAL:**

Chỉ sử dụng khi cần kiểm tra thiết bị, chế độ hoạt động này không phụ thuộc vào mực nước trong ngăn điều hòa nước thải. Khi cần kiểm tra bơm nào hoạt động hay không thì chỉ cần bật công tắc bơm đó.

Hiệu suất xử lý:

Hiệu suất xử lý tính theo BOD đạt khoảng 5%

- Ngăn sinh học thiếu khí Anoxic

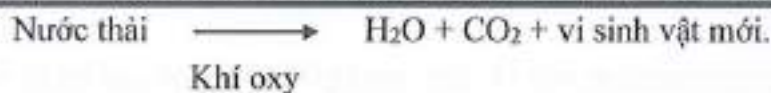
Do trong nước thải nồng độ NH_4^+ và NO_2^- khá cao nên sử dụng bể Anoxic để quá trình khử Nitơ để làm giảm nồng độ các chất ô nhiễm này là cần thiết. Nước thải từ ngăn điều hòa sẽ được các bơm nước thải bơm lên ngăn anoxic với lưu lượng ổn định. Tại đây, dưới tác dụng của quá trình ức chế vi sinh trong điều kiện thiếu oxy làm quá trình khử Nitơ diễn ra nhanh chóng.

- Ngăn sinh học hiếu khí arotank

Tiếp tục, nước thải từ ngăn Anoxic sẽ chảy trọng trường sang ngăn sinh học hiếu khí. Ngăn xử lý sinh học có chế độ hoạt động liên tục, xử lý chất bẩn hữu cơ có trong nước thải bằng vi sinh vật hiếu khí tăng trưởng lơ lửng bên trong bể, đồng thời nhờ lượng dưỡng khí oxy được cung cấp từ ngoài vào qua các máy thổi khí AB-03A/B, các vi sinh vật hiếu khí này sẽ tiêu thụ các chất bẩn hữu cơ có trong nước thải và biến chúng thành CO_2 , H_2O , và một phần tạo thành tế bào vi sinh (sinh khối). Các sinh khối sẽ phát triển, và sau một thời gian hoạt động, các vi sinh già, chết sẽ theo dòng nước thải chảy sang ngăn bể lắng vi sinh.

Quá trình phân hủy chất bẩn hữu cơ diễn ra theo phản ứng sau:

Vì sinh



Cuối ngăn sinh học hiếu khí có lắp đặt chìm WP-03 để bơm nước thải tuần hoàn về ngăn anoxic nhằm khử hoàn toàn lượng nitrat được tạo ra.

Hiệu suất xử lý:

Hiệu suất xử lý tính theo BOD đạt khoảng từ 90-95%

Loại bỏ 97% chất lơ lửng

Loại bỏ photpho sinh học

Quá trình oxy hóa và nitrat diễn ra hoàn toàn.

- Bể lắng vi sinh:

Nước thải được tự chảy vào ống trung tâm của bể lắng với vận tốc 28-30 mm/s nhằm phân phối đều nước thải trong vùng lắng của bể lắng, nước thải ra khỏi ống trung tâm của bể lắng với vận tốc 0,5- 0,8 mm/s. Quá trình lắng là lắng đứng, nước vận chuyển từ dưới lên, cặn bùn có tỷ trọng lớn lắng xuống đáy bể. Bùn thu một phần được bơm tuần hoàn lại bể vi sinh học hiếu khí nhằm duy trì mật độ vi sinh cho bể, phần bùn dư được bơm thải bỏ vào bể chứa bùn, bùn trong bể chứa bùn sẽ được hút bỏ định kỳ và được mang đi xử lý đúng nơi quy định. Nước tiếp tục chảy qua bể khử trùng.

- Bể khử trùng: Có tác dụng tiêu diệt các loại vi khuẩn gây hại có trong nước thải nhờ hóa chất Clorin 75% khử trùng được bơm định lượng đều đặn vào bể.

Hiệu suất xử lý: Hiệu quả lọc cặn bản: 95-98%

- Bồn lọc áp lực:

Có nhiệm vụ loại bỏ các cặn nhỏ còn sót lại trong nước thải đồng thời khử màu và khử mùi giai đoạn cuối cho nước thải nhờ lớp than hoạt tính cùng các lớp vật liệu lọc khác có trong bồn.

Hiệu suất xử lý: Khử hoàn toàn các VSV có hại

- Ngăn chứa bùn

Bùn dư định kỳ được bơm về ngăn chứa bùn. Bùn tại đây sau thời gian lưu thích hợp sẽ được phân hủy, giảm độ ẩm, sau đó định kỳ giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Nước thải sau khi đã được xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, Nước thải sau hệ thống xử lý được lắp đặt cống thoát nước thải sau khi xử lý bằng BTCT, đường kính ϕ 300 mm dẫn về hồ sinh học thể tích $5 \times 4 \times 6 = 120 \text{ m}^3$ được bố trí hồ nằm ở phía Đông Nam trong khuôn viên dự án (bố trí hồ để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước thải của Hộ kinh doanh Hộ kinh doanh Thượng Thị Minh Thùy "

Bảng 4.1. Hạng mục công trình HTXLNT

TT	Hạng mục	Kích thước L x D x H (m)	Vật liệu
1	Bể điều hoà	3,15 x 1,2 x 3,5	- Bê tông lót đáy đá 4x6, M100. - Đáy BTCT, M250, sắt Ø10, a150 đan một lớp. - Thành xây gạch dày 200mm. - Mặt trong tô vữa M100, phủ lớp chống thấm. - Mặt ngoài tô vữa M75, quét hồ dầu.
2	Bể Anoxic	3,15 x 0,935 x 3,5	
3	Bể Arotank	3,15 x 0,935 x 3,5	
4	Bể lắng	3,15 x 1,5 x 3,5	
5	Bồn lọc áp lực	2,0 x 2,268 x 2,1	
6	Bể chứa bùn	0,962 x 0,63 x 3,5	
7	Bể khử trùng	0,786 x 0,63 x 3,5	

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Bảng 4.2. Thông số kỹ thuật của thiết bị

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số	Xuất xứ
1	Bể điều hòa			
1.1	Bơm nước thải	- Nhiệm vụ: bơm nước thải bể điều hòa sang bể Anoxic - Lưu lượng: 4,5 m ³ /giờ - Cột áp: 7m - Công suất: 0,4 kw - Điện áp: 3 pha 380V, 50 Hz	2	Nhật Bản
1.2	Phao đo mực nước	- Nhiệm vụ: đóng ngắt bơm tự động - Loại: phao điện - Vật liệu: ABS - Vật liệu cáp: PVC	1	Nhật Bản
2	Bể Anoxic			
2.1	Máy khuấy chìm	- Nhiệm vụ: khuấy trộn giúp quá trình khử Nito đạt hiệu quả - Kiểu: khuấy chìm - Công suất: 0,7 kw - Động cơ: 3 pha 380V, 50 Hz	2	Italy
3	Bể Arotank			

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

3.1	Máy thổi khí	- Nhiệm vụ: cấp dưỡng khí cho quá trình xử lý sinh học - Lưu lượng: 2,5 m³/giờ - Cột áp: 3500mmAq - Công suất: 3 kw - Điện áp: 3 pha 380V, 50 Hz	2	Japan
3.2	Đĩa phân phối khí	- Nhiệm vụ: khuếch tán khí vào nước thải - Kiểu: diffuser dạng đĩa, bọt khí mịn - Vật liệu: màng EPDM, khung PP - Đường kính: 277mm - Lưu lượng thiết kế: 0-9,5m³/giờ. đĩa - Diện tích bề mặt hoạt động: 0,038m²	1	USA
3.3	Giá thể vi sinh	- Nhiệm vụ: làm môi trường phát triển cho các quần thể vi sinh vật - Diện tích riêng bề mặt: 150 m²/m³ - Vật liệu: nhựa không tái chế	1	Việt Nam
3.4	Bồn chứa dung dịch hóa chất	- Nhiệm vụ: chứa dung dịch hóa chất - Kiểu: bồn đứng - Vật liệu: nhựa cao cấp - Đường kính thân bồn: 700mm - Chiều cao cả nắp: 935 mm - Thể tích: 300 lít	1	Việt Nam
3.5	Bơm định lượng dung dịch hóa chất	- Nhiệm vụ: bơm dung dịch hóa chất - Vật liệu: PVC/ teflon - Lưu lượng: 15 lít/giờ - Công suất: 0,042 kw - Điện áp: 1 pha 220V, 50 Hz	1	USA
3.6	Phao đo mực nước	- Nhiệm vụ: đóng ngắt bơm tự động - Loại: phao điện - Vật liệu: ABS - Vật liệu cáp: PVC	1	Nhật Bản

BẢO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

3.7	Thiết bị đo pH	- Nhiệm vụ: hiển thị pH trong nước thải - Khoảng đo: 0 - 14 - Độ chính xác: 0,1 - Kiểu đo: online - Kèm điện cực đo online	1	USA
3.8	Bơm tuần hoàn	- Nhiệm vụ: bơm nước thải tuần hoàn từ bể sinh học về bể Anoxic - Lưu lượng: 2,5 m³/giờ - Cột áp: 6,5m - Công suất: 0,25 kw - Điện áp: 3 pha 380V, 50 Hz	1	Nhật Bản
4	Bể lắng			
4.1	Ống trung tâm	- Nhiệm vụ: tạo dòng chảy nhằm tăng hiệu quả tách cặn - Vật liệu: inox	1	Việt Nam
4.2	Máng răng cưa	- Nhiệm vụ: thu nước sau lắng - Vật liệu: inox	1	Việt Nam
4.3	Tấm chắn bọt	- Nhiệm vụ: chặn váng bọt - Vật liệu: inox	1	Việt Nam
4.4	Bơm bùn	- Nhiệm vụ: bơm bùn từ bể lắng về bể chứa bùn, bể Anoxic, bể sinh học - Lưu lượng: 2,5 m³/giờ - Cột áp: 6,5m - Công suất: 0,25 kw - Điện áp: 3 pha 380V, 50 Hz	1	Nhật Bản
5	Bể khử trùng			
5.1	Bồn chứa dung dịch hóa chất	- Nhiệm vụ: chứa dung dịch hóa chất - Kiểu: bồn đứng - Vật liệu: nhựa cao cấp - Đường kính thân bồn: 700mm - Chiều cao cả nắp: 935 mm - Thể tích: 300 lít	1	Việt Nam

BẢO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.2	Bơm định lượng dung dịch hóa chất	- Nhiệm vụ: bơm dung dịch hóa chất - Vật liệu: PVC/ teflon - Lưu lượng: 15 lít/giờ - Công suất: 0,042 kw - Điện áp: 1 pha 220V, 50 Hz	1	USA
5.3	Phao đo mực nước	- Nhiệm vụ: đóng ngắt bơm tự động - Loại: phao điện - Vật liệu: ABS - Vật liệu cáp: PVC	1	Nhật Bản

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.2.1. Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình gia công đồ gỗ

Trong quá trình gia công đồ gỗ sẽ phát sinh bụi gỗ từ công đoạn cưa cắt, bào, khoan, tiện, chà nhám,... Để hạn chế ảnh hưởng từ bụi, khí thải đến môi trường xung quanh và công nhân làm việc trong khu vực dự án, Cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp quản lý, đầu tư lắp đặt quạt thông gió, hệ thống cyclone thu gom bụi và lọc bụi túi vải.

- Đối với bụi thô phát sinh tại các máy cưa cắt, khoan, tiện, bào sẽ có kích thước tương đối lớn (dao động từ vài trăm đến vài ngàn μm). Bụi này sẽ được thu gom về hệ thống cyclone để xử lý. Tại các máy cưa cắt, khoan, tiện, bào sẽ trang bị các chụp hút để thu gom bụi. Sơ đồ thu gom, xử lý bụi thô như sau:



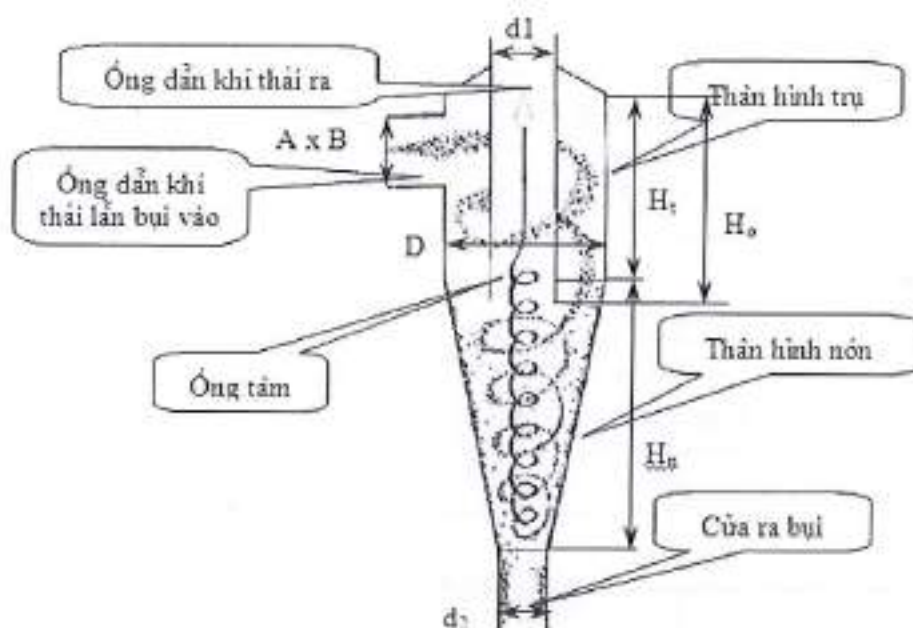
Hình 4.4. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi thô

Thuyết minh sơ đồ công nghệ:

Bụi phát sinh từ các công đoạn cưa cắt, khoan, tiện, bào được gắn chụp hút thu gom và dẫn bụi đến cyclone lọc bụi qua các đường ống thu gom có đường kính $\Phi 90$, $\Phi 114$, $\Phi 160$. Tại cyclone, không khí có chứa bụi được đưa vào phần trên của cyclone bằng một đường ống lắp theo phương tiếp tuyến với vỏ ngoài hình trụ của cyclone. Do vậy mà dòng không khí sẽ có hướng chuyển động xoắn ốc bên trong vỏ hình trụ và hạ dần về phía dưới. Khi gặp phần đáy hình phễu dòng khí sẽ bị đẩy ngược trở lên, trong khi đó dòng khí vẫn giữ chuyển động xoắn ốc và thoát ra ngoài qua đường ống ở phía trên đỉnh của cyclone. Trong quá trình chuyển động xoắn ốc, các hạt bụi chịu tác dụng của lực ly tâm làm cho chúng có xu hướng tiến dần về phía vỏ hình trụ hoặc đáy hình phễu rồi chạm vào thành của cyclone và rơi xuống phía dưới. Ở đáy phễu của cyclone, có lắp van xả bụi vào thiết bị thu bụi, sau đó bụi sẽ đi vào bao chứa bụi loại tải trọng 500kg, có kích thước: $D \times R \times C = 90\text{cm} \times 90\text{cm} \times 120\text{cm}$.

Bao chứa bụi được thay định kỳ 1 tuần/lần hoặc khi bao đầy và đưa về kho chứa chất thải, sau đó bán lại cho các đơn vị có nhu cầu. Khi vận chuyển bao chứa phải đóng kín miệng bao, tránh gây rơi vãi bụi trong quá trình vận chuyển.

Hiệu suất lọc bụi của hệ thống cyclone lên tới 45-85 %, tùy từng hạt bụi lớn nhỏ.



Hình 4.5. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của Cyclone

Thông số kỹ thuật của hệ thống cyclone thu bụi như sau:

Bảng 4.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống cyclone

STT	Hệ thống	Thông số kỹ thuật	Số lượng
01	Số lượng hệ thống cyclone	-	1
02	Chụp hút (máy cưa, máy khoan, máy tiện, máy bào)	Gắn liền với mỗi máy Kích thước: 50mm x 50mm	25

BẢO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

STT	Hệ thống	Thông số kỹ thuật	Số lượng
03	Kích thước Cyclone D*H	Quy cách: Cyclone hình trụ, vật liệu thép không gỉ. Kích thước: 0,4 m*1,82 m	1
04	Công suất quạt	Công suất: 1,5kw Lưu lượng: 5.000 m ³ /h Cột áp: 1.300 -1.000 Pa	1
05	Ống dẫn	Φ90, Φ 114, Φ 160	25

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Vị trí đặt Cyclone dự kiến được đặt phía Nam nhà xưởng, khoảng cách đến hàng rào ranh đất của Dự án khoảng 5 m. Tại ranh đất, chủ dự án sẽ xây dựng tường rào cao 2,5m và trồng cây xanh. Do vậy, vị trí đặt cyclone của Dự án là phù hợp và thuận lợi cho việc thu gom bụi trong quá trình sản xuất, giảm được tác động đến đối tượng xung quanh.

(bản vẽ bố trí HTXLKT được thể hiện ở phần phụ lục)

- Đối với bụi mịn phát sinh tại máy chà nhám sẽ có kích thước tương đối nhỏ nằm trong khoảng từ 1-15 μm . Bụi này sẽ được thu gom về hệ thống lọc bụi túi vải để xử lý. Tại các máy chà nhám sẽ trang bị các chụp hút để thu gom bụi. Sơ đồ thu gom, xử lý bụi mịn như sau:



Hình 4.6. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi mịn

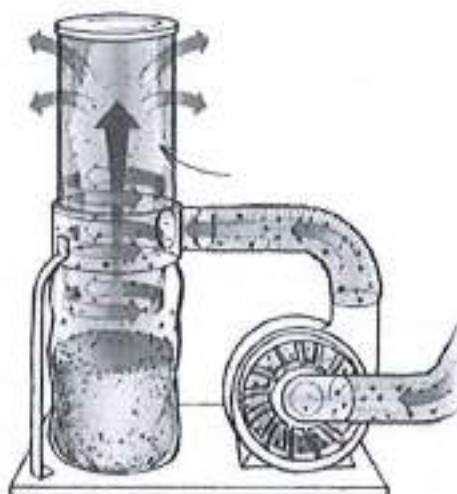
Thuyết minh sơ đồ công nghệ:

Tại thiết bị lọc bụi túi vải, dòng khí chứa bụi mịn đi qua lớp vải lọc, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ bị giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây, các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc, lớp màng này giữ được cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ, còn không khí sẽ đi qua lớp vải lọc, dòng khí sạch phát tán ra môi trường.

Sau 1 khoảng thời gian lớp bụi sẽ rất dày làm sức cản của màng lọc quá lớn, ta phải ngưng cho khí thải đi qua và tiến hành loại bỏ lớp bụi bám trên mặt vải. Thao tác này được gọi là hoàn nguyên khả năng lọc.

Định kỳ 1 tuần/lần, công nhân sẽ thu gom cho vào bao chứa bụi và đưa về kho chứa chất thải, sau đó bán lại cho các đơn vị có nhu cầu. Khi vận chuyển bao chứa phải đậy kín miệng bao, tránh gây rơi vãi bụi trong quá trình vận chuyển.

Hiệu suất lọc bụi có thể đạt đến 98 %.



Hình 4.7. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của thiết bị lọc bụi túi vải

Thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi túi vải di động như sau:

Bảng 4.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi túi vải di động

STT	Hệ thống	Thông số kỹ thuật	Số lượng
01	Số lượng hệ thống lọc bụi	-	1
02	Chụp hút (máy chà nhám)	Gắn liền với mỗi máy	6
03	Kích thước túi vải	Φ500mm	2
04	Đầu hút	Φ150mm	4
05	Công suất quạt	Công suất: 3HP/2,2KW Lưu lượng: 3.600 m ³ /h Cột áp: 2.500 Pa	1
06	Ống dẫn	Φ150	6

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

❖ **Biện pháp giảm thiểu bụi từ khu vực lọc bụi túi vải và cyclone**

Thu gom, giữ bụi đối với túi lọc túi vải di động và thiết bị cyclone định kỳ 1 tuần/lần. Sắp xếp thời gian thu gom bụi vào ngày nghỉ hoặc phải tắt quạt hút trước khi tiến hành thu gom bụi, mùn cưa.

Bụi và mùn cưa sau khi thu gom được chứa trong các bao chứa bịt kín và vận chuyển đến khu vực chứa CTR riêng biệt, có tường che chắn tránh mưa gió. Trong quá trình vận chuyển, công nhân phải thực hiện nhẹ nhàng, vận chuyển bằng thiết bị nâng tay.

Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong quá trình thu gom bụi.

2.2.2. Giảm hơi dung môi keo 502

Trong quá trình hoạt động sản xuất tại dự án sử dụng keo 502 khoảng 1,05 kg/ngày và không thường xuyên, nhưng do keo 502 có thành phần độc hại nên khi sử dụng, cần phải có những biện pháp hạn chế ảnh hưởng đến công nhân trực tiếp sản xuất và môi trường xung quanh như sau:

- Trang bị đầy đủ các loại dụng cụ bảo hộ khi tiếp xúc với keo 502 trong quá trình sử dụng như: kính mắt, khẩu trang, găng tay, mặt nạ chống độc.
- Khu vực làm việc phải đảm bảo thông thoáng, thiết kế các cửa ra vào, cửa chớp thông gió hợp lý để đón gió tự nhiên.
- Thông gió cưỡng bức nhà xưởng: Bố trí các quạt thổi tại các vị trí sử dụng keo.
- Các công nhân được hướng dẫn cách dán đúng phương pháp, đúng thao tác.

2.2.3. Giảm thiểu mùi từ hệ thống xử lý nước thải

Trạm XLNT cần được vận hành liên tục, đúng quy cách kỹ thuật.

Thường xuyên theo dõi, xử lý sự cố xảy ra để giảm thiểu tác động từ mùi hôi do nước thải không được xử lý, tồn đọng, giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động của mùi hôi đến môi trường.

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

2.3.1. Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh

Chất thải sinh hoạt

Với số lượng lao động của dự án khi đi vào hoạt động ổn định là 70 người. (tốc độ phát sinh rác thải 0,65 kg/người/ngày- Quyết định 88/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương), lượng chất thải phát sinh ước tính như sau:

Bảng 4.2. Chất thải sinh hoạt từ công nhân viên Nhà xưởng

Diễn giải	Giai đoạn hoạt động
Số lao động	70 người
Chất thải rắn sinh hoạt (kg/ngày)	45,5 kg/ngày

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Chất thải rắn thông thường

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Chất thải rắn thông thường phát sinh từ dự án bao gồm: Dăm bào, mùn cưa, gỗ vụn,... Căn cứ vào phương trình cân bằng nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra, chất thải rắn sản xuất phát sinh trong giai đoạn hoạt động được xác định trong bảng sau:

Bảng 4.6. Khối lượng thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Phế phẩm từ quá trình gia công đồ gỗ bao gồm: gỗ vụn, bìa gỗ vụn, dăm bào, mùn cưa,...	242.132,6
2	Ngũ kim hư hỏng như đinh, ốc vít, tay cầm, ổ khóa hư hỏng,...	23,8
3	Giấy nhựa văn phòng, các loại bao bì carton, pallet hư hỏng,...	85
	TỔNG	242.241,4

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý

Bảng 4.7. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy nhám	118
	TỔNG	118

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Các chất thải này thường tro về mặt hóa học, ít gây tác động trực tiếp đến môi trường và có thể tận dụng cho một số mục đích nhất định (phế phẩm từ quá trình chế biến gỗ bao gồm: gỗ vụn, bìa gỗ vụn, dăm bào, mùn cưa, bụi gỗ, giấy nhám), chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

Chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất bao gồm các loại thùng chứa dầu nhớt thải (dầu nhớt dùng để bôi trơn máy móc thiết bị); giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt thải (phát sinh do hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị), các loại bình mực in, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy,... Tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất ước tính như bảng sau:

Bảng 4.8. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại(rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính dầu nhớt, dính thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01
2	Hộp mực in, photo thải	Rắn	7	08 02 04

BẢO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại(rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
3	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	5	19 06 01
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
5	Dầu nhớt thải	Lỏng	15	17 02 04
6	Keo 502 thải	Lỏng	6,3	08 03 01
7	Chai đựng keo 502 thải bằng nhựa (*)	Rắn	63,3	18 01 03
8	Dầu nhớt bằng nhựa (*)	Rắn	13,2	18 01 03
9	Bao bì đựng hóa chất sử dụng cho HTXLNT bằng nhựa (*)	Rắn	8,1	18 01 03
10	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải (**)	Rắn	315	12 06 06
Tổng số lượng			457,9	

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

Ghi chú:

(*) Khối lượng bao bì thải dính thành phần nguy hại là loại thùng nhựa với các quy cách đóng gói và khối lượng bao bì thải được tính toán như sau:

Bảng 4.9. Khối lượng bao bì thải dính thành phần nguy hại

ST T	Tên hóa chất	Khối lượng sử dụng (kg/năm)	Loại bao bì đóng gói	Quy cách đóng gói (kg/thùng)	Khối lượng bao bì thải (kg/thùng)	Số lượng thùng thải (thùng)	Lượng CTNH phát sinh (kg/năm)
1	Keo 502	316,2	Chai nhựa	0,5	0,1	633	63,3
2	Dầu nhớt	220	Can nhựa	20	1,2	11	13,2
3	Clorin	150	Thùng nhựa	45	2,7	3	8,1
	Tổng						84,6

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

(**) Bùn phát sinh từ HTXLNT, ước tính nếu HTXL hoạt động liên tục thì lượng bùn phát sinh:

$$G = Q.(0,8.SS + 0,3. BOD) .10^{-3}$$

Trong đó: G: khối lượng bùn thải (kg/ngày)

Q: lưu lượng nước cần xử lý (4,2 m³/ngày.đêm)

SS: Hàm lượng cặn lơ lửng, SS=220 (mg/l)

BOD₅: nhu cầu oxy sinh hóa, BOD₅=250 mg/l

$$G = 4,2 \times (0,8 \times 220 + 0,3 \times 250) \times 10^{-3} = 1,05 \text{ kg/ngày}$$

Khối lượng bùn phát sinh 1 năm: 315 kg/năm

Mã CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Chất thải nguy hại được thu gom, quản lý nghiêm ngặt và hợp đồng với đơn vị xử lý theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.3.2. Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

Rác thải sinh hoạt: chủ yếu là bao bì, giấy, nylon, nhựa, rau quả thừa...khoảng 65 kg/ngày. Rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn, Chủ dự án sẽ bố trí 1 thùng dung tích 30 lít tại khu văn phòng và 4 thùng dung tích 120 lít tại khu vực sản xuất để lưu trữ. Đồng thời, Chủ dự án sẽ hợp đồng với Đơn vị có chức năng thu gom và xử lý rác sinh hoạt theo đúng quy định định kỳ 2 ngày/lần.

Chất thải rắn thông thường: Chủ yếu là dăm bào, gỗ vụn, bao bì hỏng,... phát sinh hằng ngày sẽ được công nhân thu gom vào cuối mỗi ngày làm việc, ước tính khoảng 807,86 kg/ngày, sau đó đưa về kho chứa chất thải thông thường với diện tích 40 m², đồng thời hợp đồng với Đơn vị có chức năng để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định. Hình thức thu gom và xử lý cụ thể đối với từng loại chất thải như sau:

- Dăm bào, gỗ vụn tại các máy cưa, máy bào trong công đoạn cưa cắt gỗ sẽ được công nhân quét dọn, thu gom vào cuối ngày cho vào các thùng chứa, bao chứa và tập kết tại nhà chứa chất thải công nghiệp của Dự án. Sau đó hợp đồng với đơn vị có nhu cầu đến thu gom và vận chuyển định kỳ 1 tuần/lần.

- Bụi gỗ sau hệ thống cyclone thu bụi được thu gom thẳng vào bao chứa bụi và được thay định kỳ 1 tuần/lần hoặc khi bao đầy và đưa về kho chứa chất thải, sau đó bán lại cho các đơn vị có nhu cầu. Bao chứa phải đậy kín miệng bao, tránh gây rơi vãi bụi trong quá trình vận chuyển.

- Đối với bụi gỗ từ thiết bị lọc bụi túi vải di động định kỳ 1 tuần/lần công nhân sẽ thu gom cho vào bao chứa bụi và đưa về kho chứa chất thải, sau đó bán lại cho các đơn vị có nhu cầu. Bao chứa phải đậy kín miệng bao, tránh gây rơi vãi bụi trong quá trình vận chuyển.

- Bao bì thải, giấy vụn từ văn phòng sẽ thu gom vào khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường và bán phế liệu khi khối lượng đủ lớn.

- Giấy nhám sau khi sử dụng sẽ được cho vào bao chứa trong khu vực sản xuất, cuối ngày sẽ được công nhân đem lưu chứa vào khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường của dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom định kỳ 2 lần/tháng.

- Ngũ kim hỏng trong quá trình sản xuất sẽ được lưu chứa vào thùng chứa bố trí gần khu vực lắp ráp, định kỳ 2 lần/tuần hoặc tùy theo khối lượng phát sinh nhiều hay ít sẽ có

thời gian lưu chứa tạm thời thích hợp và đem đi tập kết tại khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường của dự án và bán phế liệu khi khối lượng đủ lớn.

Cụ thể:

- Diện tích khu chứa chất thải thông thường có diện tích là 40 m^2 (vị trí khu chứa chất thải thông thường được thể hiện cụ thể trên bản vẽ tổng thể của dự án đính kèm phụ lục).

Thông số kỹ thuật của kho lưu giữ chất thải thông thường:

- + Tổng diện tích sàn là 40 m^2 .
- + Cửa kín.
- + Xây dựng tường gạch, tô trát và quét sơn nước, nền bê tông, có mái che và phân thành từng ô riêng biệt.
- + Có gờ chống tràn/rò rỉ khi gặp sự cố.
- + Chất thải được phân loại chứa trong thùng, trên thùng có dán nhãn ghi thông tin về tên chất thải,....

Chất thải nguy hại: Dự án sẽ tuân thủ các yêu cầu về thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Chất thải nguy hại của Dự án gồm có dầu nhớt đã qua sử dụng, giẻ lau dính dầu, bóng đèn, hộp mực in, thùng chứa dầu nhớt, chai keo 502 thải, ... sẽ được chứa vào các thùng chứa riêng biệt và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Cụ thể:

Diện tích khu chứa chất thải nguy hại có diện tích là 20 m^2 (vị trí khu chứa chất thải nguy hại được thể hiện cụ thể trên bản vẽ tổng thể của dự án đính kèm phụ lục). Tại góc này bố trí 02 thùng chứa chất thải nguy hại để chứa giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn hỏng, ... do đây là nguồn thải phát sinh không thường xuyên nên sau khi thải sẽ được thu gom vào các thùng chứa đã được bố trí.

Thông số kỹ thuật của kho lưu giữ chất thải nguy hại:

- + Tổng diện tích sàn là 20 m^2 .
- + Cửa kín.
- + Lớp lót chống thấm.
- + Kho chứa chất thải phải có mái che, gờ chống tràn/rò rỉ khi gặp sự cố.
- + Chất thải được phân loại chứa trong thùng, trên thùng có dán nhãn ghi thông tin về tên chất thải, biểu tượng nguy hiểm,...

Đối với keo 502 thải phát sinh do rơi vãi trong công đoạn lắp ráp, vớt chi tiết gỗ sẽ được thu gom hằng ngày sau cuối ngày làm việc và lưu chứa vào thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn và tập kết tại khu chứa chất thải nguy hại của cơ sở.

Các chai đựng keo, thùng đựng dầu nhớt sẽ được phân loại tại nguồn và lưu chứa tại khu chứa chất thải nguy hại của cơ sở.

Tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng và năng lực định kỳ đến thu gom vận chuyển đem xử lý theo quy định. Dự án sẽ thu gom, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/ 2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

Quá trình hoạt động của Cơ sở phát sinh nhiều tiếng ồn do hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất như máy cưa, máy khoan, máy tiện,... Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn tới môi trường và sức khỏe của công nhân trực tiếp sản xuất, chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

- Đầu tư các thiết bị máy móc là các máy mới, hoạt động tự động, có hệ thống truyền động giảm tiếng ồn.

- Huấn luyện công nhân lưu ý trong thao tác quá trình làm việc hạn chế để các kim loại va chạm gây tiếng ồn.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý.

- Xây dựng tường rào xung quanh dự án đồng thời trồng cây xanh để hạn chế tiếng ồn lan truyền ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ quá trình thực hiện.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.5.1. Sự cố của HTXLNT

Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải

Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát hoạt động của hệ thống đường ống để kịp thời phát hiện rò rỉ, thay thế cải tạo các thiết bị hư hỏng ảnh hưởng đến hệ thống xử lý.

Thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo trì tuyến đường ống, bể đỡ ống để có đánh giá và thay thế cần thiết.

Giao công nhân vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục.

Bảo dưỡng van theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra môi trường.

2.5.2. Sự cố của bể tự hoại

Thường xuyên kiểm tra các chỗ có khả năng rò rỉ khí như đường ống, van khí, chỗ nối,... Khu vực hầm cầu phải được vệ sinh, bơm hút thường xuyên để hạn chế khí sinh học tích tụ nhiều tạo môi trường nguy hiểm cháy, nổ.

Các khu vực phát sinh khí sinh học đều phải sử dụng các thiết bị điện phòng nổ phù hợp. Nghiêm cấm tuyệt đối bất kỳ nguồn lửa, nguồn nhiệt nào (cắm lửa, hút thuốc, sóng điện từ) ở khu vực bể tự hoại, ở những nơi có khí thoát ra ngoài do đường ống hở.

2.5.3. Sự cố của hệ thống xử lý bụi gỗ

Thiết kế, xây dựng hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy chuẩn, công suất xử lý đảm bảo xử lý triệt để khí thải phát sinh.

Giao công nhân vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục.

Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị trong hệ thống hút khí thải phát sinh từ nhà xưởng, hệ thống xử lý khí thải. Khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố, nhà máy tạm thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố để khắc phục hệ thống giảm thiểu các tác động. Đồng thời trang bị đồ dùng bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong phân xưởng.

2.5.4. Sự cố của kho lưu giữ chất thải rắn

Dự án giao cho người chịu trách nhiệm thu gom chất thải phải thống kê lượng chất thải phát sinh hàng ngày.

Trong trường hợp kho chứa bị quá tải dự án sẽ tăng tần suất thu gom vận chuyển chất thải.

Đối với sự cố thùng chứa chất thải lỏng bị rò rỉ, tràn đổ: cần sử dụng các biện pháp như dùng cát khô, bột, các dụng cụ bao gói phù hợp để ngăn cản sự phát tán của chất thải ở khu vực đó rồi thông báo ngay cho cơ quan chức năng xử lý.

Người phụ trách thu gom chất thải phải được đào tạo để phân loại đúng chất thải không để xảy ra sai sót trong quá trình phân loại và phải được đào tạo biết kiểm tra an toàn kho chứa chất thải, dự báo được trước sự cố để có biện pháp phòng ngừa kịp thời.

Dự án thuê đơn vị có đầy đủ chức năng để vận chuyển chất thải xử lý theo đúng quy định, giám sát nhà thầu thực hiện các biện pháp an toàn trong vận chuyển và yêu cầu nhà thầu trang bị các biện pháp ứng phó phòng trường hợp xảy ra các sự cố.

2.5.5. Nước mưa chảy tràn

Cơ sở sẽ phối hợp với đơn vị xây dựng thiết kế hệ thống thoát nước mưa cho toàn khu đất dự án. Hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở như sau:

- Nước mưa rơi xuống mái của nhà xưởng sẽ được thu gom bằng hệ thống máng thu và cuối các máng có đặt ống nhựa PVC đường kính $\phi 114$ mm dẫn nước xuống hệ thống

thoát nước mưa bằng BTCT chạy dọc các nhà xưởng. Hệ thống thoát nước mưa xây dựng bằng các cống BTCT, đường kính $\phi 300$ mm, sau đó nước mưa sẽ được dẫn về hồ sinh học có kích thước $5 \times 4 \times 6$ (m) = 120m^3 trong khuôn viên dự án.

2.5.6. Sự cố cháy nổ

Sự cố cháy nổ có thể xảy ra trong các trường hợp:

– Vận chuyển và tồn chứa nhiên liệu, dự trữ các loại nguyên nhiên liệu không đúng quy định.

- Vứt bừa tàn thuốc hay những nguồn lửa khác vào khu vực chứa nhiên liệu dễ cháy.
- Sự cố về các thiết bị điện.
- Sự cố sét đánh có thể dẫn đến cháy nổ.
- Công đoạn hàn.

Có thể xác định các nơi có thể gây ra sự cố cháy nổ như sau:

- Khu vực chứa nhiên liệu chạy máy và bảo trì máy móc.
- Khu vực kho chứa nguyên liệu gỗ, hóa chất.
- Khu vực kho chứa thành phẩm.
- Khu chứa các vật liệu điện, các thiết bị có sử dụng điện.
- Khu vực hàn.

Để phòng tránh sự cố cháy nổ, Cơ sở sẽ tiến hành thực hiện một số biện pháp sau:

Nhà xưởng sẽ được thiết kế hệ thống PCCC về mặt kiến trúc công trình xây dựng và các hạng mục kỹ thuật cấp nước chữa cháy, chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan quản lý chức năng.

Đường nội bộ đảm bảo phương tiện cứu hỏa đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực của nhà xưởng, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong các kho, xưởng. Kho cũng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái.

Trong khu sản xuất, kho chứa được lắp đặt hệ thống báo cháy. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng.

Hệ thống cấp nước chữa cháy luôn được đảm bảo, hệ thống máy bơm chữa cháy sẽ lắp đặt đúng theo thiết kế kỹ thuật được duyệt. Trang bị thêm dụng cụ chữa cháy xách tay để chủ động ứng cứu sự cố.

Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy phải được bảo quản nơi thoáng mát, có khoảng cách ly hợp lý để ngăn chặn sự cháy tràn lan khi có sự cố. Định kỳ kiểm tra các dụng cụ chứa, lượng lưu trữ phải có giới hạn. Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn.

2.5.7. Tai nạn lao động

Một số nguyên nhân gây tai nạn lao động như:

- Tai nạn lao động do bất cẩn trong quá trình vận chuyển, lưu trữ và sử dụng hóa chất, nhiên liệu và máy móc, thiết bị.
- Sự cố bất cẩn do bốc xếp nguyên vật liệu, sản phẩm dễ dàng hóa rơi vào người; quá trình sản xuất trong khu vực nhiệt độ cao dễ dẫn tới tình trạng mất nước của công nhân khi làm việc trực tiếp. Do đó, dễ dẫn tới tai nạn đặc biệt là đối với công nhân có thể trạng yếu dẫn đến sự cố choáng ngất trong quá trình làm việc.
- Khả năng xảy ra tai nạn lao động có thể do công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt những quy định khi vận hành máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất; do sự bất cẩn về điện dẫn đến sự cố điện giật; không thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

Xác suất xảy ra các sự cố này tùy thuộc vào việc chấp hành nội quy và quy tắc an toàn lao động của người công nhân. Mức độ tác động có thể gây ra thương tật hay thiệt mạng của người lao động.

Vì vậy, để đảm bảo thực hiện tốt nhất về an toàn lao động, Cơ sở áp dụng những biện pháp sau:

- Đối với các máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, được kiểm tra bảo trì thường xuyên nhằm đảm bảo mức độ an toàn cao khi vận hành.
- Có chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người công nhân.
- Cung cấp thiết bị bảo hộ lao động: mũ, găng tay, khẩu trang... Ở những khu vực cần thiết cần trang bị thêm quạt thông gió để làm thoáng mát cục bộ. Các điều kiện về ánh sáng, tốc độ gió và tiếng ồn cần được tuân thủ chặt chẽ.
- Những công nhân lao động trực tiếp tại khu vực có nhiều bụi được trang bị khẩu trang đặc biệt nhằm tránh các tác hại tiêu cực cho sức khỏe.
- Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được trang bị và cập nhật như tủ thuốc, điện thoại cấp cứu, cứu hỏa.
- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động.
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động không ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân.

2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả thải nước thải vào công trình thủy lợi

Không có

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, kế hoạch xây lắp các công trình và dự toán kinh phí đối với các công trình của dự án:

Bảng 4.9. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch xây lắp	Dự toán kinh phí (VNĐ)
-----	---------------------	---	------------------	------------------------

BẢO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1	Nước thải sinh hoạt	Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và sau đó dẫn nước thải về HTXL nước thải	Hoàn thành trước tháng 01/2023	200.000.000
2	Nước mưa	Bố trí hệ thống thoát nước mưa	Hoàn thành trước tháng 01/2023	100.000.000
3	Chất thải nguy hại	Bố trí khu vực nhà chứa chất thải, trang bị đầy đủ dụng cụ lưu trữ chất thải. Hợp đồng thu gom xử lý CTR, CTNH.	Hoàn thành trước tháng 01/2023	50.000.000
4	Chất thải thông thường	Bố trí khu vực thu gom, lưu trữ tại khu vực nhà chứa sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.	Hoàn thành trước tháng 01/2023	50.000.000
5	Chất thải sinh hoạt	Trang bị thùng nhựa chứa chất thải, xây dựng khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt	Hoàn thành trước tháng 01/2023	30.000.000
6	Bụi, khí thải	Hệ thống quạt thông gió dự án. Hệ thống xử lý bụi gỗ	Hoàn thành trước tháng 01/2023	70.000.000

Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

Bảng 4.10. Tổ chức quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

STT	Hạng mục	Quản lý	Vận hành/Theo dõi
1	Hệ thống đường ống và cyclone lắng bụi, hệ thống lọc bụi túi vải	Phòng kỹ thuật	Nhân viên môi trường
2	Hệ thống xử lý nước thải	Phòng kỹ thuật	Nhân viên môi trường
3	Nhà chứa chất thải	Phòng kỹ thuật	Nhân viên môi trường, nhân viên vệ sinh

Chủ dự án sẽ cử cán bộ đào tạo quản lý vận hành máy móc đúng kỹ thuật, giám sát hiệu quả xử lý và điều chỉnh phù hợp bảo đảm các chỉ tiêu môi trường đầu ra đạt tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định. Nhân viên môi trường thường xuyên kiểm tra, giám sát, tiến hành bảo trì 1 tháng/lần nhằm đảm bảo các hệ thống xử lý vận hành tốt, khắc phục sự cố kịp thời.

Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương để xử lý ngay nguồn ô nhiễm và rủi ro này.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng được đưa ra trong bảng sau:

Các đánh giá về nguồn tác động liên quan đến chất thải

Bảng 4.11. Đánh giá độ tin cậy của các kết quả đánh giá

TT	Các đánh giá tác động môi trường	Mức độ tin cậy của kết quả đánh giá	Nguyên nhân
Giai đoạn xây dựng			
1	Tác động đến môi trường không khí	Trung bình	Không có số liệu chi tiết về thời gian hoạt động của các thiết bị phục vụ thi công xây dựng. Chủ yếu dựa vào tính toán lý thuyết, dựa vào hệ số ô nhiễm của WHO thiết lập Hướng gió, vận tốc gió, các điều kiện khí hậu không phải hằng số, vì vậy các tính toán về khả năng phát tán có độ tin cậy trung bình.
2	Tác động đến môi trường nước	Cao	Có thể dự đoán được các nguồn phát sinh nước thải và lưu lượng, tính chất nước thải dựa trên các công trình đã thi công tương tự và kinh nghiệm của nhà thầu.
3	Tác động do CTR	Cao	Có thể ước tính được lượng chất thải phát sinh dựa trên các công trình đã thi công tương tự và kinh nghiệm của nhà thầu.
4	Tác động do tiếng ồn, độ rung	Trung bình	Có thể ước tính được dựa trên các công trình đã thi công tương tự và kinh nghiệm của nhà thầu. Tuy nhiên không đánh giá được tác động cụ thể vào từng thời điểm do không có số liệu về số lượng máy móc hoạt động vào từng thời điểm nhất định.
Giai đoạn hoạt động			
1	Tác động đến môi trường không khí	Trung bình	Có thể dự đoán được các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí Tính toán tải lượng và nồng độ căn cứ trên các hệ số ô nhiễm, các trạng trại chăn nuôi gà thịt

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

			tương tự đang hoạt động, tuy nhiên khả năng phát tán không được dự báo chính xác vì điều kiện thời tiết, khí hậu luôn thay đổi.
2	Nước thải	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các Công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động có thể ước tính được khá chính xác lượng nước thải, CTR phát sinh và các tác động có thể ảnh hưởng đến môi trường nước
3	Tác động do CTR	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các Công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động có thể dự báo khá chính xác các tác động này.
4	Tiếng ồn	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các Công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động có thể dự báo khá chính xác các tác động này.
5	Rủi ro, sự cố	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các Công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động có thể dự báo khá chính xác các rủi ro, sự cố có thể xảy ra.



CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải****1.1. Nguồn phát sinh nước thải**

Nước thải phát sinh tại dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại cơ sở. Do dự án chỉ thực hiện gia công đồ gỗ gia dụng nên không phát sinh nước thải sản xuất.

Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên

1.2. Lưu lượng xả thải

Tải lượng nước thải sinh hoạt phụ thuộc vào số lượng lao động làm việc tại nhà xưởng và mức độ sử dụng nước. Lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp sinh hoạt, lượng nước thải phát sinh khoảng 4,2 m³/ngày.

1.3. Dòng nước thải

Chủ dự án đề nghị cấp phép 1 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của dự án.

Nước thải từ 2 nhà vệ sinh văn phòng được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn và nước thải rửa tay chân được thu gom bằng đường ống uPVC D200mm, độ dốc i=0,5% về HTXLNT để xử lý. HTXL nước thải công suất 5 m³/ngày.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Dòng nước thải của dự án được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải như sau

Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A
1	pH	-	6 – 9
2	BOD ₅	mg/L	30
3	TSS	mg/L	50
4	COD	mg/L	75
5	Nitơ tổng	mg/L	20
6	Photpho tổng	mg/L	4
7	Coliform	MPN/100mL	3.000

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận

Nước thải sau khi được thu gom xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ theo đường ống uPVC D200mm, độ dốc i = 0,5% dẫn ra hố ga thoát nước thải. Nước thải sau hệ thống xử lý được lắp đặt cống thoát nước thải sau khi xử lý bằng BTCT, đường kính φ 300 mm dẫn về hồ sinh học thể tích 5 x 4 x 6 = 120 m³ được bố trí hồ nằm ở phía Đông

Nam trong khuôn viên dự án (bố trí hồ để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải) và có gắn biển báo "Điểm thoát nước thải của Hộ kinh doanh Hộ kinh doanh Thượng Thị Minh Thùy". Hệ thống thoát nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

Tọa độ hồ ga tiếp nhận nước thải: hồ ga cuối cùng trong khuôn viên dự án, trước khi theo đường ống được đưa về hồ sinh học có tọa độ X= 1231498.00, Y= 689151.00.

Phương thức xả thải: tự chảy.

Nguồn tiếp nhận: Nước thải sau khi đã được xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, nước sau HTXL sẽ được đưa về hồ sinh học có kích thước dài x rộng x sâu = 5 x 4 x 6 = 120 m³ trong khuôn viên dự án cho vi sinh vật xử lý tự nhiên và cho bốc hơi nước.



Hình 5.1. Vị trí xả nước thải

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn thải 01: Bụi phát sinh từ công đoạn cưa, cắt, bảo, khoan, tiện
- Nguồn thải 02: Bụi phát sinh từ công đoạn chà nhám

2.2. Lưu lượng xả khí thải

- Nguồn thải 01: 5.000 m³/h
- Nguồn thải 02: 3.600 m³/h

2.3. Dòng khí thải

Chủ dự án đề nghị cấp phép 2 dòng khí thải sau ống thải của HTXLKT.

- Dòng thải số 01: khí thải sau hệ thống cyclone thu bụi phát sinh từ công đoạn cưa, cắt, bảo, khoan, tiện

- Dòng thải số 02: khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải di động thu bụi phát sinh từ công đoạn chà nhám

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm theo dòng khí thải: được áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT ($K_p = 0,9$; $K_v = 1,0$) đối với bụi.

Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	Lưu lượng	m ³ /h	-
3	Nhiệt độ	°C	-

2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải và nguồn tiếp nhận

- Dòng thải số 01:

Vị trí xả thải: sau hệ thống cyclone thu bụi, có tọa độ X= 1231498.00, Y= 689033.00.

Phương thức xả thải: xả cưỡng bức.

Nguồn tiếp nhận: không khí khu vực dự án.

- Dòng thải số 02:

Vị trí xả thải: sau hệ thống lọc bụi túi vải di động, có tọa độ X= 1231514.00, Y= 689099.00

Phương thức xả thải: xả cưỡng bức.

Nguồn tiếp nhận: không khí khu vực dự án



Hình 5.2. Vị trí xả khí thải

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

Tiếng ồn thường phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị, do va chạm hoặc chấn động, chuyển động qua lại, do sự ma sát của các thiết bị

- Nguồn số 01: khu vực cửa cắt, khu vực bào chà nhám, khu vực lắp ráp
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ động cơ của HTXL khí thải.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

- Nguồn số 01: có tọa độ X= 1231537.00, Y= 689084.00
- Nguồn số 02: có tọa độ X= 1231496.00, Y= 689034.00

3.3. Giá trị giới đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn thường phát sinh từ hoạt động vận hành thương mại các máy móc thiết bị, do va chạm hoặc chấn động, chuyển động qua lại, do sự ma sát của các thiết bị như: Tiếng ồn từ công đoạn gia công tạo hình (cửa, cắt, khoan, mài, bào, làm mòng, chà nhám,...) tiếng ồn từ động cơ của các HTXL khí thải.

Bảng 5.3. Giá trị cho phép về tiếng ồn phát sinh

Thông số	Khu vực sản xuất	Không khí xung quanh	Quy chuẩn
Tiếng ồn (dBA)	85	-	QCVN 24:2016/BYT
	-	55 (từ 21 giờ đến 6 giờ) 70 (từ 6 giờ đến 21 giờ)	QCVN 26:2010/BTNMT

Ghi chú:

QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được so với hoạt động chính thức	Ghi chú
1	Nước thải sinh hoạt	Hệ thống xử lý nước thải	01/01/2023	31/03/2023	30%	Đảm bảo đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT,
2	Bụi, khí thải	Hệ thống cyclone thu bụi	01/01/2023	31/03/2023	30%	Đảm bảo đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT
		Hệ thống lọc bụi túi vải di động	01/01/2023	31/03/2023	30%	

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường

Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải

STT	Công trình xử lý	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Hệ thống xử lý nước thải	20/03/2023
2	Hệ thống cyclone thu bụi	20/03/2023
3	Hệ thống lọc bụi túi vải di động	20/03/2023

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải.

Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình

STT	Thời gian quan trắc	Chỉ tiêu, vị trí quan trắc
1	Hệ thống xử lý khí thải	
	Lần 1-3: 20-22/03/2023	- Vị trí: + Ống thải sau hệ thống cyclone thu bụi, có tọa độ X= 1231498.00, Y= 689033.00. + Sau hệ thống lọc bụi túi vải di động, có tọa độ X= 1231514.00, Y= 689099.00 - Loại mẫu: Mẫu đơn (3 mẫu đầu ra) của HTXLKT - Thông số: Lưu lượng, bụi tổng - QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=0,9, Kv=1,0. (01 ngày/lần, số đợt lấy mẫu: 3 đợt liên tiếp)
2	Hệ thống xử lý nước thải	
	Lần 1-3: 20-22/03/2023	- Vị trí: + Tại hố ga đầu vào bể điều hòa của HTXLNT, tọa độ X= 1231509.00, Y= 689153.00 + Tại đầu ra hố ga cuối cùng trong khuôn viên dự án trước khi theo đường ống dẫn vào hồ sinh học, tọa độ X= 1231498.00, Y= 689151.00. - Loại mẫu: Mẫu đơn (1 mẫu đầu vào, 3 mẫu đầu ra) của HTXLNT - Thông số: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, tổng N, tổng P, Coliform. - QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. (01 ngày/lần, số đợt lấy mẫu: 3 đợt liên tiếp)

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật**2.1. Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm****2.1.1. Giám sát bụi**

Vị trí: 01 điểm sau hệ thống cyclone và 01 điểm sau hệ thống lọc bụi túi vải di động.

Chỉ tiêu: bụi, lưu lượng.

Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT cột B

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

2.1.2. Giám sát không khí

Vị trí: 02 điểm ở mỗi nhà xưởng

Chỉ tiêu: Nhiệt độ, bụi, CO, NO₂, SO₂.

Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 02:2019/BYT

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

2.1.3. Giám sát nước thải

Vị trí: 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải

Chỉ tiêu: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, Coliform

Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

2.1.4. Chất thải rắn và chất thải nguy hại

Vị trí:

+ Tại kho chất thải thông thường

+ Tại kho chất thải nguy hại

Chỉ tiêu: khối lượng, thành phần

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

Cơ sở sẽ giám sát khối lượng và thành phần các loại chất thải rắn và thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại tại nguồn theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành chính thức

2.2.1. Giám sát bụi

Vị trí: 01 điểm sau hệ thống cyclone và 01 điểm sau hệ thống lọc bụi túi vải di động.

Chỉ tiêu: bụi, lưu lượng.

Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT cột B

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

2.2.2. Giám sát không khí

Vị trí: 02 điểm ở mỗi nhà xưởng

Chỉ tiêu: Nhiệt độ, bụi, CO, NO₂, SO₂.

Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 02:2019/BYT

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

2.2.3. Giám sát nước thải

Vị trí: 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải

Chỉ tiêu: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, Coliform

Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

2.2.4. Chất thải rắn và chất thải nguy hại

Vị trí:

+ Tại kho chất thải thông thường

+ Tại kho chất thải nguy hại

Chỉ tiêu: khối lượng, thành phần

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

Cơ sở sẽ giám sát khối lượng và thành phần các loại chất thải rắn và thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại tại nguồn theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 6.4. Kinh phí quan trắc môi trường

STT	Chương trình giám sát	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tần suất (lần/năm)	Thành tiền (VNĐ/năm)
1	Nước thải	1	1.200.000	2	2.400.000
2	Không khí	2	1.200.000	2	4.800.000
3	Khí thải	2	1.000.000	2	4.000.000
4	Chất thải rắn và chất thải nguy hại	1	1.500.000	2	3.000.000
5	Thuê người, phương tiện và thiết bị đo mẫu	1	1.000.000	2	2.000.000
6	Viết báo cáo công tác bảo vệ môi trường	1	3.000.000	1	3.000.000
7	In ấn và nộp báo cáo	2	200.000	1	400.000
Tổng cộng					19.600.000

(Nguồn: Hộ kinh doanh Thương Thị Minh Thùy, 2022)

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Cơ sở cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của các hồ sơ cung cấp sử dụng trong báo cáo.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 6 tháng/lần (được tích hợp trong báo cáo các công tác bảo vệ môi trường định kỳ), bảo đảm nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải, cụ thể:

- Đối với chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: Chấp hành đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Đối với nước thải: xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Đối với khí thải: xử lý đạt QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 19:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống, khắc phục các sự cố do cháy nổ, các rủi ro và các sự cố môi trường khác

Báo cáo với Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung giấy phép môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của UBND thị xã Tân Uyên.

Cam kết xây dựng đầy đủ các nội dung đã đăng ký trong giấy phép môi trường. Đồng thời trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình sẽ báo cáo UBND thị xã Tân Uyên để kiểm tra, giám sát.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Sơ đồ vị trí lấy mẫu



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HỘ KINH DOANH**

Số: 46E8027864

Đăng ký lần đầu, ngày 04 tháng 06 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: 01 ngày 23 tháng 06 năm 2022

1. Tên hộ kinh doanh: **THƯỢNG THỊ MINH THỦY**

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: **Thửa đất số 35 - Tờ bản đồ số 12 - KP 2 - P. Vĩnh Tân - TX. Tân Uyên - Bình Dương**

Điện thoại: 0983.117.399

Fax:

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh: **GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHÔI (KHÔNG SƠN SẢN PHẨM).**

(Hộ kinh doanh chỉ được tiến hành hoạt động kinh doanh sau khi thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).

4. Vốn kinh doanh: **2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)**

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: **Cá nhân**

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): **THƯỢNG THỊ MINH THỦY**

Giới tính: **Nữ**

Sinh ngày: **05/02/1982**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **074 182 012 188**

Ngày cấp: **28/09/2021**

Nơi cấp: **Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **KP 4 - P. Vĩnh Tân - TX. Tân Uyên - Bình Dương**

Địa chỉ liên lạc: **KP 4 - P. Vĩnh Tân - TX. Tân Uyên - Bình Dương**

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Tân Phương

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2591216005793

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà Thượng Thị Minh Thùy

Năm sinh: 1982, CMND số: 280776447

Địa chỉ thường trú: Ấp 4, xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

CD 612924

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: 35, tờ bản đồ số: 12
- Địa chỉ: xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Diện tích: 9123,3m², (bằng chữ: Chín nghìn một trăm hai mươi ba phẩy ba mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
- Thời hạn sử dụng: Đến tháng 11/2048
- Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

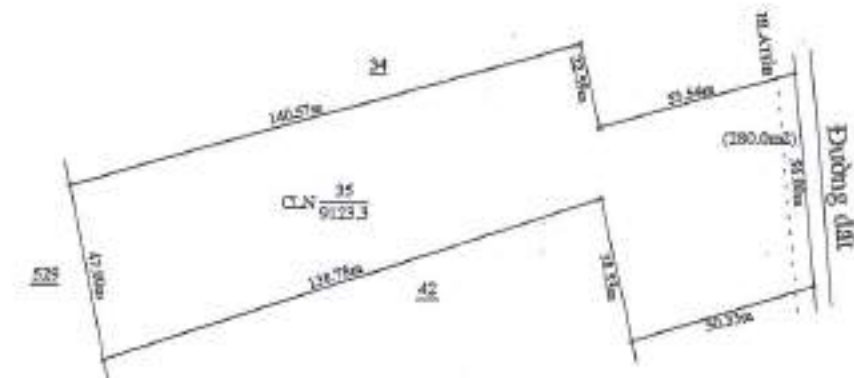
5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Thừa đất 35 có 280 m² đất trồng cây lâu năm thuộc hành lang an toàn đường bộ.
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hoài Thanh tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS07725 cấp ngày 13/7/2016.



III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1/2000

Bình Dương, ngày 14 tháng 9 năm 2022
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Xuân Ngọc

Số vào sổ cấp GCN: CS08060

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm thành đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để đầu tư dự án Xưởng gia công đồ gỗ gia dụng, diện tích 8843,3m ² , thời hạn sử dụng đất đến ngày 29/5/2042, theo Quyết định số 3775/QĐ-UBND, ngày 29/06/2022. Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo giấy nộp tiền số 4832886, 4832936 (BDU12222) ngày 11/7/2022, số sổ 005793.CM.002. Diện tích GCN: 9123,3m ² (SKC: 8843,3m ² ; CLN: 280m ² trong đó 280m ² CLN thuộc HLATĐB).	12/7/2022 Phó Giám Đốc Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số: 660/PTNMT-ĐĐ

Tân Uyên, ngày 17 tháng 5 năm 2022

Về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất
đồng thời thẩm định điều kiện cho phép
chuyển mục đích sử dụng đất của bà
Thượng Thị Minh Thủy tại phường Vĩnh
Tân.

Kính gửi: Bà Thượng Thị Minh Thủy.

Căn cứ Công văn số 281/UBND-SX ngày 29/01/2021 của UBND thị xã Tân Uyên về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất kết hợp chuyển nhượng dự án của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị xã Tân Uyên.

Qua xem xét Đơn đề nghị thẩm định nhu cầu sử dụng đất đồng thời thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nộp ngày 27/4/2022 của bà Thượng Thị Minh Thủy ở phường Vĩnh Tân, Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung:

- Người sử dụng đất: bà Thượng Thị Minh Thủy (địa chỉ thường trú: khu phố 4, phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

- Ngành nghề đầu tư: Gia công đồ gỗ gia dụng từ nguyên liệu gỗ phôi (không sơn sản phẩm).

- Số lượng công nhân viên thường xuyên khoảng 70 người.

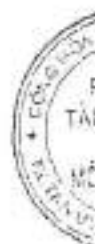
- Diện tích đầu tư: khoảng 8.843,3m² (không bao gồm phần đất thuộc HŁATĐB) thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ số 12 tại phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên.

- Nguồn gốc đất: Thửa đất số 35 tờ bản đồ số 12 tại phường Vĩnh Tân là đất của bà Thượng Thị Minh Thủy đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08060 ngày 14/09/2016 với diện tích 9.123,3m² (trong đó có 280m² thuộc HŁATĐB); mục đích sử dụng đất theo GCN: đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đến tháng 11/2048.

2. Nội dung thẩm định nhu cầu sử dụng đất:

a. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt:

Vị trí xin thẩm định của bà Thượng Thị Minh Thủy không phù hợp với Quy hoạch chung đô thị Nam Tân Uyên đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch nông thôn mới của xã (nay là phường) Vĩnh Tân đến năm 2030. Tuy nhiên theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Tân Uyên và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Tân Uyên thì vị trí xin thẩm định thuộc quy hoạch



đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC), phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

b. Về yêu cầu sử dụng đất của dự án:

Quy đất của địa phương đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của dự án.

c. Về hạ tầng kỹ thuật, môi trường, mật độ xây dựng và năng lực thực hiện dự án:

- Về môi trường: ngành nghề gia công đồ gỗ gia dụng với quy trình: *Nguyên liệu (gỗ phôi) → cưa, cắt → bào, chà nhám → lắp ráp → thành phẩm*; theo dự kiến của chủ sử dụng đất thì công suất gia công khoảng 17.600 sản phẩm/năm và số lượng công nhân viên thường xuyên khoảng 70 người. Trong quá trình hoạt động dự án có phát sinh bụi gỗ, chất thải rắn công nghiệp; dự án không phát sinh nước thải sản xuất, chủ yếu chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt với tổng lưu lượng dự kiến khoảng 4,2m³/ngày cho tự thấm trong khuôn viên (đảm bảo theo Công văn số 1224/UBND-KTN ngày 10/5/2011 của UBND tỉnh Bình Dương). Các nguồn tác động đến môi trường có thể hạn chế được nếu chủ sử dụng đất đầu tư các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định. Mặt khác từ cận vị trí xin thẩm định chủ yếu là đất trống và đất trồng cây cao su nên việc ảnh hưởng đến môi trường xung quanh không đáng kể. Yêu cầu chủ sử dụng đất phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các nguồn thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Về khoảng cách cách ly và đấu nối hạ tầng kỹ thuật: vị trí xin thẩm định nằm tiếp giáp đường do nhà nước quản lý, đảm bảo kết nối cấp điện phục vụ nhu cầu sử dụng cho dự án, khu vực dự án chưa có hạ tầng thoát nước.

- Về hệ số mật độ xây dựng: Dự án đầu tư của bà Thượng Thị Minh Thùy có mật độ xây dựng 67,8%, đảm bảo theo quy định.

- Năng lực thực hiện dự án: Tổng vốn đầu tư là 10 tỷ đồng, chủ sử dụng đất đã chứng minh năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư bằng Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đông Bình Dương phát hành với tổng số tiền 2 tỷ đồng.

3. Nội dung thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất:

a. Xác định loại dự án đầu tư

Dự án "Gia công đồ gỗ gia dụng" của bà Thượng Thị Minh Thùy thuộc dự án sản xuất, kinh doanh không sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước và phải lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo quy định.

b. Về năng lực tài chính

Chủ sử dụng đất đã chứng minh năng lực tài chính để thực hiện dự án bằng Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Đông Bình Dương phát hành với tổng số tiền 2 tỷ đồng - chiếm 20% tổng vốn đầu tư, đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

c. Về chấp hành pháp luật đất đai

Vị trí xin thẩm định không có vi phạm pháp luật về đất đai.

4. Kết luận:

Từ các nội dung nêu trên, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã thẩm định nhu cầu sử dụng đất đồng thời thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án trên của bà Thượng Thị Minh Thùy ở phường Vĩnh Tân. Yêu cầu bà Thượng Thị Minh Thùy liên hệ các cơ quan chức năng để thực hiện thủ tục đo đạc, chuyển mục đích sử dụng đất (nếu có) và các thủ tục khác theo quy định pháp luật. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận TNHS & trá KQ;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

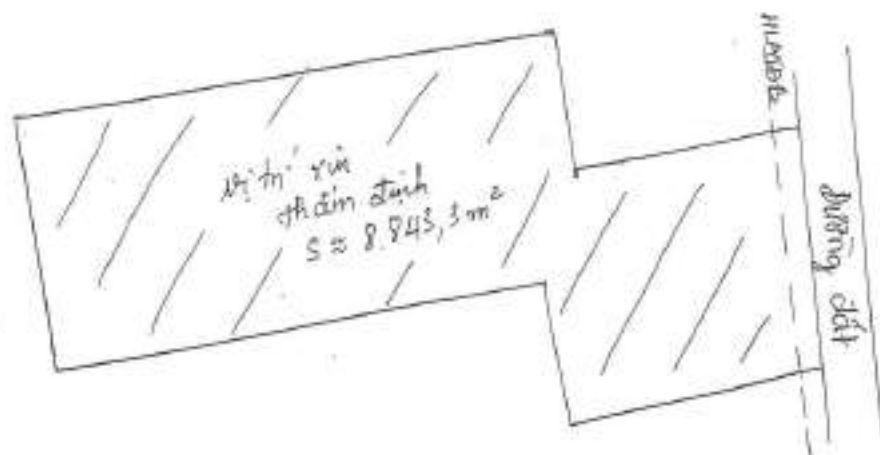


Nguyễn Tấn Lập

H. C. N.
C. N. C.
G. U. Y.
V. A.
T. R. U. C.

PHẬT HỌA VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẦU TƯ

(Sơ đồ vị trí tại mặt bằng đầu tư, trong đó có thể hiện vị trí, chiều dài, chiều rộng và diện tích nền công trình dự kiến đầu tư)



Chủ đầu tư (Lập ngày 6 / 5 / 2022)	Đại diện các cơ quan		
	UBND xã(phường)	Phòng TN-MT	Các đơn vị phối hợp
 Trương Thị Minh Thủy	 Lê Văn Đức	 Đặng Hồng Thảo	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN

Số: 8335 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Uyên, ngày 29 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép bà Thượng Thị Minh Thủy
được chuyển mục đích sử dụng đất

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 05/04/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Tân Uyên;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Tân Uyên tại Tờ trình số 1535 /TTr-PTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép bà Thượng Thị Minh Thủy, địa chỉ thường trú tại khu phố 4, phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để đầu tư dự án Xưởng gia công đồ gỗ gia dụng tại khu đất có đặc điểm như sau:

- Diện tích: 8.843,3m².

- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC).

- Vị trí, ranh giới khu đất: Tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 12, phường Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính, tỷ lệ 1/2000, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Tân Uyên xác lập ngày 16/6/2022.

- Thời hạn sử dụng đất là: 20 năm, kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2022 đến ngày 29 tháng 5 năm 2042.



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG - REC

Địa chỉ VP: Số 98 Dành Văn Trấn, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: nguyenvanrec@gmail.com



Mã số: 0712/H/HX-NT-BD/KQTN-REC

Tp. HCM, ngày 19 tháng 07 năm 2022

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Đơn vị yêu cầu: **HỘ KINH DOANH THƯỢNG THỊ MINH THỦY**
- Địa chỉ: Thửa đất số 35 – tờ bản đồ số 12 – KP 2 – P. Vĩnh Tân – TX. Tân Uyên – Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí
Số lượng: 02 mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 12/07/2022
- Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN CHO PHÉP	QUY CHUẨN SO SÁNH
I	KK1: Khu vực đầu dự án					
1	Nhiệt độ ^{(a)(d)}	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	34,2	--	--
2	Độ ồn ^{(a)(b)(d)}	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	60 - 62	70	QCVN 26:2010/BTNMT
3	Bụi ^{(a)(b)}	mg/m ³	TCVN 5067 : 1995	0,175	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
4	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971 : 1995	0,21	0,35	
5	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137 : 2009	0,064	0,2	
6	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK - CO/REC	< 5	30	
II	KK2: Khu vực cuối dự án					
1	Nhiệt độ ^{(a)(d)}	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,1	--	--
2	Độ ồn ^{(a)(b)(d)}	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	52 - 55	70	QCVN 26:2010/BTNMT
3	Bụi ^{(a)(b)}	mg/m ³	TCVN 5067 : 1995	0,18	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
4	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971 : 1995	0,15	0,35	
5	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137 : 2009	0,065	0,2	
6	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK - CO/REC	< 5	30	

Ghi chú: (--) : Không quy định

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện

Giám Đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Kiểm tra chéo sao mỗi phần (phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)).
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincert; Dấu (b): Chỉ tiêu đạt Vilas; Dấu (c): Chỉ tiêu nhà thêm phụ; Dấu (d): Chỉ tiêu đo tại hiện trường.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC

Địa chỉ VP: Số 98 Bành Văn Trân, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



Mã số: 0712 H/HX-NT-BD/KQTN-REC

Tp. HCM, ngày 19 tháng 07 năm 2022

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Đơn vị yêu cầu: **HỘ KINH DOANH THƯỢNG THỊ MINH THÙY**
- Địa chỉ: Thửa đất số 35 – tờ bản đồ số 12 – KP 2 – P. Vĩnh Tân – TX. Tân Uyên – Bình Dương
- Tên mẫu: Đất Số lượng: 01
- Vị trí lấy mẫu: Tại khu vực dự án, lấy tại độ sâu 0,2 - 0,4 m
- Ngày lấy mẫu: 12/07/2022
- Kết quả thử nghiệm: ^(a)

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 03-MT: 2015/BTNMT (Đất công nghiệp)
1	As	mg/kg	TCVN 6649:2000 + TCVN 8467:2010	1,4	25
2	Cd	mg/kg	TCVN 6649:2000 + TCVN 6496:2009	2,13	10
3	Pb	mg/kg	TCVN 6649:2000 + TCVN 6496:2009	KPH (LOD=5)	300
4	Zn	mg/kg	TCVN 6649:2000 + TCVN 6496:2009	56,3	300
5	Cu	mg/kg	TCVN 6649:2000 + TCVN 6496:2009	62,8	300
6	Cr	mg/kg	TCVN 6649:2000 + TCVN 6496:2009	KPH (LOD=5)	250

Ghi chú: Dấu (--) không quy định.

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Giám Đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu đại Viacens; Dấu (b): Chỉ tiêu đại Viles; Dấu (c): Chỉ tiêu nitơ hữu cơ; Dấu (d): Chỉ tiêu đo tại hiện trường.
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG – REC

Địa chỉ VP: Số 98 Đinh Văn Trăn, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3977 8141 Fax: 028 3977 8142 Email: moitruongrec@gmail.com



Mã số: 0713 H/HX-NT-BD/KQTN-REC

Tp. HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2022

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Đơn vị yêu cầu: **HỘ KINH DOANH THƯỢNG THỊ MINH THÙY**
- Địa chỉ: Thửa đất số 35 – tờ bản đồ số 12 – KP 2 – P. Vĩnh Tân – TX. Tân Uyên – Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng : 02 mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 13/07/2022
- Kết quả thử nghiệm:

TT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN CHO PHÉP	QUY CHUẨN SO SÁNH
I	KK1: Khu vực đầu dự án					
1	Nhiệt độ ^{(a)(d)}	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	34,5	--	--
2	Độ ồn ^{(a)(b)(d)}	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	56 - 58	70	QCVN 26:2010/BTNMT
3	Bụi ^{(a)(b)}	mg/m ³	TCVN 5067 : 1995	0,16	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
4	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971 : 1995	0,15	0,35	
5	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137 : 2009	0,032	0,2	
6	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	< 5	30	
II	KK2: Khu vực cuối dự án					
1	Nhiệt độ ^{(a)(d)}	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33	--	--
2	Độ ồn ^{(a)(b)(d)}	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	53 - 55	70	QCVN 26:2010/BTNMT
3	Bụi ^{(a)(b)}	mg/m ³	TCVN 5067 : 1995	0,17	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
4	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971 : 1995	0,068	0,35	
5	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137 : 2009	0,065	0,2	
6	CO ^(a)	mg/m ³	HDKK – CO/REC	< 5	30	

Ghi chú: (--) : Không quy định

P. Phòng thí nghiệm

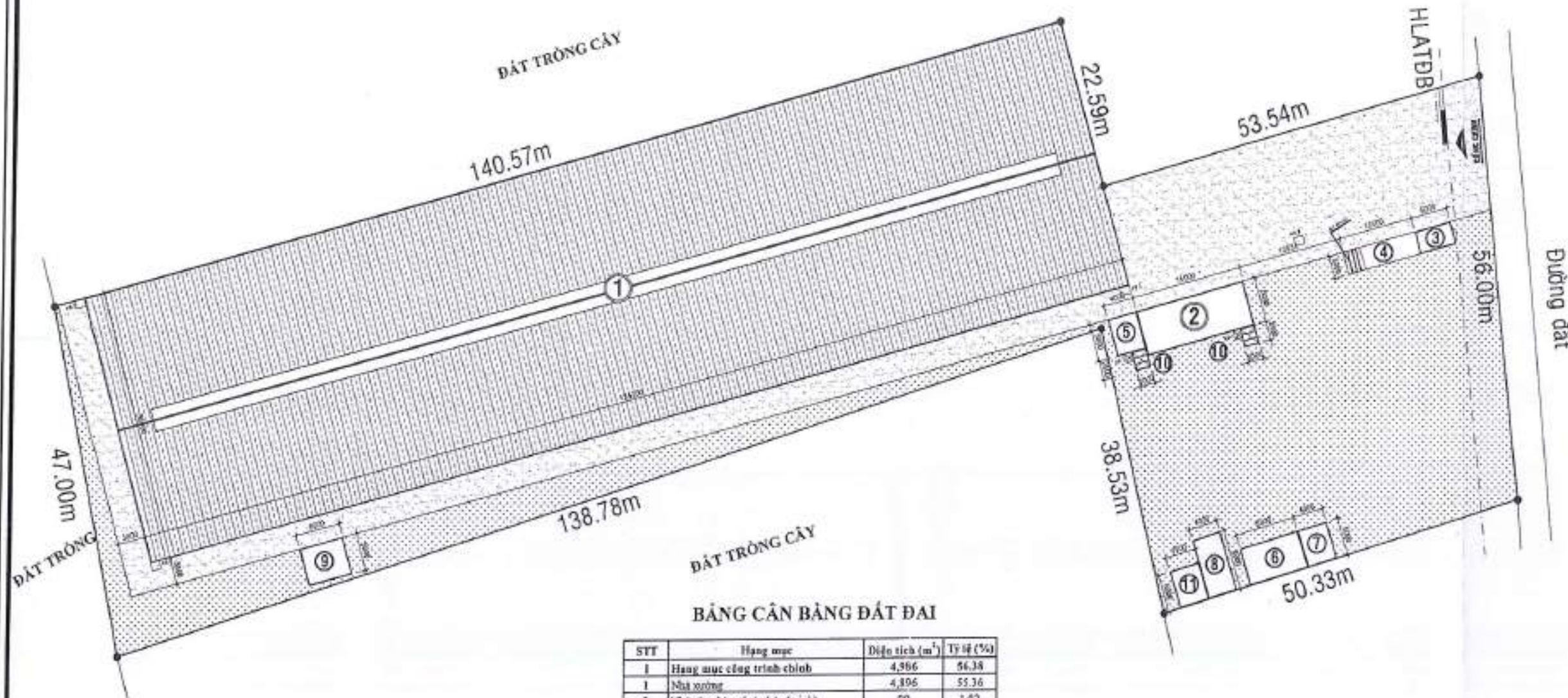
Nguyễn Minh Thiện



Giám Đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Đầu (a): Chỉ tiêu đạt Vincerts; Đầu (b): Chỉ tiêu đạt Vilas; Đầu (c): Chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn; Đầu (d): Chỉ tiêu đo tại hiện trường.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.



ĐẤT TRỒNG CÂY

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính	4,366	56,34
1	Nhà ở	4,306	55,36
2	Nhà vệ sinh (có nhà vệ sinh)	50	1,62
II	Các hạng mục công trình phụ trợ	48	0,51
3	Nhà kho	15	0,17
4	Nhà xe + Bể PCCC	30	0,34
III	Công trình bảo vệ môi trường	172	1,94
5	Nhà vệ sinh	20	0,23
6	Khu chứa chất thải thông thường	40	0,45
7	Khu chứa chất thải nguy hại	20	0,23
8	Hệ thống xử lý nước thải	32	0,36
9	Hệ thống xử lý bụi gỗ	30	0,34
10	Bể tự hoại (xây âm) (2 bể)	10	0,11
11	Hồ sinh học	20	0,23
IV	Cây xanh	1,810	20,47
V	Sân đường nội bộ	1,830	20,70
VI	Diện tích đất sử dụng	8,843,3	100
VII	Hình dạng an toàn đường bộ	280	
TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT		9,123,3	

STT	KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC
N	SIGNAL	NAME
01		ĐƯỜNG NỘI BỘ
02		ĐẤT CẤP XANH
03		HỒ GIẢ NƯỚC THẢI
04		HỒ GIẢ NƯỚC MUA

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ KINH DOANH THUẬN THỊ MINH THUY

THUẬN THỊ MINH THUY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯƠNG XANH



Địa chỉ: Lũy 84, đường số 8, KDC Mỹ Thành 2, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (0274) 3016120
Di động: 093 163 35 60

GIÁM ĐỐC



CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KTS. HÀ ĐUỐC BÌNH	
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ	KTS. HÀ ĐUỐC BÌNH	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. PHUQUỐC VĂN THẾ	

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHỐI (KHÔNG SƠN THANH PHẨM).

Địa điểm xây dựng: THỦA BẮT 35, TỶ BẮC ĐỒ SỐ 12, KP 2, P. VĨNH TÂN, TX. TÂY NGUYÊN, BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC

PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
XIN PHÉP XÂY DỰNG	☒
HOÀN CÔNG	☐

TÊN BẢN VẼ:

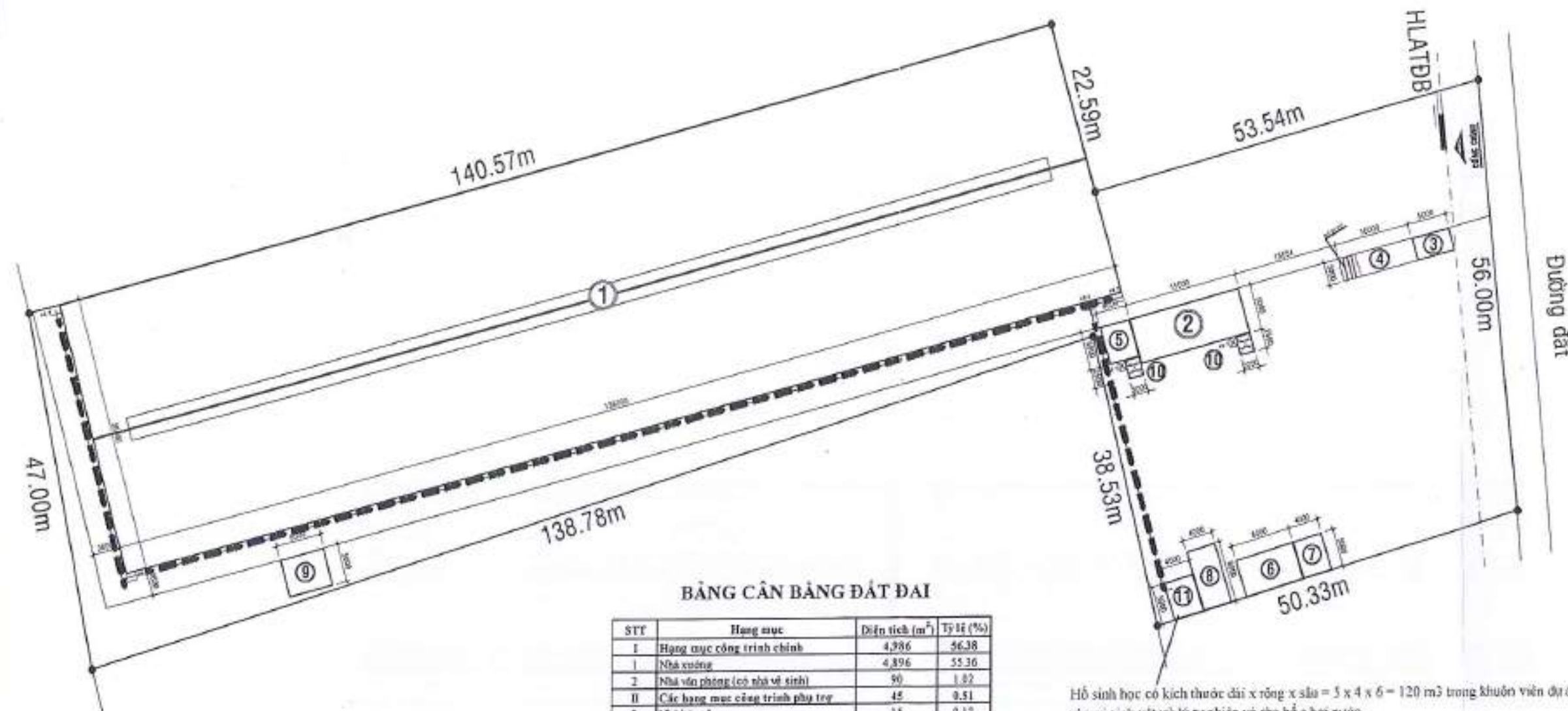
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

NGÀY HOÀN THÀNH:

20/07/2022

SẢN VẼ SỐ:

KT: 02/13



BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính	4,886	56.38
1	Nhà xưởng	4,886	56.38
2	Nhà vệ sinh	90	1.02
II	Các hạng mục công trình phụ trợ	45	0.51
3	Nhà bảo vệ	15	0.17
4	Nhà xe + Bể PCCC	30	0.34
III	Công trình bảo vệ môi trường	173	1.94
5	Nhà vệ sinh	20	0.23
6	Kho chứa chất thải thông thường	40	0.45
7	Kho chứa chất thải nguy hại	20	0.23
8	Hệ thống xử lý nước thải	32	0.36
9	Hệ thống xử lý bụi gỗ	30	0.34
10	Bể tự hoại (xây âm) (2 bể)	10	0.11
11	Hồ sinh học	20	0.23
IV	Cây xanh	1,810	20.47
V	Sân đường nội bộ	1,830	20.70
VI	Diện tích đất sử dụng	8,843.3	100
VII	Diện tích an toàn đường bộ	280	
	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	9,123.3	

Hồ sinh học có kích thước dài x rộng x sâu = 5 x 4 x 6 = 120 m³ trong khuôn viên dự án cho vi sinh vật xử lý tự nhiên và cho bốc hơi nước.
Thành hồ và đáy hồ được xây dựng bê tông hóa và phủ bạt HDPE chống thấm.

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TL: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ KINH DOANH THƯƠNG THIỆP MINH THỦY

Minh Thủy

THƯƠNG THIỆP MINH THỦY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯỜNG XANH



Địa chỉ: Lê Bá, đường số 8, KDC Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (0274) 3616126
Di động: 090 100 33 68

GIÁM ĐỐC



CHỦ NHẬN DỰ ÁN: KTS. N. QUỐC ANH
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ: KTS. N. QUỐC ANH
QUẢN LÝ XÂY DỰNG: KTS. PHƯƠNG ANH THẠCH

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHỐI(KHÔNG SƠN THÀNH PHẨM).

Ba điểm xây dựng: THỜI GIAN 35, TỶ SÀN SỐ 12, KP. 2, P. VINH TÂN, TX. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC:

PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM ☐

THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐

XIN PHÉP XÂY DỰNG ☒

HOÀN CÔNG ☐

TÊN SẴN VẼ:

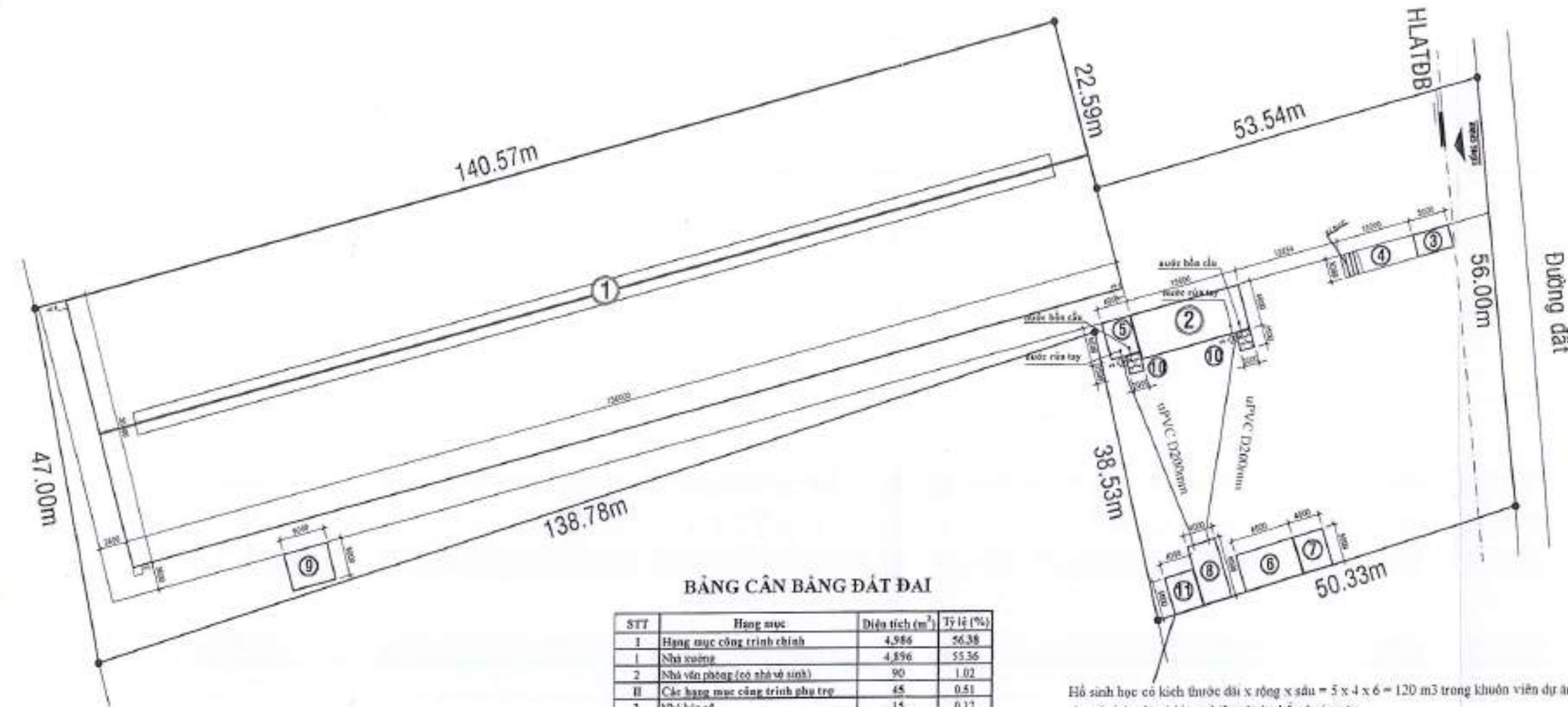
MB THOÁT NƯỚC MƯA

MỨC HOÀN THÀNH

20/07/2022

SẴN VẼ SỐ

KT: 03/13



BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính	4,986	56.38
1	Nhà xe	4,896	55.36
2	Nhà vận phòng (có nhà vệ sinh)	90	1.02
II	Các hạng mục công trình phụ trợ	45	0.51
3	Nhà bảo vệ	15	0.17
4	Nhà xe + Bể PCCC	30	0.34
III	Công trình bảo vệ môi trường	173	1.94
5	Nhà vệ sinh	20	0.23
6	Kho chứa chất thải thông thường	40	0.45
7	Kho chứa chất thải nguy hại	20	0.23
8	Hệ thống xử lý nước thải	32	0.36
9	Hệ thống xử lý bùn	30	0.34
10	Bể tự hoại (xây âm) (2 bể)	10	0.11
11	Hố sinh học	20	0.23
IV	Cây sen	1,810	20.47
V	Sân đường nội bộ	1,830	20.70
VI	Diện tích đất sử dụng	8,843.3	100
VII	Diện tích an toàn đường bộ	289	
	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	9,133.3	

Hố sinh học có kích thước dài x rộng x sâu = 5 x 4 x 6 = 120 m³ trong khuôn viên dự án cho vi sinh vật xử lý tự nhiên và cho bể cơi nước. Thách hồ và đáy hồ được xây dựng bê tông hóa và phủ bạt HDPE chống thấm.

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TL: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ KHÍNH DOANH THƯƠNG TÀI MINH THUY

THƯƠNG TÀI MINH THUY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯƠNG XANH

HX

Địa chỉ: Lê E4, đường số 8, KDC Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: (0274) 3616133
ĐT công: 093 183 33 85

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ
HƯƠNG XANH
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
DANG THANH HAT

CHỦ NHIỆM
DỰ ÁN
KTS HÁ QUỐC BÌNH
CHỦ TRÌ
THIẾT KẾ
KTS HÁ QUỐC BÌNH
QUẢN LÝ
KỸ THUẬT
KTS PHONG VŨNG THẾ

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHÔI (KHÔNG SƠN THÀNH PHẨM).

Địa điểm xây dựng: Thôn Gát 38, Tổ dân phố số 12, KP 2, P. Vĩnh Tân, TX. Tân Uyên, Bình Dương

HẠNG MỤC:

PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM
THIẾT KẾ KỸ THUẬT
XIN PHÉP XÂY DỰNG
HOÀN CÔNG

TÊN BẢN VẼ:

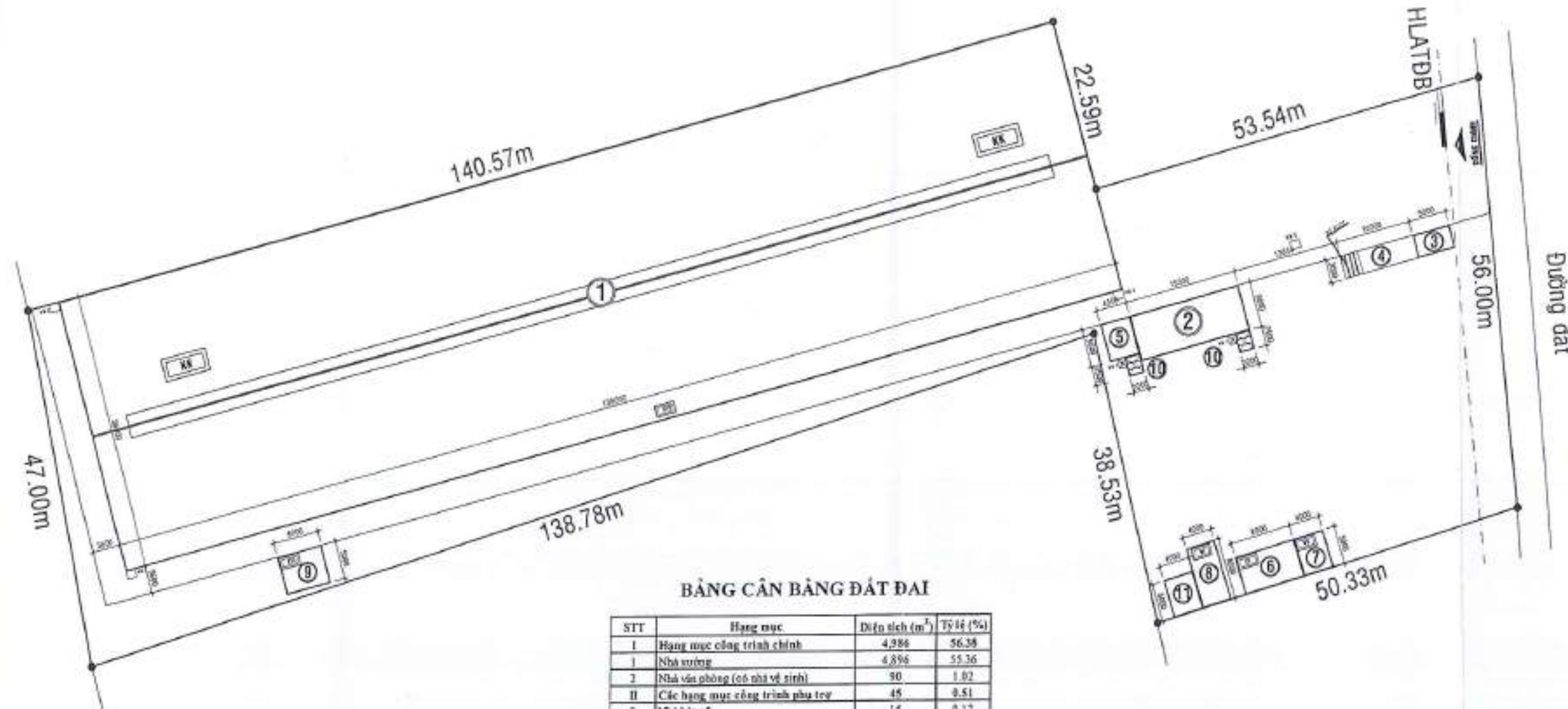
MB THOÁT NƯỚC THẢI

NGÀY HOÀN THÀNH:

20/07/2022

BẢN VẼ SỐ:

KT: 04/13



BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính	4,986	56.38
1	Nhà xưởng	4,896	55.36
2	Nhà vệ sinh (có nhà vệ sinh)	90	1.02
II	Các hạng mục công trình phụ trợ	45	0.51
3	Nhà bảo vệ	15	0.17
4	Nhà xe + Bể PCCC	30	0.34
III	Công trình bảo vệ môi trường	172	1.94
5	Nhà vệ sinh	20	0.23
6	Kho chứa chất thải thông thường	40	0.45
7	Kho chứa chất thải nguy hại	20	0.23
8	Hệ thống xử lý nước thải	52	0.59
9	Hệ thống xử lý bụi gỗ	30	0.34
10	Bể tự hoại (xử lý) (2 bể)	10	0.11
11	Hồ sinh học	20	0.23
IV	Cây xanh	1,810	20.47
V	Sân đường nội bộ	1,830	20.70
VI	Diện tích đất sử dụng	8,843.3	100
VII	Diện tích đất an toàn đường bộ	280	
	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	9,123.3	

GIỚI THIỆU:

STT	KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC
K	SIGNAL	NAME
01	KT	GIÁM SÁT KẾT THÚC
02	KK	GIÁM SÁT KHÔNG XẾ
03	HH	GIÁM SÁT CHẾT THỦI NGUY HẠI
04	TT	GIÁM SÁT CHẾT THỦI THÔNG THƯỜNG
05	NT	GIÁM SÁT NƯỚC THẢI

MẶT BẰNG GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG TL: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ KHAI DOANH THƯƠNG THỊ MINH THUY

THƯỜNG THỊ MINH THUY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯỜNG XANH



Địa chỉ: 14/14, đường số 8, KDC Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 02743.2618120
Email: 090.903.20.05



CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KTS HÀ QUỐC SƠN	Sub
CHỦ THỦ THIẾT KẾ	KTS HÀ QUỐC SƠN	Sub
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS PHƯƠNG HẢI THỊ	Th

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐÓ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHỐI (KHÔNG SƠN THÀNH PHẨM).

Địa điểm xây dựng: THỊA SÁT 15, TÔ BÍNH DŨ SỐ 12, KP 2, P. VĨNH TÂN, TX. TÂN GIỚI, BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC:

PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
XIN PHÉP XÂY DỰNG	☒
HOÀN CÔNG	☐

TÊN BẢN VẼ:

MB GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

NGÀY HOÀN THÀNH

20/07/2022

SỐ VẼ SỐ

KT : 05/13



BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính	4.986	56,38
1	Nhà xưởng	4.896	55,56
2	Nhà vệ sinh (có nhà vệ sinh)	90	1,02
II	Các hạng mục công trình phụ trợ	45	0,51
3	Nhà bảo vệ	15	0,17
4	Nhà xe + Bể PCCC	30	0,34
III	Công trình bảo vệ môi trường	173	1,94
5	Nhà vệ sinh	20	0,23
6	Kho chứa chất thải thông thường	40	0,45
7	Kho chứa chất thải nguy hại	20	0,23
8	Hệ thống xử lý nước thải	32	0,36
9	Hệ thống xử lý bụi gỗ	30	0,34
10	Bể tự hoại (xây âm) (2 bể)	10	0,11
11	Hồ sinh học	20	0,23
IV	Cây xanh	1.810	20,47
V	Sân đường nội bộ	1.830	20,76
VI	Diện tích đất sử dụng	8.843,3	100
VII	Hành lang an toàn đường bộ	286	
	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	9.129,3	

STT	KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC
01		ĐƯỜNG THÔNG RỦI BƠ
02		ĐẤT CỎ XANH
03		HỒ SÀ NƯỚC THẢI
04		HỒ SÀ NƯỚC MƯA

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ SẢN XUẤT Tỉ lệ: 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ KINH DOANH THƯƠNG THIỆ MINH THỦY

TRƯƠNG THỊ MINH THỦY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
HƯỜNG XANH



Địa chỉ: (Số 14, đường số 8, Xóm Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Đức, Hồ Chí Minh)
Điện thoại: (0274) 3818128
Di động: 093 100 22 88

GIÁM ĐỐC



CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KTS. HÀ QUỐC BÌNH	
CHỦ TRÍ THIẾT KẾ	KTS. HÀ QUỐC BÌNH	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. PHƯƠNG VĂN THỊ	

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHÔI (KHÔNG SƠN THÀNH PHẨM).

Địa điểm xây dựng: THỔ ĐẤT 35, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 12, KP 2, P. VINH TÂN, TX. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC:

PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
XIN PHÉP XÂY DỰNG	☒
HOÀN CÔNG	☐

TÊN SẢN PHẨM:

MB BỐ TRÍ TB SẢN XUẤT

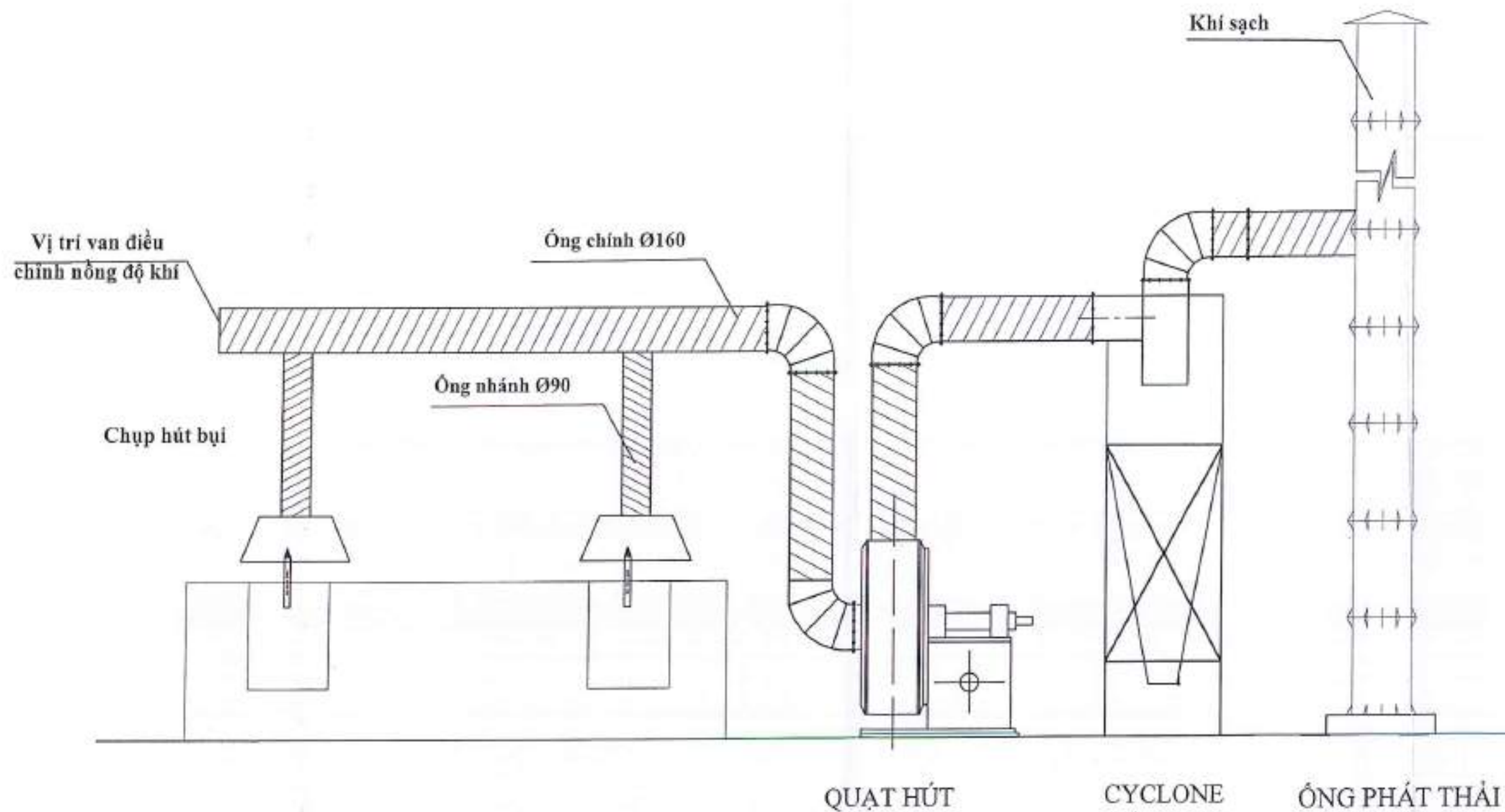
NGÀY HOÀN THÀNH:

28/07/2022

BẢN VẼ SỐ:

KT: 06/13

CÔNG NGHỆ XỬ LÝ BỤI GỖ BẰNG CYCLONE



CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ KINH DOANH THƯƠNG THỊ MINH THUY

THƯƠNG THỊ MINH THUY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯƠNG XANH



Địa chỉ: L1 E4, đường số 8, KDC Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (0274) 3610120
Fax: (0274) 3610120



ĐANG THÀNH HẢI

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KTS. HÀ QUỐC BÙN	phab
CHỦ THỦ THIẾT KẾ	KTS. HÀ QUỐC BÙN	phab
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. PHONG VĂN THẾ	Phu

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHÔI (KHÔNG SƠN THÀNH PHẨM).

Địa điểm xây dựng: THỊNH ĐẤT 35, T0 BẮN ĐỒ SỐ 12, KP 2, P. VINH TÂN, TX. TÂN MỸ, BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC:

PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
XIN PHÉP XÂY DỰNG	☒
HOÀN CÔNG	☐

TÊN BẢN VẼ:

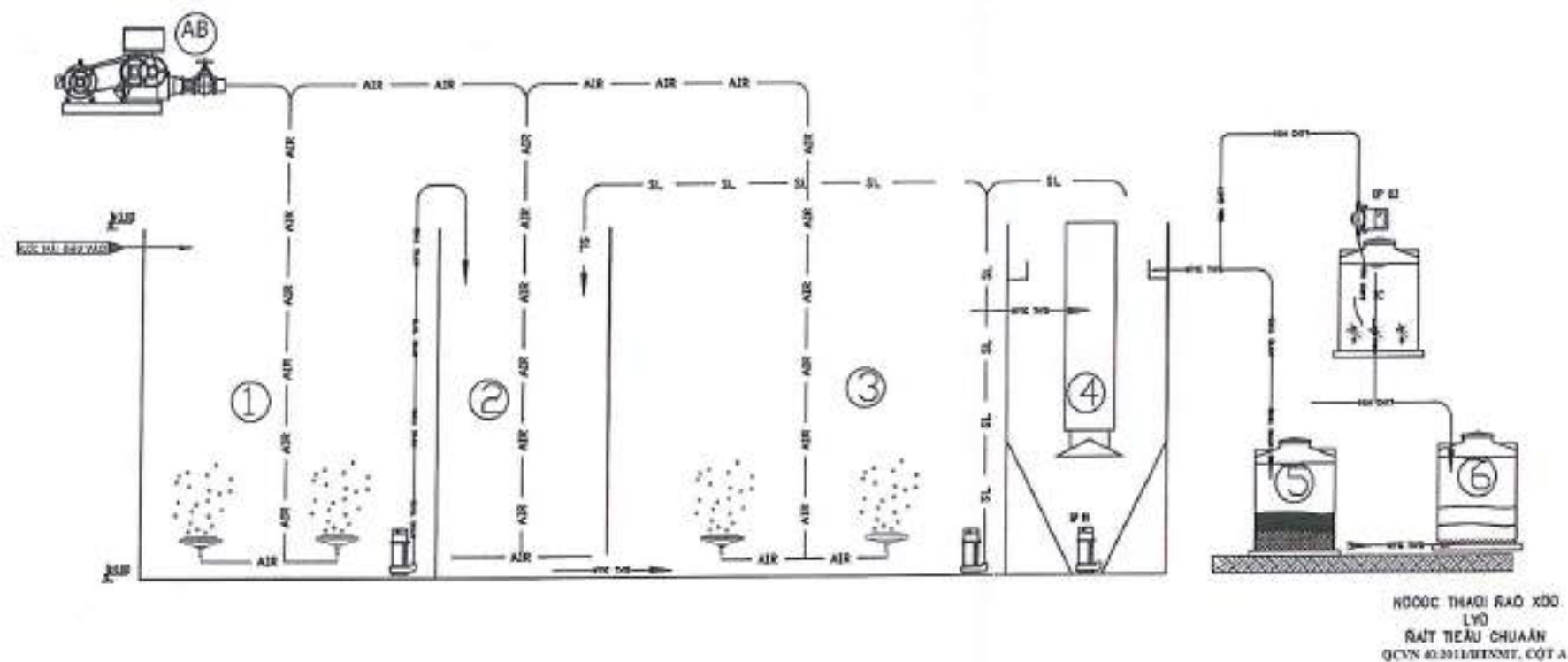
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ BỤI

NGÀY HOÀN THÀNH:

20/07/2022

BẢN VẼ SỐ:

KT : 07/13



GHI CHÚ:

- WP — BƠM NƯỚC THẢI
- AIR — AIR — ĐƯỜNG DẪN KHÍ
- SL — SL — ĐƯỜNG DẪN BÙN
- DP — ĐƯỜNG DẪN HÓA CHẤT

GHI CHÚ:

1. BỂ ĐIỀU HÒA
2. BỂ ANOXIC
3. BỂ ARO TANK
4. BỂ LÀNG SINH HỌC
5. BỒN LỌC ÁP LỰC
6. BỒN KHỬ TRÙNG

- AB. MÁY THỔI KHÍ
- WP. BƠM NƯỚC THẢI
- SP. BƠM BÚN
- DP. BƠM HÓA CHẤT
- HC. BỒN CHỨA HÓA CHẤT
- DTX. Đĩa Thổi Khí
- SCR. SONG CHẶN RÁC

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT: 5m³/NGÀY ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ KINH DOANH THƯƠNG THIỆM MINH THUY

Minh Thuy

THƯƠNG THIỆM MINH THUY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯƠNG XANH



Địa chỉ: Lũ 24, đường số 8, KDC Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (0274) 2816128
Di động: 093 103 33 68

GIÁM ĐỐC



CHỦ NHẬN DỰ ÁN	KTS. HÀ QUỐC BÌNH	<i>hab</i>
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ	KTS. HÀ QUỐC BÌNH	<i>hab</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. PHƯƠNG LINH THỂ	<i>Ph</i>

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHÔI (KHÔNG SƠN THÀNH PHẨM).

Địa điểm xây dựng: THỀM DẤT 25, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 12, KP 2, P. VĨNH TÂN, TX. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC:

PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
XIN PHÉP XÂY DỰNG	☒
HOÀN CÔNG	☐

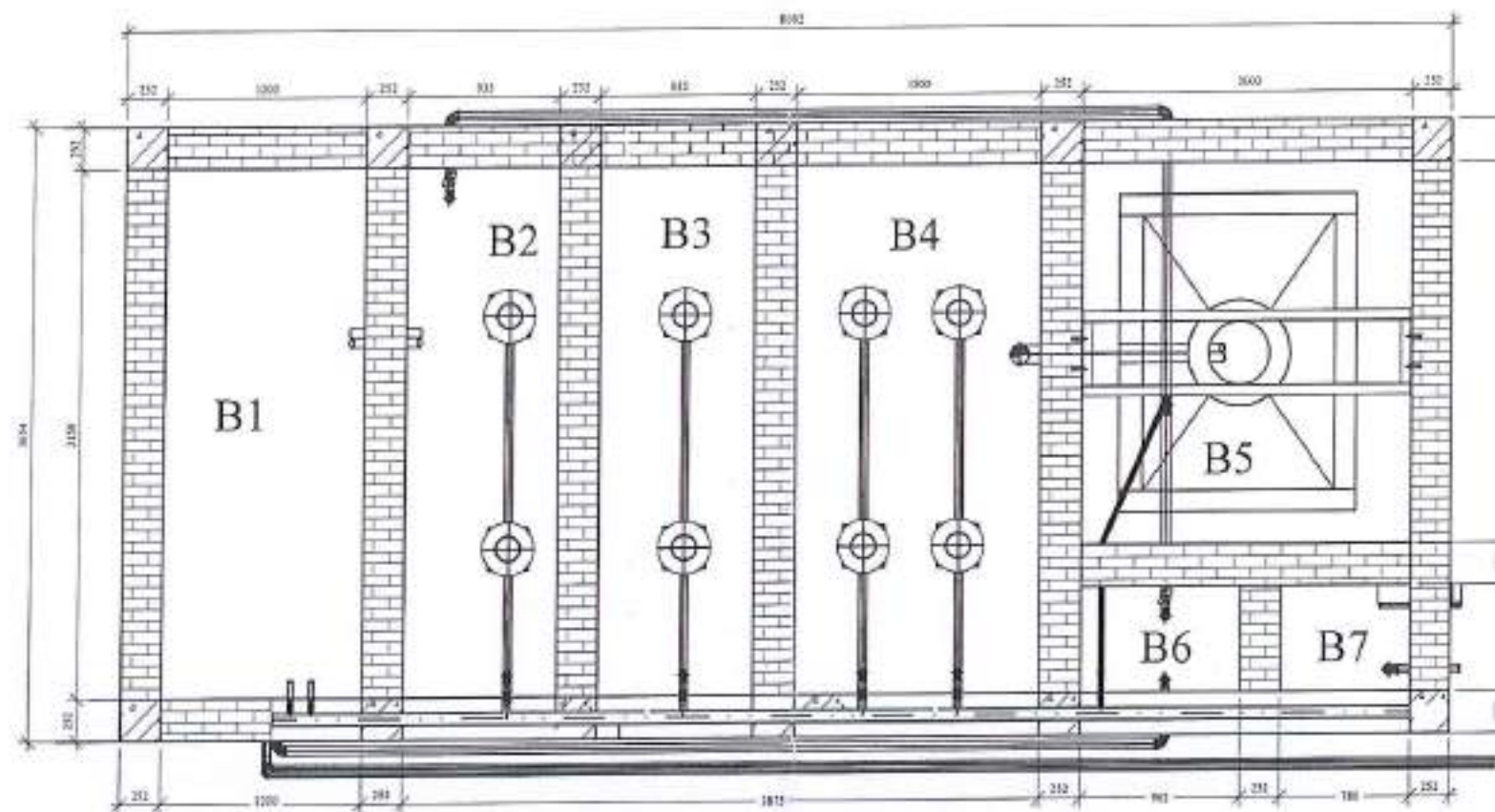
TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XLNT

NGÀY HOÀN THIỆN: 28/07/2022

BẢN VẼ SỐ: KT : 13/13

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ

HẠNG MỤC	BỂ ĐIỀU HÒA	BỂ ANOXIC	BỂ ARO/TANK	BỂ LẮNG VỊ SỬNG	BỒN LỌC ÁP LỰC	BỂ CHỨA BÚN	BỂ KHỬ TRÙNG
KÝ HIỆU	B01	B02	B03	B04	B05	B06	B07
KÍCH THƯỚC (m)	$(B \times L \times H = 3,15 \times 1,2 \times 3,5)$	$(B \times L \times H = 3,15 \times 0,935 \times 3,5)$	$(B \times L \times H = 3,15 \times 0,935 \times 3,5)$	$(B \times L \times H = 3,15 \times 1,5 \times 3,5)$	$(B \times L \times H = 2,0 \times 2,268 \times 2,1)$	$(B \times L \times H = 0,962 \times 0,63 \times 3,5)$	$(B \times L \times H = 0,786 \times 0,63 \times 3,5)$
QUY CÁCH	- Bể công tác đáy 4m, M100. - Đáy BTCT, M250, sỏi Ø10, 4150 đơn một lớp. - Thành xây gạch dày 200mm. - Mặt trong và vữa M100, phủ lớp chống thấm. - Mặt ngoài và vữa M75, quét bả dầu.	- Bể công tác đáy 4m, M100. - Đáy BTCT, M250, sỏi Ø10, 4150 đơn một lớp. - Thành xây gạch dày 200mm. - Mặt trong và vữa M100, phủ lớp chống thấm. - Mặt ngoài và vữa M75, quét bả dầu.	- Bể công tác đáy 4m, M100. - Đáy BTCT, M250, sỏi Ø10, 4150 đơn một lớp. - Thành xây gạch dày 200mm. - Mặt trong và vữa M100, phủ lớp chống thấm. - Mặt ngoài và vữa M75, quét bả dầu.	- Bể công tác đáy 4m, M100. - Đáy BTCT, M250, sỏi Ø10, 4150 đơn một lớp. - Thành xây gạch dày 200mm. - Mặt trong và vữa M100, phủ lớp chống thấm. - Mặt ngoài và vữa M75, quét bả dầu.	- Bể công tác đáy 4m, M100. - Đáy BTCT, M250, sỏi Ø10, 4150 đơn một lớp. - Thành xây gạch dày 200mm. - Mặt trong và vữa M100, phủ lớp chống thấm. - Mặt ngoài và vữa M75, quét bả dầu.	- Bể công tác đáy 4m, M100. - Đáy BTCT, M250, sỏi Ø10, 4150 đơn một lớp. - Thành xây gạch dày 200mm. - Mặt trong và vữa M100, phủ lớp chống thấm. - Mặt ngoài và vữa M75, quét bả dầu.	- Bể công tác đáy 4m, M100. - Đáy BTCT, M250, sỏi Ø10, 4150 đơn một lớp. - Thành xây gạch dày 200mm. - Mặt trong và vữa M100, phủ lớp chống thấm. - Mặt ngoài và vữa M75, quét bả dầu.

CHỦ ĐẦU TƯ

HỢI KINH DOANH THƯƠNG THỊ MINH THỦY

THƯƠNG THỊ MINH THỦY

THƯƠNG THỊ MINH THỦY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
HƯƠNG XANH



Địa chỉ: L1 E4, đường số 8, KDC Mỹ Thành 3, phường
Hiệp Thành, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (0274) 3616125
Di động: 993.163.30.65



CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KTS. HÀ QUỐC BÌNH	<i>gab</i>
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ	KTS. HÀ QUỐC BÌNH	<i>gab</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. PHÙNG VĂN THẾ	<i>Phu</i>

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ
NGUYÊN LIỆU GỖ PHÔI (KHÔNG
SƠN THÀNH PHẨM).

Địa điểm xây dựng: THỊA ĐẤT 35, YÔ BÀN ĐỒ SỐ 12,
K.P. 2, P. YÔ BÀN TÂN, TX. TÂN LẬP, BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC

PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM ☐

THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐

XIN PHÉP XÂY DỰNG ☒

HOÀN CÔNG ☐

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ THIẾT KẾ HTXLNT

NGÀY HOÀN THÀNH

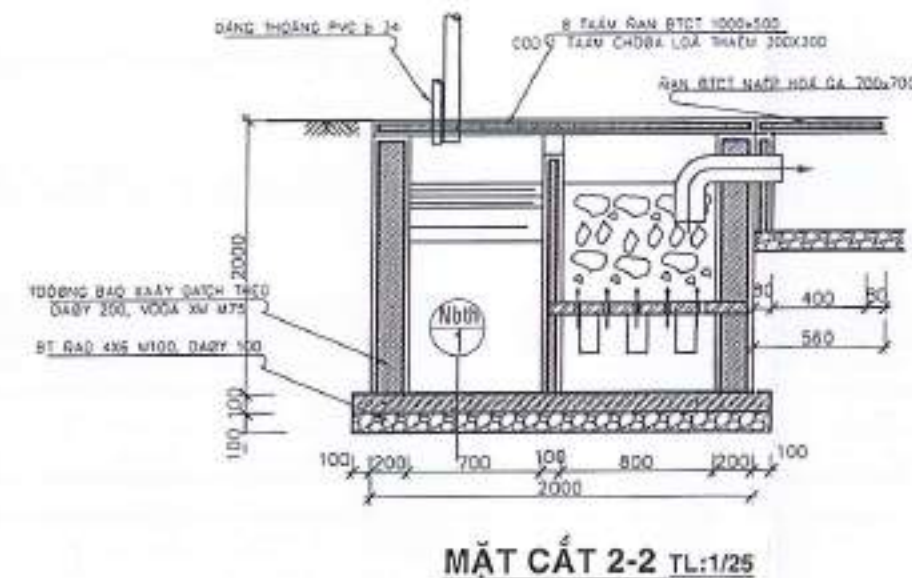
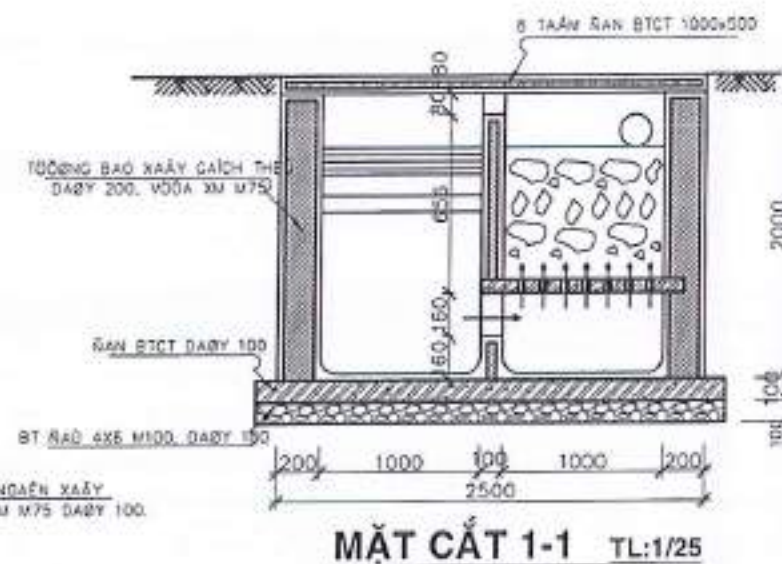
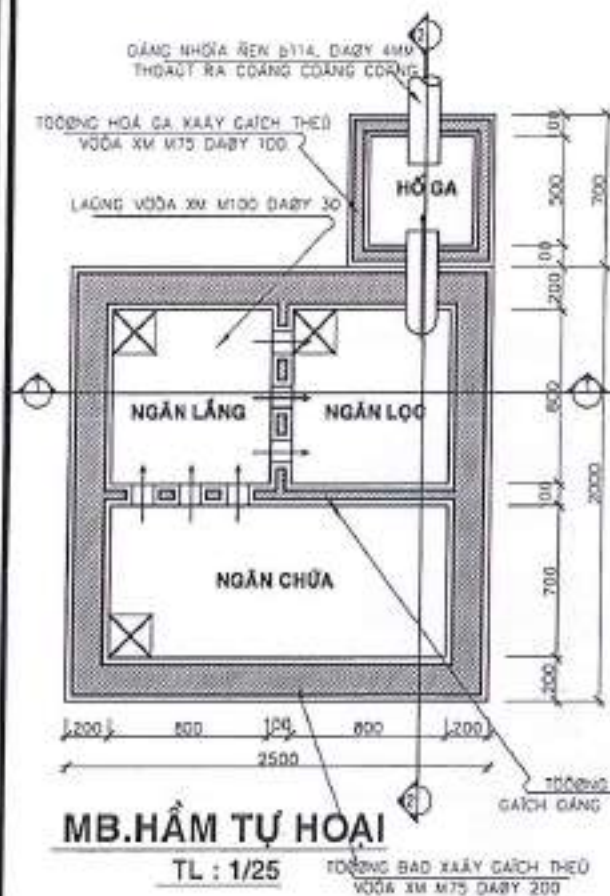
20/07/2022

BẢN VẼ SỐ:

KT : 13/13

CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI 3 NGĂN

Kích thước 2,5 x 2 x 2= 10 m³



CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ KINH DOANH THƯƠNG THỦ MINH THUY

Minh Thuy

THƯƠNG THỦ MINH THUY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯƠNG XANH



Địa chỉ: Lũ 64, đường số 8, KDC Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (0274) 3816720
Di động: 093 163 33 66

GIÁM ĐỐC



CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KTS. MÃ QUỐC BÙY	<i>phb</i>
CHỦ THỊ THIẾT KẾ	KTS. MÃ QUỐC BÙY	<i>phb</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. PHƯƠNG MÃ TH	<i>ph</i>

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHỐI (KHÔNG SƠN THÀNH PHẨM).

Địa điểm xây dựng: THỎA BẮT 35, TỎ BẮC CỎ SỐ 12, KP 2, P. VĨNH TÂN, TX. TÂN UYÊN, BẮC ĐƯƠNG

HẠNG MỨC

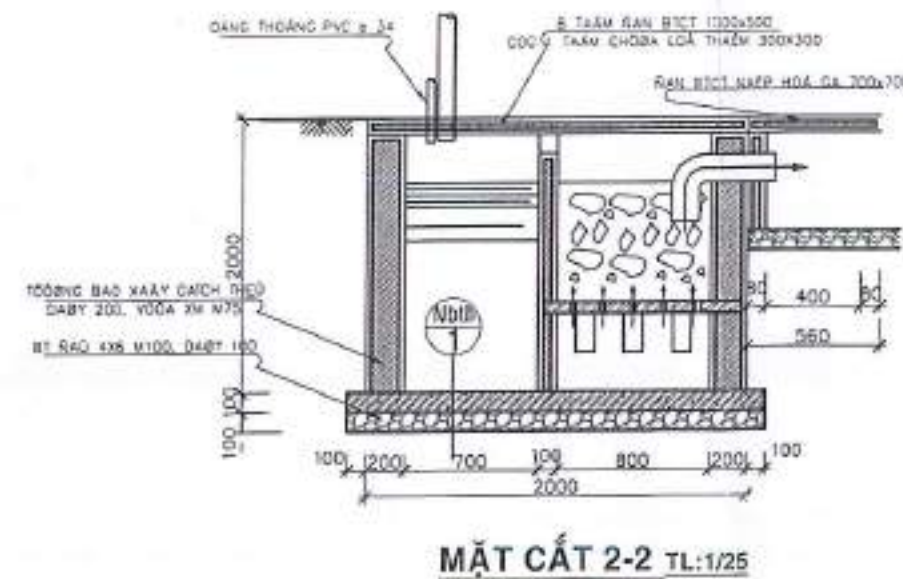
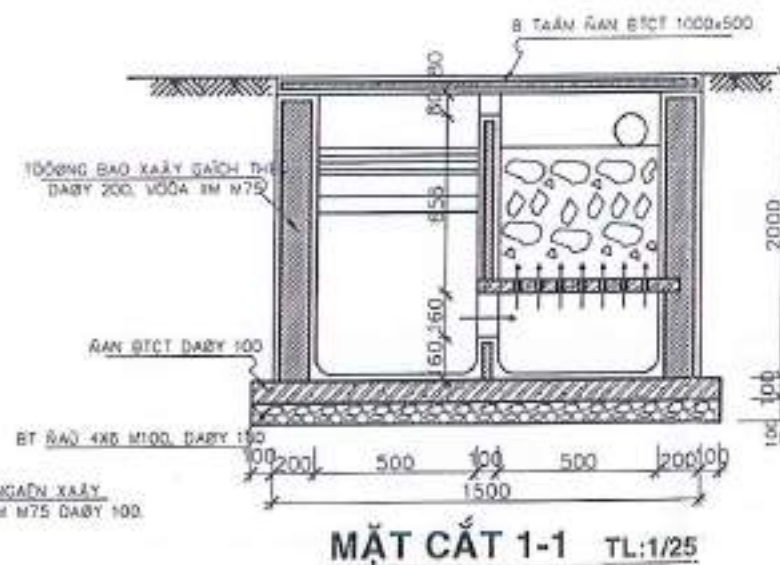
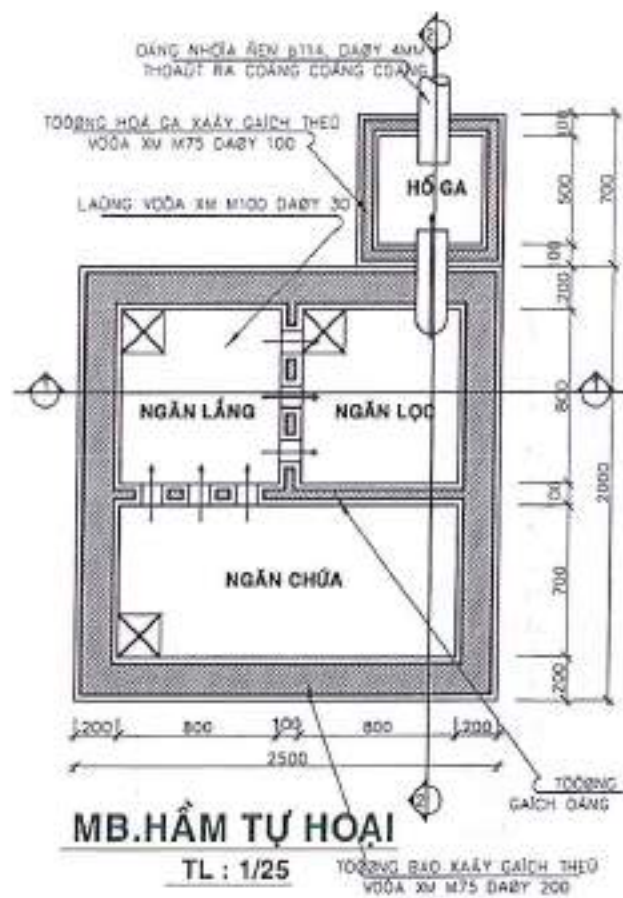
PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
XIN PHÉP XÂY DỰNG	☒
HOÀN CỎNG	☐

TÊN BẮN HỒ

NGÀY HOÀN THỦY:	BẮN HỒ SỐ:
26/07/2022	KT : 03/13

CHI TIẾT BÊ TỰ HOẠI 3 NGĂN

Kích thước: 1,5 x 2 x 2 = 6 m³



CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ KINH DOANH THƯƠNG THẺ MINH THỦY

THƯƠNG THẺ MINH THỦY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯỜNG XANH

HX

Địa chỉ: Lũy 84, đường số 8, KDC Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (0274) 3616109
Di động: 090 168 33 68

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯỜNG XANH
DẶNG THANH HẢI

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KTS HÀ QUỐC BÌNH	ph
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KTS HÀ QUỐC BÌNH	ph
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS PHÙNG VĂN THẾ	ph

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHỐI (KHÔNG SƠN THÀNH PHẨM).

Địa điểm xây dựng: THÂN GIẾT 35, T0 BÀN SỔ SỐ 12, KP 2, P. VĨNH TÂN, TX. TÂN KIỆM, BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC:

PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM

☐

THIẾT KẾ KỸ THUẬT

☐

XIN PHÉP XÂY DỰNG

☒

HOÀN CÔNG

☐

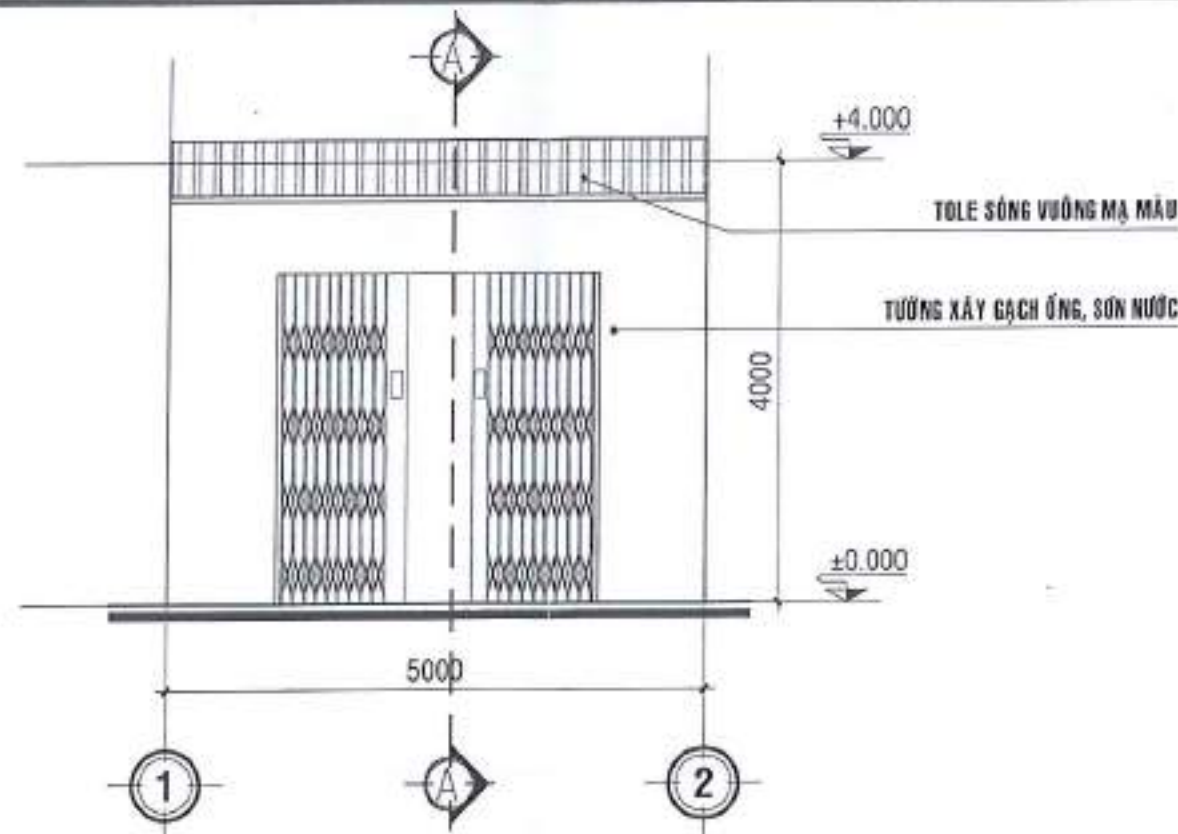
TÊN BẢN VẼ:

NGÀY HOÀN THÀNH:

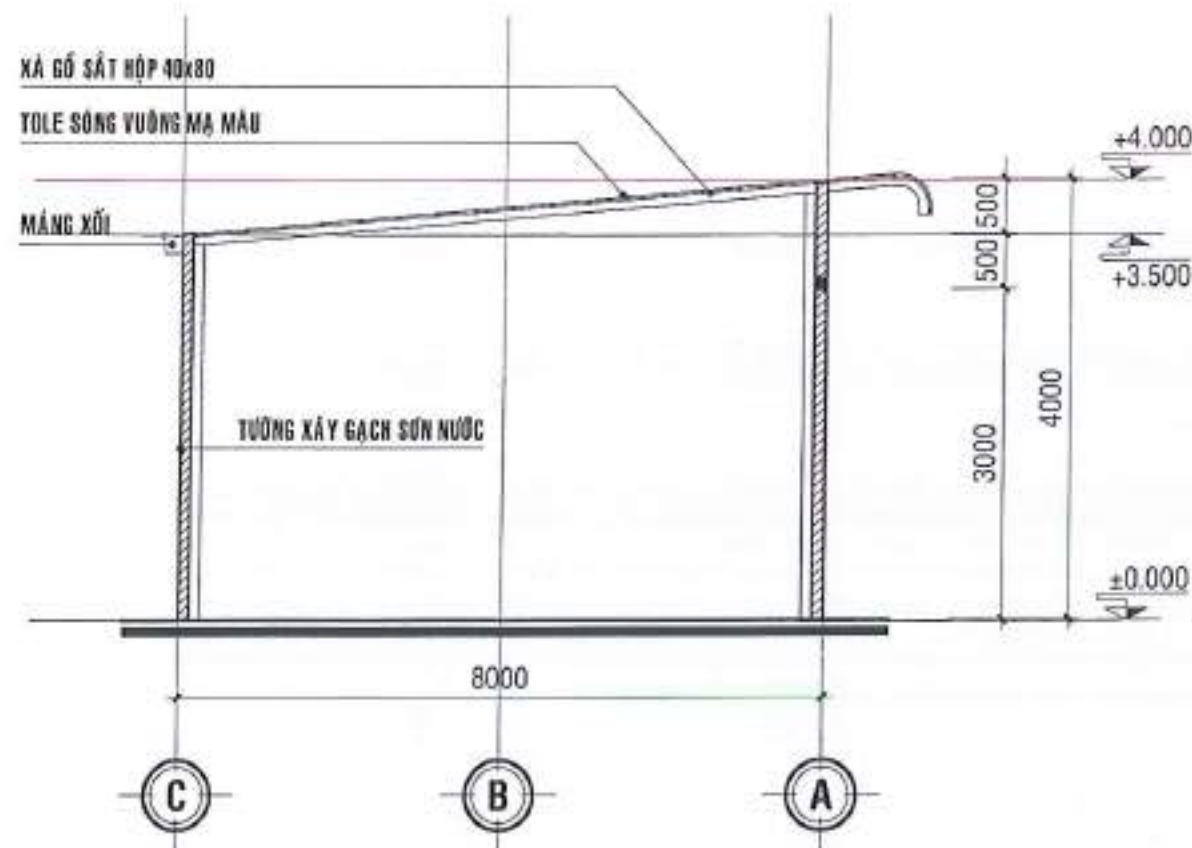
20/07/2022

BẢN VẼ SỐ:

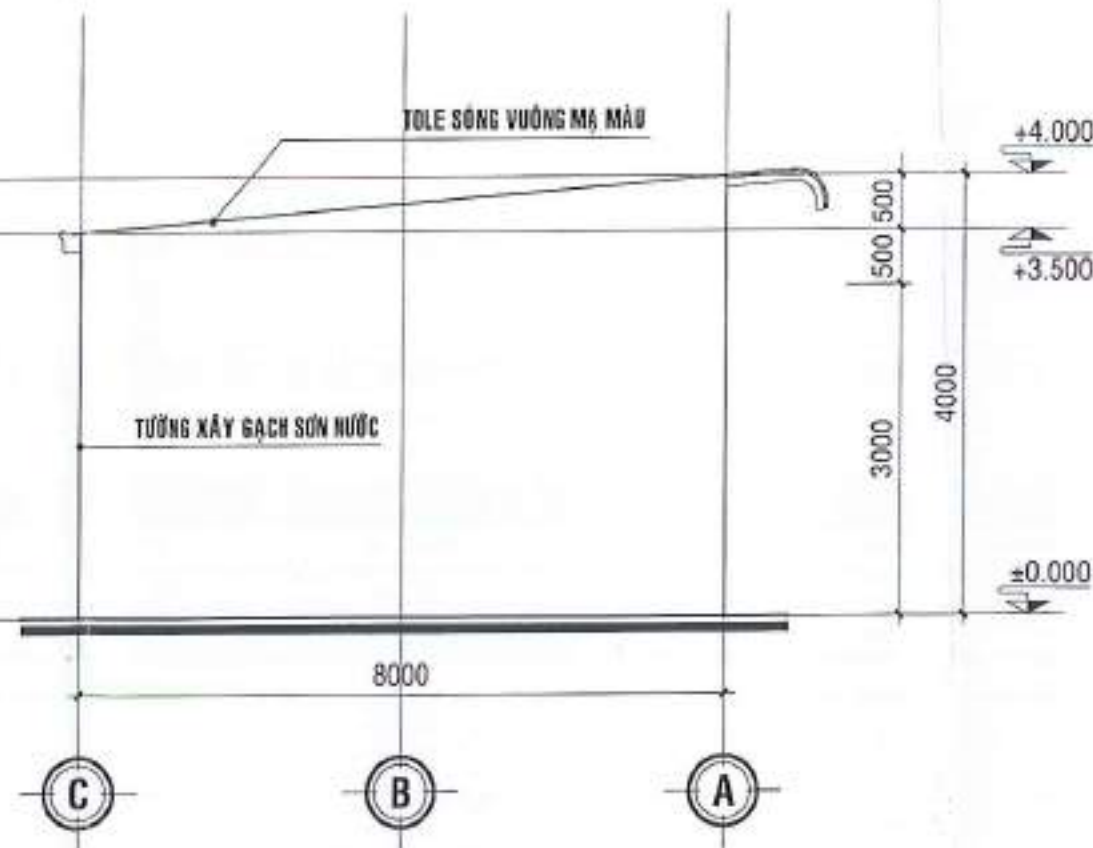
KT: 03/13



MẶT ĐỨNG TRỰC 1 - 2 TL 1/100



MẶT CẮT A - A TL 1/100



MẶT ĐỨNG TRỰC C - A TL 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ

100 KINH DOANH THƯƠNG THỊ MINH THUY

THƯƠNG THỊ MINH THUY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯƠNG XANH

HX

Địa chỉ: Lã Vọng, phường 8, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (028) 3610128
Fax: (028) 3610128



DẶNG THANH HẢI

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KTS. HÀ QUỐC BÌNH	<i>hqb</i>
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ	KTS. HÀ QUỐC BÌNH	<i>hqb</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. PHƯƠNG VĂN THẾ	<i>ptv</i>

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHỐI (KHÔNG SƠN THÀNH PHẨM).

Địa điểm xây dựng: Thửa đất 35, 10 thửa đất 12, KP 2, P. Vĩnh Tân, TX. Tân Uyên, Bình Dương

HẠNG MỤC:

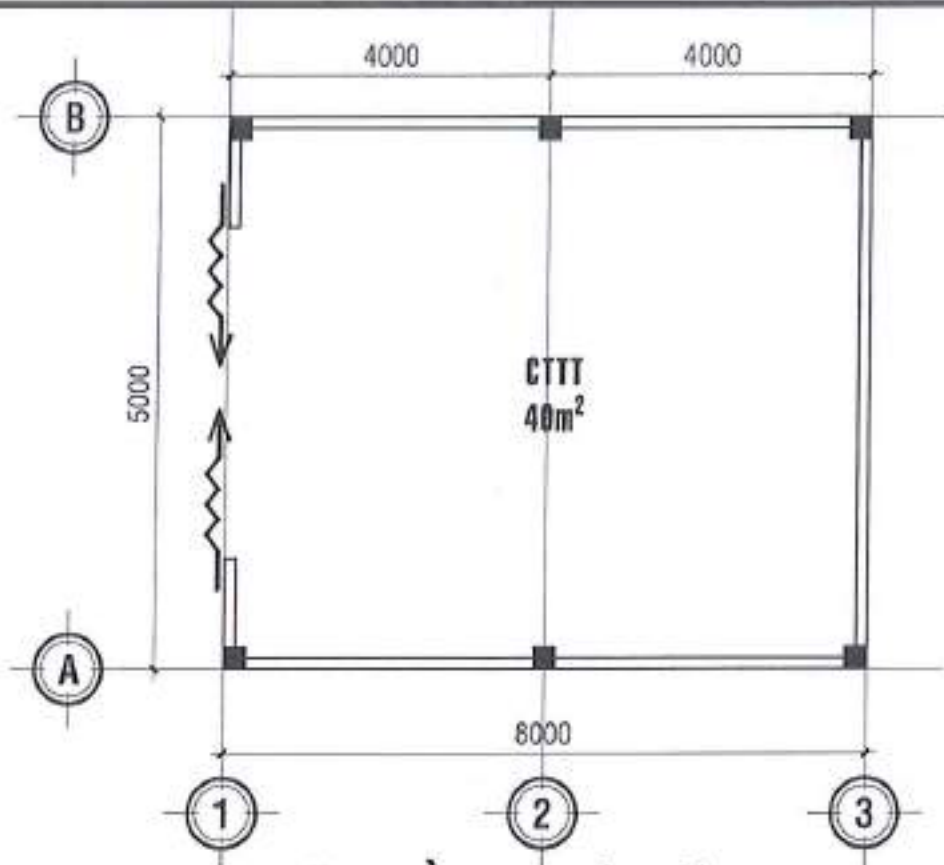
PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
XIN PHÉP XÂY DỰNG	☒
HOÀN CÔNG	☐

TÊN BẢN VẼ:

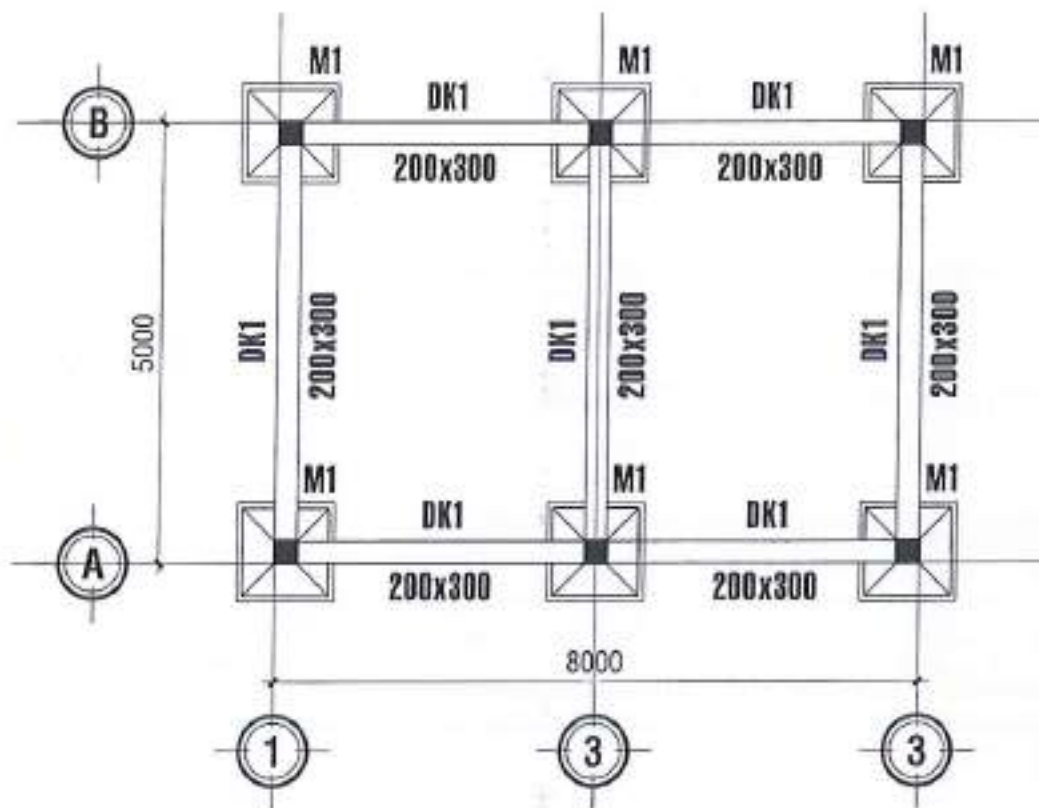
KHO CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG

NGÀY HOÀN THÀNH
20/07/2022

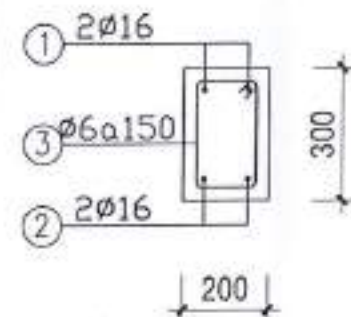
BẢN VẼ SỐ
KT : 08/13



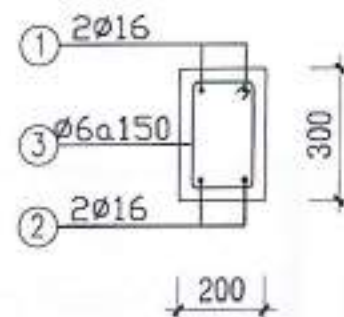
MẶT BẰNG NHÀ RÁC TL 1/100



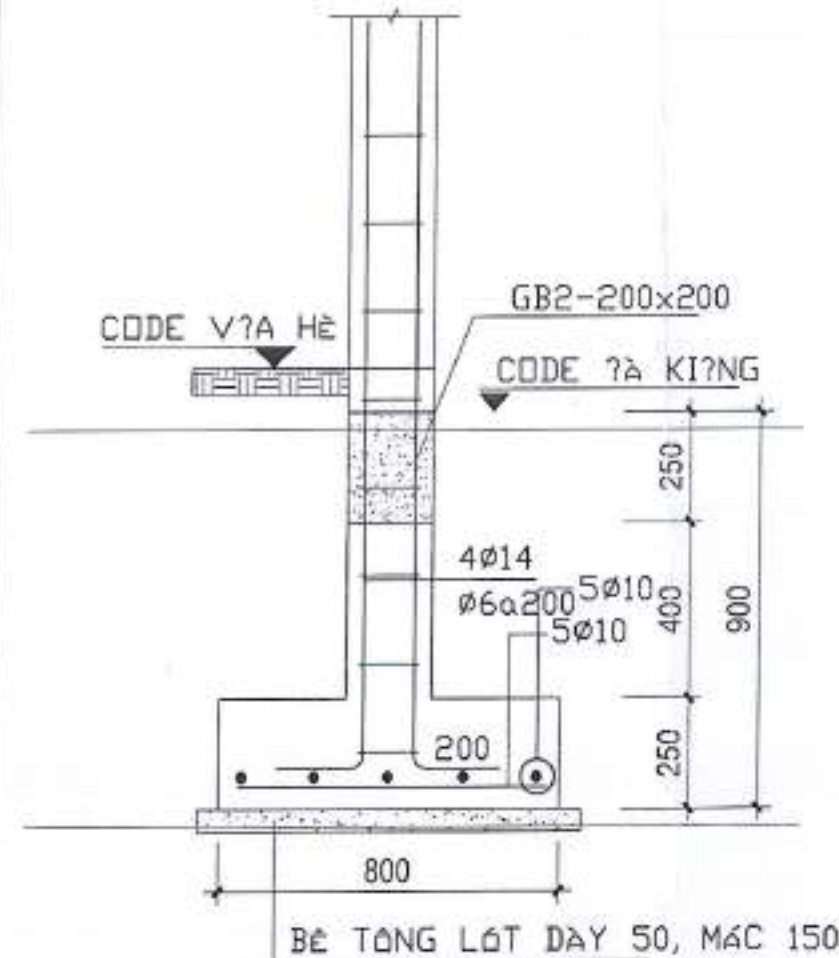
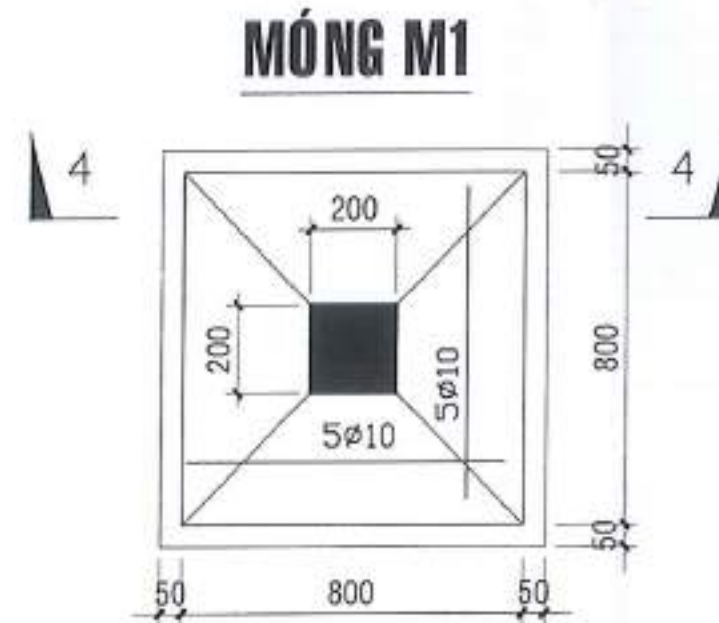
**MẶT BẰNG MÓNG,
ĐÀ KIỀNG NHÀ RÁC** TL 1/100



DK1
TL 1/25



DẦM D1
TL 1/25



MẶT CẮT 4 - 4 TL 1/25

CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ KINH DOANH THƯƠNG THÊ MINH THỦY

THƯƠNG THÊ MINH THỦY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
HƯỚNG XANH

HX

Địa chỉ: Lê Thị, đường số 8, KDC Hiệp Thành 3, phường
Hiệp Thành, thành phố Thủ Đức, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0274) 2616129
Di động: 993 103 70 06

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ
HƯỚNG XANH

CHỦ NHIỆM ĐU AN	KTS. HÀ QUỐC BÌNH	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ	KTS. HÀ QUỐC BÌNH	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KS. PHƯƠNG HÂN THỊ	<i>[Signature]</i>

TÊN CÔNG TRÌNH

GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ
NGUYÊN LIỆU GỖ PHỐI(KHÔNG
SƠN THÀNH PHẨM).

Địa điểm xây dựng: THỦY CÁT 25, TỶ BÀN DỒ SỐ 12,
K.P 2, P. VĨNH TÂM, T.X. CẨM MỸ, BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC:

PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
XIN PHÉP XÂY DỰNG	☒
HOÀN CÔNG	☐

TÊN SÂN VỆ:

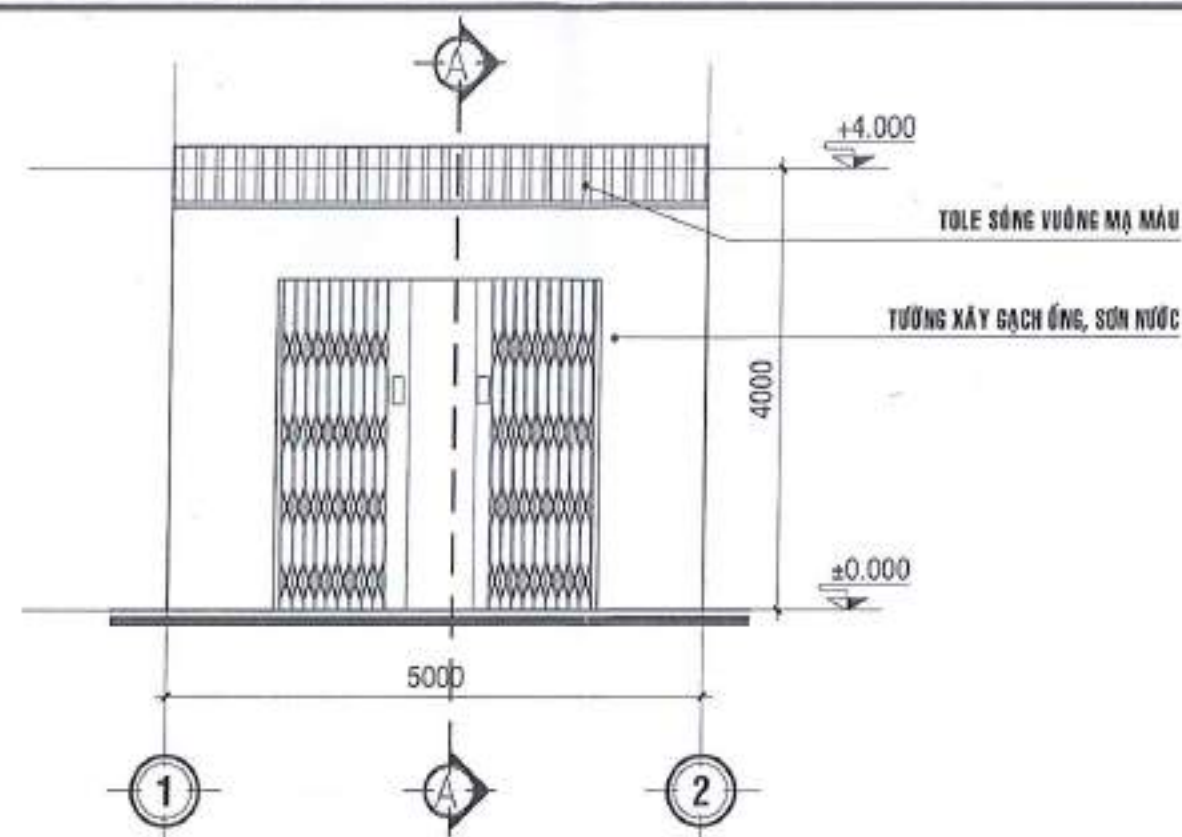
KHO CHỨA
CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG

NGÀY HOÀN THÀNH:

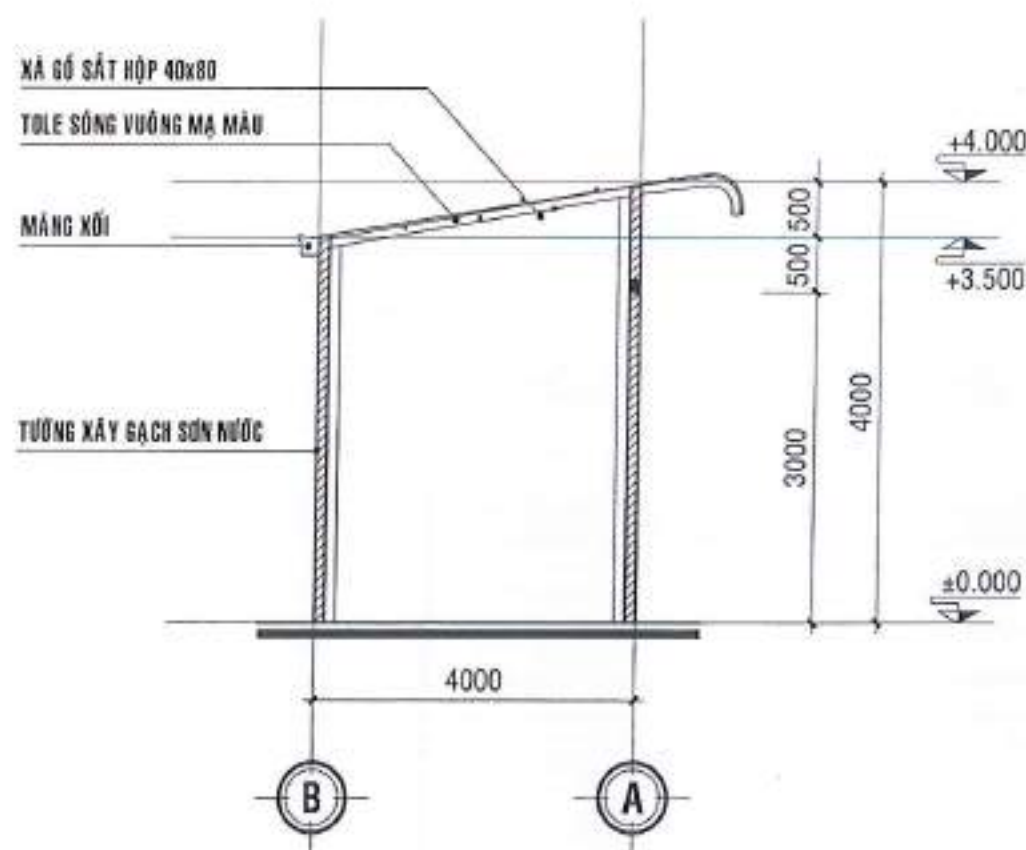
20/07/2022

BẢN VẼ SỐ:

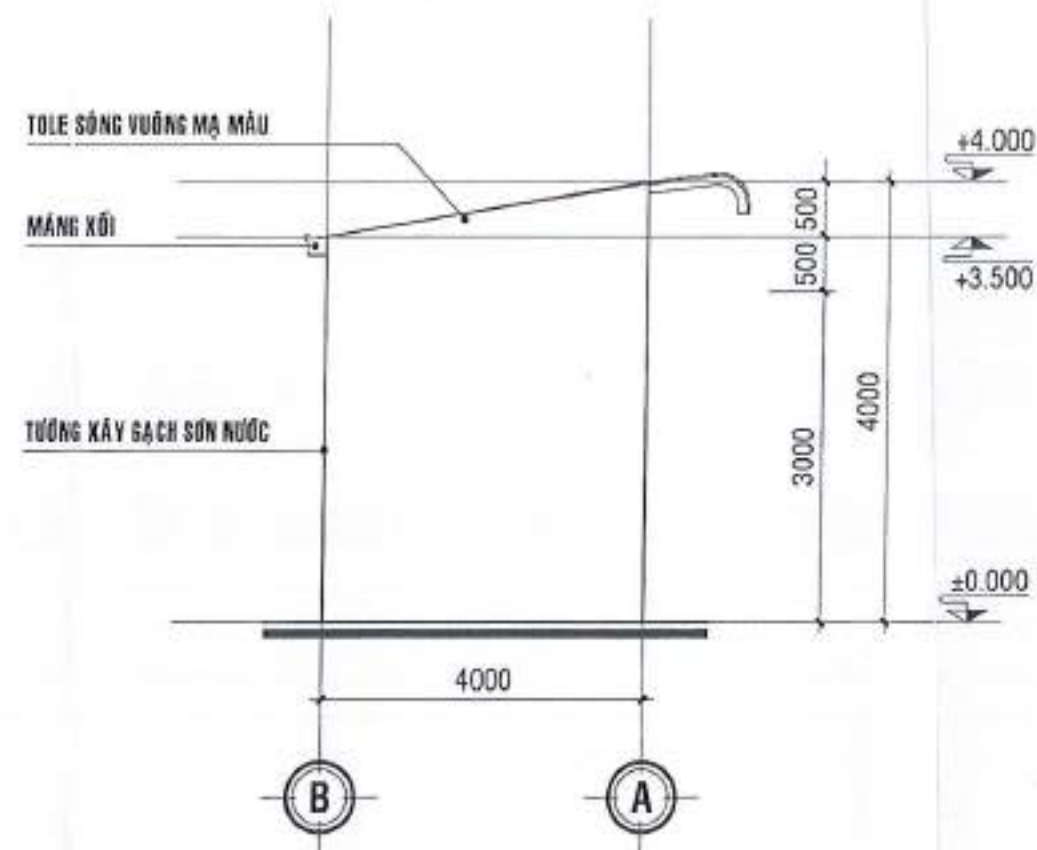
KT : 09
13



MẶT ĐỪNG TRỤC 1 - 2 TL 1/100



MẶT CẮT A - A TL 1/100



MẶT ĐỪNG TRỤC B - A TL 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ

HỒ KINH DOANH THƯƠNG THIỆM MINH THỦY

Minh Thủy

THƯƠNG THIỆM MINH THỦY

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
HƯỜNG XANH



Địa chỉ: Lô B4, đường số 6, Xóm Hiệp Thành 2, phường
Hiệp Thành, thành phố Thủ Đức TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (0274) 3616130
Email: 093.103.33.68



CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KTS. H. QUỐC BÌNH	<i>phb</i>
CHỦ THỦ THIẾT KẾ	KTS. H. QUỐC BÌNH	<i>phb</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KTS. PHƯƠNG MỸ THỊ	<i>Phu</i>

TÊN CÔNG TRÌNH

**GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ
NGUYÊN LIỆU GỖ PHÔI(KHÔNG
SƠN THÀNH PHẨM).**

Địa điểm xây dựng: THÔN DẤT 35, TỔ 10 ẤP DỐ SỐ 12,
XP 2, P. VĨNH TÂN, TX. TÂN PHÚ, BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC:

PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
XIN PHÉP XÂY DỰNG	☒
HOÀN CÔNG	☐

TÊN BẢN VẼ:

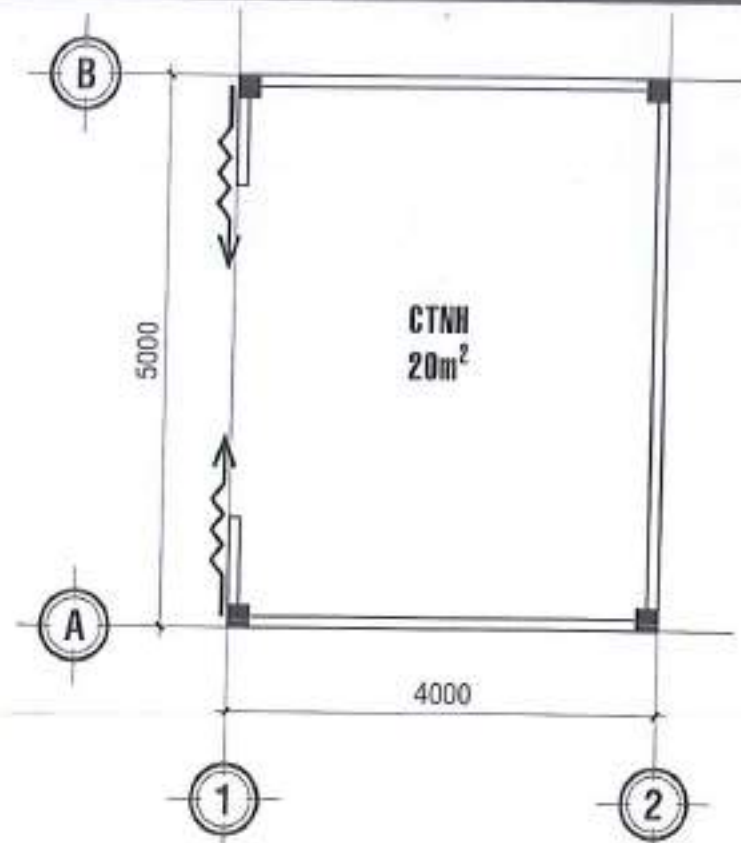
**KHO CHỮA
CHẤT THẢI NGUY HẠI**

NGÀY HOÀN THIỆN:

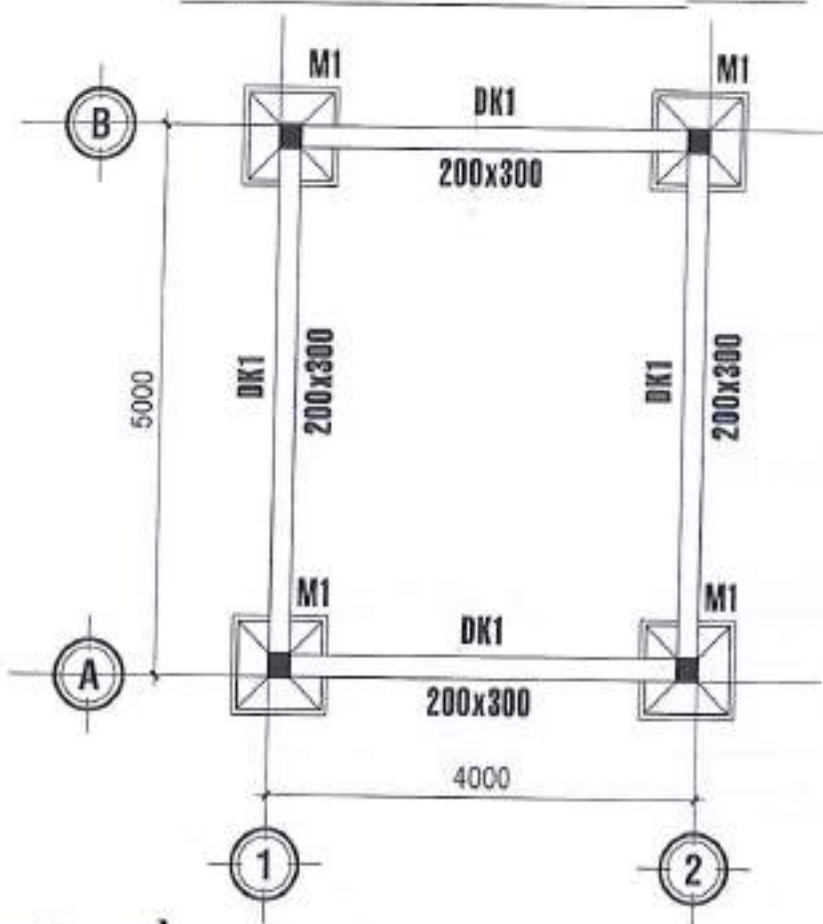
28/07/2022

BẢN VẼ SỐ:

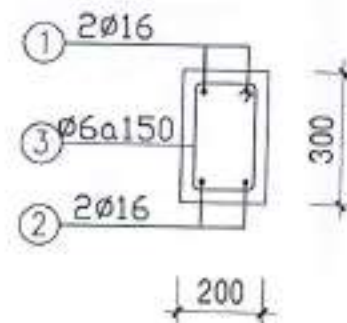
KT: 10/13



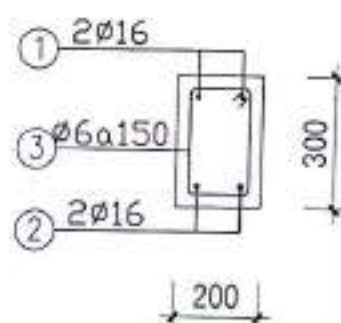
MẶT BẰNG NHÀ RÁC TL 1/100



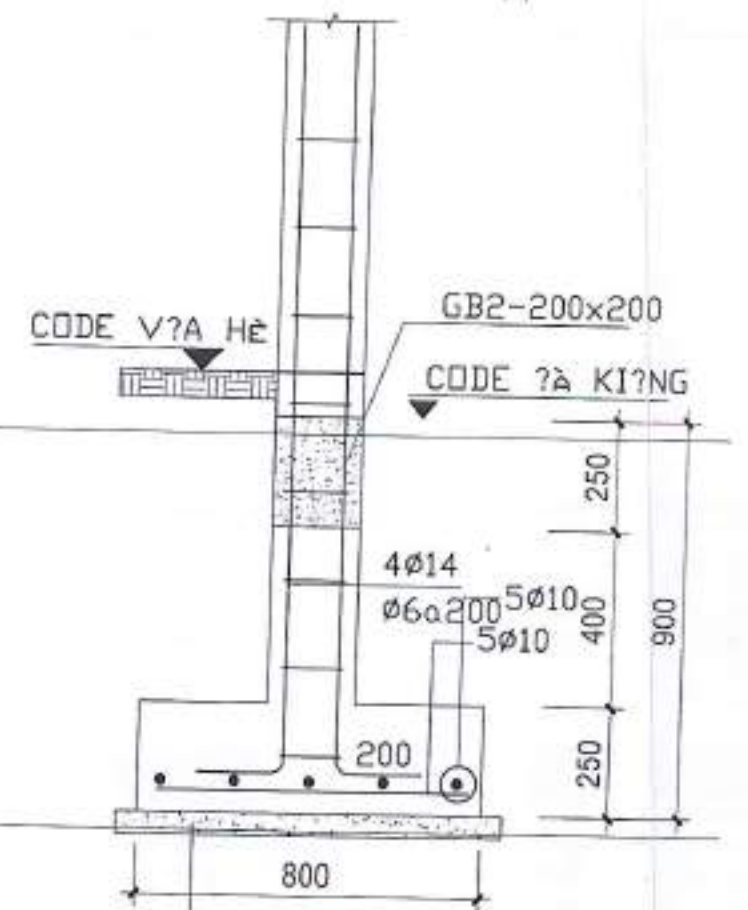
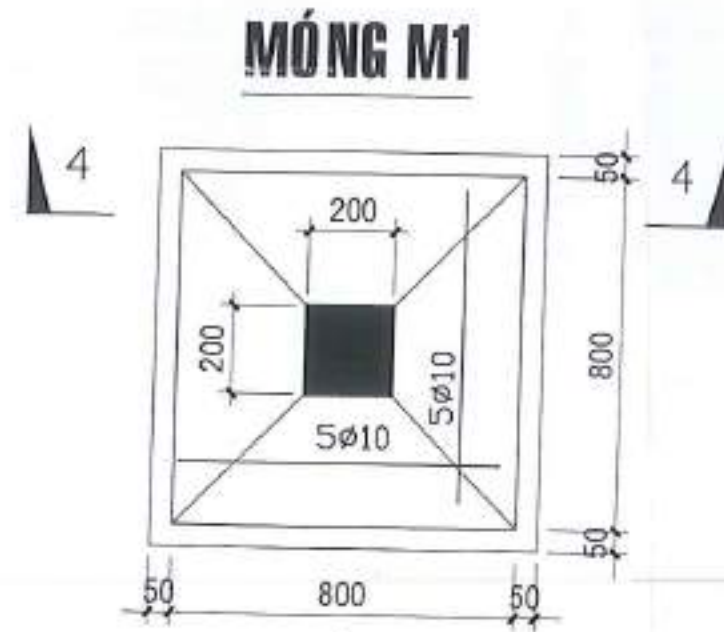
**MẶT BẰNG MÓNG,
ĐÀ KIỀNG NHÀ RÁC** TL 1/100



DK1
TL 1/25



DẦM D1
TL 1/25



MẶT CẮT 4-4 TL 1/25

CHỦ ĐẦU TƯ	
HỒ KINH DOANH THƯƠNG THIỆP MINH THUY	
THƯƠNG THIỆP MINH THUY	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HƯỚNG XANH	
Địa chỉ: 16/14, đường số 8, KDC Hiệp Thành 3, phường Hiệp Thành, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: (0274) 3616126 Di động: 093 103 33 66	
GIÁM ĐỐC	
CHỖ NHẬN DỰ ÁN	KTS. MA QUỐC BÌNH
CHỖ THI THIẾT KẾ	KTS. MA QUỐC BÌNH
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KTS. PHƯƠNG VĂN THỊ
TÊN CÔNG TRÌNH	
GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG TỪ NGUYÊN LIỆU GỖ PHỒI (KHÔNG SƠN THÀNH PHẨM).	
Địa điểm xây dựng: THUA ĐẤT SỐ 10, ĐƯỜNG SỐ 12, KP 2, P. VĨNH TÂN, TX. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG	
HẠNG MỤC:	
PHƯƠNG ÁN TRÌNH XEM	☐
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐
XIN PHÉP XÂY DỰNG	☒
HOÀN CÔNG	☐
TÊN BẢN VẼ:	
KHO CHỮA CHẤT THẢI NGUY HẠI	
NGÀY HOÀN THÀNH:	BẢN VẼ SỐ:
29/07/2022	KT: 11/13